Hướng dẫn Vận hành

Bộ Kéo Reelmaster® 5610-D

Kiểu Model—Dải Sê-ri

03966—418300000 và Lên

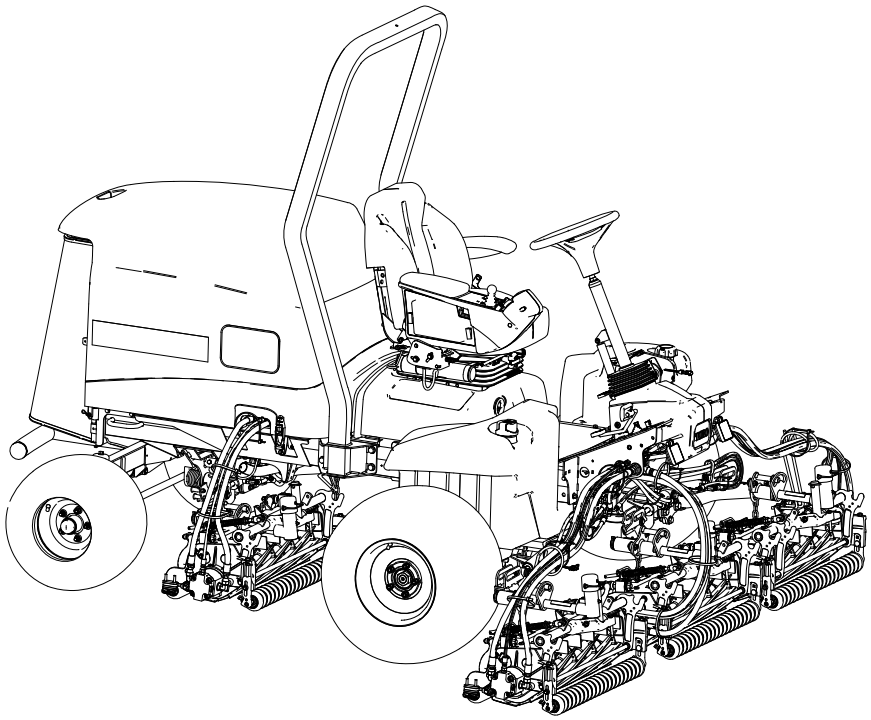

3474-880A

Bản dịch từ Bản gốc (VI)

3474-880 A

Tuyên bố từ chối trách nhiệm và thông tin quy định

Sản phẩm này tuân thủ tất cả các chỉ thị liên quan của Châu Âu; để biết thông tin chi tiết, vui lòng xem tờ Tuyên bố Tuân thủ (DOC) dành riêng cho sản phẩm.

Chứng nhận khả năng tương thích điện từ

Nếu máy này được trang bị thiết bị viễn tin, hãy tham khảo nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để biết hướng dẫn kích hoạt thiết bị.

Nội địa: Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy tắc FCC. Việc vận hành tuân theo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không được gây ra can nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi can nhiễu có thể thu được, bao gồm cả can nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn.

FCC ID: APV-3640LB

IC: 5843C-3640LB

Thiết bị này đã được thử nghiệm và nhận thấy tuân thủ trong giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số Loại B, theo phần 15 của Quy tắc FCC. Những giới hạn này được thiết kế để cung cấp khả năng bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại trong lắp đặt dân dụng. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể bức xạ năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không thể bảo đảm là can nhiễu sẽ không xảy ra trong quá trình lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu cho quá trình thu sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người dùng được khuyến khích cố gắng kết nối nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau:

- Định hướng lại hoặc di dời ăng-ten thu.
- Tăng phân cách giữa thiết bị và bộ thu.
- Kết nối thiết bị vào ổ cắm trên mạch khác với mạch mà bộ thu được kết nối.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/tivi có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Argentina

H-31397

New Zealand

R-NZ

Úc

Hàn Quốc

R-R-Tor-HMU3640LB

© 2025—The Toro® Company
8111 Lyndale Ave So
Bloomington, MN 55044

Liên hệ chúng tôi tại www.Toro.com
In tại Hoa Kỳ
Bảo lưu mọi quyền

Chứng nhận khả năng tương thích điện từ (tiếp tục)

Ma-rốc

AGREE PAR L'ANRT MAROC

Numéro d'agrément: MR00004789ANRT20024

Date d'agrément: 11/4/2024

Mục lục

Tuyên bố từ chối trách nhiệm và thông tin quy định 2
Chương 1: Giới thiệu 1–1
Mục đích sử dụng 1–1
Nhận trợ giúp 1–1
Quy ước thủ công 1–2
Phân loại cảnh báo an toàn 1–2
Chương 2: An toàn 2–1
Thông tin tổng quát về an toàn 2–1
An toàn Trước khi Vận hành 2–1
An toàn Nhiên liệu 2–2
An toàn Trong Vận hành 2–2
An toàn theo Hệ thống Chống Lật (ROPS) 2–3
An toàn trên Dốc 2–3
An toàn Sau Vận hành 2–4
An toàn Bảo trì 2–5
An toàn Động cơ 2–5
An toàn Hệ thống Điện 2–5
An toàn Hệ thống Làm mát 2–6
An toàn Hệ thống Thủy lực 2–6
An toàn Lưỡi cắt 2–6
An toàn Cất giữ 2–6
Nhãn mác an toàn và hướng dẫn 2–8
Chương 3: Thiết lập 3–1
1 Chuẩn bị Máy 3–1
2 Điều chỉnh Vị trí Tay đòn Điều khiển 3–1
3 Lắp các Dao xoắn 3–2
Chuẩn bị Máy 3–2
Chuẩn bị các dao xoắn 3–2
Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ và Lắp Dẫn hướng Ống mềm 3–3
Lắp Dẫn hướng Ống mềm 3–5
Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ 3–6
Lắp Chân chống 3–8
Lắp Dao xoắn Phía trước vào tay đòn Nâng 3–8
Lắp Dao xoắn Phía sau vào tay đòn Nâng 3–9
Lắp Dao xoắn Phía sau vào tay đòn Nâng 3–9
Khóa trục của dao xoắn để cắt cỏ trên sườn đồi 3–10
Lắp đặt Xích tay đòn Nâng của Dao xoắn 3–10
Lắp đặt Mô-tơ Guồng xoắn 3–11

4 Lắp đặt thiết bị viễn tin 3–12
5 Sử dụng Chân chống Dao xoắn 3–14
6 Dán nhãn mác năm sản xuất 3–15
Chương 4: Tổng quan về sản phẩm 4–1
Điều khiển 4–1
Công tắc Chìa khóa 4–2
Cần điều khiển Nâng/Hạ Cắt cỏ 4–2
Công tắc phanh đỗ 4–2
Công tắc điều khiển hành trình 4–3
Công tắc truyền năng lượng (PTO) 4–3
Công tắc Đèn trước 4–4
Cần điều khiển van tiết lưu 4–4
Màn hình InfoCenter 4–4
Bàn đạp Lái Nghiêng 4–5
Bàn đạp Kéo 4–5
Chỉ báo Hạn chế Bộ lọc Thủy lực 4–6
Điểm Nguồn 4–6
Điều khiển ghế 4–6
Cần Mài rà ngược 4–8
Thông số kỹ thuật 4–8
Bộ gá/Phụ kiện 4–8
Chương 5: Vận hành 5–1
Trước khi vận hành 5–1
Thực hiện Bảo trì Hàng ngày 5–1
Nhiên liệu 5–1
Kiểm tra Công tắc Khóa liên động 5–3
Tổng quan về màn hình InfoCenter 5–5
Trong quá trình vận hành 5–13
Tổng quan về đặc điểm vận hành máy 5–13
Vận hành máy 5–13
Tổng quan về bàn đạp kéo 5–14
Tổng quan về tính năng Dừng bàn đạp ảo (VPS) 5–14
Điều khiển hành trình 5–15
Tổng quan về chế độ tăng tốc 5–17
Tổng quan về chế độ khởi động 5–17
Khởi động Động cơ 5–17
Tắt Động cơ 5–18
Điều chỉnh Đối trọng tay đòn Nâng 5–18
Điều chỉnh Vị trí Xoay tay đòn Nâng 5–19
Điều chỉnh Lò xo Cân bằng Sân cỏ 5–19
Cắt Cỏ bằng Máy 5–20
Cài đặt Tốc độ Guồng xoắn 5–21
Tổng quan về đèn chỉ báo 5–22
Lời khuyên về Vận hành 5–22
Sau khi vận hành 5–25
Vị trí Điểm Buộc 5–25
Vận chuyển Máy 5–26
Đẩy hoặc Kéo Máy 5–26
Chương 6: Bảo trì 6–1
Lịch bảo trì đề xuất 6–1
Danh sách Kiểm tra Bảo trì Hàng ngày 6–5

Quy trình trước khi bảo trì 6–6
Chuẩn bị Bảo trì 6–6
Mở Mui xe 6–7
Đóng Mui xe 6–7
Mở Màn 6–8
Đóng Màn 6–8
Nghiêng Ghế 6–8
Hạ Ghế 6–9
Vị trí Điểm Kích 6–9
Bôi trơn 6–9
Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót 6–9
Vị trí núm tra mỡ 6–10
Bảo trì động cơ 6–11
Kiểm tra bộ lọc khí 6–11
Đặt lại Chỉ báo Dịch vụ Bộ lọc Khí 6–12
Bảo dưỡng Bộ lọc Khí 6–12
Thông số kỹ thuật của dầu động cơ 6–13
Kiểm tra mức dầu động cơ 6–14
Thay Dầu Động cơ và Bộ lọc 6–15
Bảo trì hệ thống nhiên liệu 6–16
Lưu trữ nhiên liệu 6–16
Bảo dưỡng bình tách nhiên liệu/nước 6–17
Xả Hệ thống Nhiên liệu 6–18
Xả và Làm sạch Bình Nhiên liệu 6–19
Kiểm tra Đường dẫn Nhiên liệu và Kết nối 6–19
Làm sạch Màn Ống Nạp Nhiên liệu 6–20
Mồi hệ thống nhiên liệu 6–22
Bảo trì hệ thống điện 6–23
Kiểm tra cáp điện 6–23
Ngắt kết nối Ắc quy 6–23
Kết nối Ắc quy 6–24
Sạc Ắc quy 6–24
Bảo dưỡng Ắc quy 6–25
Thay cầu chì trong khối nắp cầu chì 12 V 6–25
Thay cầu chì TEC 6–26
Bảo trì hệ thống truyền động 6–26
Kiểm tra Áp suất Lốp 6–26
Tạo mô-men xoắn cho Đai ốc Vấu ở Bánh xe 6–27
Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục 6–27
Kiểm tra Căn chỉnh Bánh Sau 6–27
Điều chỉnh Độ chụm của Bánh sau 6–28
Bảo trì Hệ thống Làm mát 6–28
Thông số kỹ thuật của chất làm mát 6–28
Kiểm tra Mức dung dịch làm mát 6–30
Kiểm tra các ống mềm của hệ thống làm mát 6–30
Làm sạch Hệ thống Làm mát Động cơ 6–30
Bảo trì dây đai 6–32
Căng Dây đai Máy dao điện 6–32
Bảo trì hệ thống thủy lực 6–32
Thông số kỹ thuật của Chất lỏng Thủy lực 6–32
Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực 6–33

Kiểm tra đường dẫn và ống mềm thủy lực 6–34
Thay Bộ lọc Thủy lực 6–34
Thay Chất lỏng Thủy lực 6–36
Bảo trì Dao xoắn 6–38
Kiểm tra Điểm tiếp xúc của Guồng xoắn với Dao bụng 6–38
Mài bột đáMài rà ngược Dao xoắn 6–38
Bảo trì Khung gầm 6–41
Kiểm tra Dây đai An toàn 6–41
Làm sạch 6–41
Rửa Máy 6–41
Chương 7: Bảo quản 7–1
An toàn Cất giữ 7–1
Cất giữ Máy 7–1
Cất giữ Ắc quy 7–2
Thông tin Cảnh báo theo Dự luật 65 của California

Mục đích sử dụng

Đây là máy cắt cỏ ngồi lái, có lưỡi cắt theo guồng xoắn, được thiết kế để nhân viên vận hành chuyên nghiệp của công ty sử dụng trong các ứng dụng thương mại. Máy chủ yếu được thiết kế để cắt cỏ trên sân cỏ được bảo dưỡng tốt. Việc sử dụng sản phẩm này cho các mục đích khác với mục đích sử dụng ban đầu có thể gây nguy hiểm cho bạn và những người xung quanh.

Hãy đọc kỹ thông tin này để hiểu cách vận hành và bảo trì sản phẩm của bạn đúng cách cũng như để tránh gây chấn thương và hư hỏng sản phẩm. Bạn là người chịu trách nhiệm vận hành sản phẩm đúng cách và an toàn.

Nhận trợ giúp

Hãy truy cập www.Toro.com để xem các tài liệu hướng dẫn về an toàn và vận hành sản phẩm, thông tin về phụ kiện, trợ giúp tìm đại lý hoặc đăng ký sản phẩm của bạn.

Bất cứ khi nào bạn cần dịch vụ, phụ tùng Torochính hãng hoặc thông tin bổ sung, vui lòng chuẩn bị sẵn mẫu máy, số sê-ri của sản phẩm và liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc Dịch vụ Khách hàng Toro. Những con số này được đặt trên tấm biển số sê-ri trên sản phẩm của bạn (1). Hãy viết các số vào khoảng trống cho sẵn.

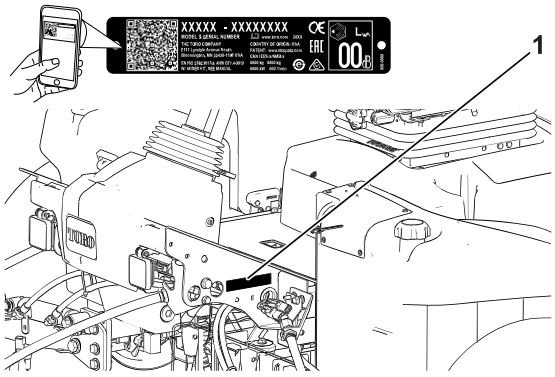

G439286

QUAN TRỌNG

Bạn có thể quét mã QR trên nhãn mác số sê-ri (nếu được trang bị) bằng thiết bị di động của mình để truy cập thông tin về bảo hành, phụ tùng và các sản phẩm khác.

Số kiểu model:		**Số Sê-ri:**	

Quy ước thủ công

Hướng dẫn sử dụng này xác định các nguy cơ tiềm ẩn và chứa các thông báo an toàn được nhận biết bằng ký hiệu cảnh báo an toàn báo hiệu nguy cơ có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu bạn không tuân theo các biện pháp phòng ngừa được khuyến nghị.

G405934

Hướng dẫn sử dụng này sử dụng 2 từ để nêu bật thông tin. **Các chú ý quan trọng** về thông tin cơ học đặc biệt và **Lưu ý** đều nhấn mạnh thông tin chung mà bạn cần đặc biệt lưu tâm.

Phân loại cảnh báo an toàn

Ký hiệu cảnh báo an toàn được trình bày cả trong sách hướng dẫn này và trên máy để xác định các thông báo an toàn quan trọng mà bạn phải tuân theo để phòng ngừa tai nạn.

Ký hiệu cảnh báo an toàn xuất hiện phía trên thông tin để cảnh báo cho bạn về các hành động hoặc tình huống không an toàn và theo sau là từ **NGUY HIỂM**, **CẢNH BÁO** hoặc **THẬN TRỌNG**.

NGUY HIỂM

Nguy hiểm cho biết trường hợp nguy hiểm sắp xảy ra, nếu không tránh, *sẽ* dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

CẢNH BÁO

Cảnh báo cho biết trường hợp nguy hiểm tiềm ẩn, nếu không tránh, *có thể* sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

THẬN TRỌNG

Thận trọng cho biết trường hợp nguy hiểm tiềm ẩn, nếu không tránh, *có thể* dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình.

Thông tin tổng quát về an toàn

- Sản phẩm này có thể cắt cụt tay, chân và có thể làm bắn văng vật thể ra xung quanh.
- Đọc và hiểu nội dung của *Hướng dẫn Vận hành* này trước khi khởi động động cơ.
- Bạn cần tập trung cao độ khi vận hành máy. Tránh bị phân tâm vào bất kỳ hoạt động nào khác; nếu không, bạn có thể gây chấn thương cho bản thân hoặc gây thiệt hại về tài sản.
- Không để tay hoặc chân của bạn gần các bộ phận đang chuyển động của máy.
- Không vận hành máy khi tất cả các bộ phận bảo vệ và các thiết bị bảo vệ an toàn khác không ở đúng vị trí và không hoạt động bình thường trên máy.
- Không để những người xung quanh và trẻ em lại gần khu vực vận hành. Tuyệt đối không để trẻ em vận hành máy.
- Tắt động cơ, rút chìa khóa, và chờ máy dừng tất cả mọi chuyển động trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành. Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.

Việc sử dụng hoặc bảo trì máy không đúng cách có thể dẫn đến chấn thương. Để giảm khả năng bị thương, hãy tuân thủ hướng dẫn an toàn này và luôn chú ý đến ký hiệu cảnh báo an toàn ⚠, có nghĩa là **Thận trọng**, **Cảnh báo** hoặc **Nguy hiểm** — hướng dẫn an toàn cá nhân. Việc không tuân thủ hướng dẫn này có thể dẫn đến thương tích cá nhân hoặc tử vong.

An toàn Trước khi Vận hành

- Không bao giờ cho phép trẻ em hoặc người chưa được đào tạo vận hành hoặc bảo trì máy. Quy định địa phương có thể hạn chế độ tuổi của người vận hành. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm đào tạo tất cả các nhân viên vận hành và thợ máy.
- Làm quen với cách vận hành máy an toàn, nút điều khiển của người vận hành và biển báo an toàn.
- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy làm như sau:
  - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng
  - Tắt và hạ dao xoắn.
  - Gài phanh tay.
  - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
  - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
  - Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.

- Biết cách dừng máy và tắt động cơ nhanh chóng.
- Không vận hành máy khi tất cả các bộ phận bảo vệ và các thiết bị bảo vệ an toàn khác không ở đúng vị trí và không hoạt động bình thường trên máy.
- Trước khi cắt cỏ, hãy luôn kiểm tra máy để đảm bảo các dao xoắn ở tình trạng hoạt động tốt.
- Kiểm tra khu vực bạn sẽ sử dụng máy và loại bỏ tất cả các đồ vật có thể bị văng ra từ máy.
- Sản phẩm này tạo ra trường điện từ. Nếu bạn đeo thiết bị y tế điện tử cấy ghép, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia chăm sóc sức khỏe của bạn trước khi sử dụng sản phẩm này.

An toàn Nhiên liệu

- Hết sức cẩn thận khi xử lý nhiên liệu. Nhiên liệu dễ cháy và hơi nhiên liệu dễ gây nổ.
- Dập tắt tất cả thuốc lá, xì gà, tẩu thuốc và các nguồn phát lửa khác.
- Chỉ sử dụng bình chứa nhiên liệu đã được phê duyệt.
- Không tháo nắp nhiên liệu hoặc đổ vào bình nhiên liệu khi động cơ đang chạy hoặc đang nóng.
- Không đổ thêm hoặc xả nhiên liệu trong không gian kín.
- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.
- Nếu bạn đổ tràn nhiên liệu, đừng cố khởi động động cơ; tránh tạo ra bất kỳ nguồn phát lửa nào cho đến khi hơi nhiên liệu tan hết.

An toàn Trong Vận hành

- Chủ sở hữu/người vận hành có thể ngăn chặn và chịu trách nhiệm về những tai nạn có thể gây chấn thương cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.
- Mặc quần áo phù hợp, bao gồm bảo vệ mắt; quần dài; giày dép chắc chắn, chống trơn trượt; và bảo vệ thính giác. Buộc tóc dài lại và không mặc quần áo rộng hoặc đeo trang sức lỏng lẻo. Đeo mặt nạ chống bụi trong điều kiện hoạt động nhiều bụi.
- Không vận hành máy khi bị ốm, mệt mỏi hoặc đang chịu ảnh hưởng của các chất có cồn, chất gây nghiện.
- Bạn cần tập trung cao độ khi vận hành máy. Tránh bị phân tâm vào bất kỳ hoạt động nào khác; nếu không, bạn có thể gây chấn thương cho bản thân hoặc gây thiệt hại về tài sản.
- Trước khi khởi động động cơ, hãy đảm bảo tất cả bộ phận truyền động đều ở vị trí số Mo, phanh tay đã được gài và bạn đang ở vị trí vận hành.
- Không chở người khác đi cùng trên máy và không để những người xung quanh và trẻ em lại gần khu vực vận hành.
- Chỉ vận hành máy khi có tầm nhìn tốt để tránh lỗ hổng hoặc nguy cơ tiềm ẩn.
- Tránh cắt trên cỏ ướt. Lực kéo giảm có thể khiến máy bị trượt.
- Không để tay và chân của bạn lại gần dao xoắn.

- Quan sát phía sau và phía dưới trước khi lùi để đảm bảo đường đi thông suốt.
- Cẩn thận khi đến gần góc khuất, bụi rậm, cây cối hoặc các vật thể khác có thể che khuất tầm nhìn của bạn.
- Dừng các dao xoắn bất cứ khi nào bạn không cắt cỏ.
- Giảm tốc độ và thận trọng khi lái máy rẽ và băng qua đường và vỉa hè. Luôn nhường quyền ưu tiên qua đường.
- Chỉ vận hành động cơ ở những khu vực thông gió tốt. Khí thải có chứa carbon monoxide, có thể gây chết người nếu hít phải.
- Không để máy chạy mà không được giám sát.
- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy làm như sau:
  - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
  - Tắt và hạ dao xoắn.
  - Gài phanh tay.
  - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
  - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
  - Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Chỉ vận hành máy khi có tầm nhìn tốt và điều kiện thời tiết thích hợp. Không vận hành máy khi có nguy cơ bị sét đánh.
- Chỉ sử dụng điều khiển hành trình (nếu được trang bị) khi bạn có thể vận hành máy ở khu vực thoáng đãng, bằng phẳng, không có chướng ngại vật và ở nơi máy có thể di chuyển với tốc độ không đổi mà không bị gián đoạn.

An toàn theo Hệ thống Chống Lật (ROPS)

- Không tháo bất kỳ bộ phận nào của ROPS ra khỏi máy.
- Đảm bảo đã gắn dây đai an toàn và bạn có thể tháo dây nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp.
- Luôn luôn đeo dây đai an toàn.
- Kiểm tra cẩn thận các vật cản trên cao và không tiếp xúc với chúng.
- Giữ ROPS ở tình trạng hoạt động an toàn bằng cách kiểm tra kỹ lưỡng định kỳ xem có hư hỏng gì không và siết chặt tất cả các chốt hãm.
- Thay thế tất cả các bộ phận ROPS bị hỏng. Không sửa chữa hoặc thay đổi chúng.

An toàn trên Dốc

- Dốc là yếu tố chính liên quan đến tai nạn mất kiểm soát và lật xe, có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong. Bạn có trách nhiệm vận hành dốc an toàn. Vận hành máy trên bất kỳ độ dốc nào cũng cần phải hết sức thận trọng.
- Đánh giá các điều kiện của địa điểm làm việc để xác định xem độ dốc có an toàn cho vận hành máy hay không, bao gồm khảo sát địa điểm. Luôn luôn suy xét dựa trên kinh nghiệm và đưa ra đánh giá hợp lý khi thực hiện khảo sát này.

An toàn trên Dốc (tiếp tục)

- Xem lại hướng dẫn về độ dốc được liệt kê dưới đây để vận hành máy trên dốc. Trước khi bạn vận hành máy, hãy đánh giá điều kiện tại hiện trường để xác định xem bạn có thể vận hành máy trong điều kiện vào ngày hôm đó và tại địa điểm đó hay không. Việc thay đổi về địa hình có thể dẫn đến thay đổi hoạt động của máy trên dốc.
  - Tránh khởi động, dừng hoặc quay máy trên đường dốc. Tránh thay đổi tốc độ hoặc phương hướng đột ngột. Thực hiện quay máy chậm và từ tốn.
  - Không vận hành máy trong bất kỳ điều kiện nào khi nghi ngờ có vấn đề về lực kéo, lái hoặc độ ổn định.
  - Loại bỏ hoặc đánh dấu vật cản như mương, hố, đường lún, chỗ lồi, đá hoặc các nguy cơ tiềm ẩn khác. Cỏ cao có thể che khuất vật cản. Địa hình không bằng phẳng có thể làm lật máy.
  - Lưu ý rằng việc vận hành máy trên cỏ ướt, ngang dốc hoặc xuống dốc có thể làm mất lực kéo của máy.
  - Hết sức thận trọng khi vận hành máy gần dốc thẳng đứng, mương, bờ kè, nguy cơ có nước hoặc các mối nguy hiểm khác. Máy có thể đột ngột lật nếu một bánh xe đi qua mép hoặc mép bị lún. Hãy thiết lập khu vực an toàn giữa máy và các mối nguy hiểm.
  - Xác định những mối nguy hiểm ở chân dốc. Nếu có nguy hiểm, hãy cắt cỏ trên dốc bằng máy loại đẩy tay.
  - Nếu có thể, hãy hạ thấp dao xoắn xuống sát đất khi đang vận hành trên dốc. Nâng dao xoắn khi đang vận hành trên dốc có thể khiến máy hoạt động không ổn định.

An toàn Sau Vận hành

- Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
- Tắt và hạ dao xoắn
- Gài phanh tay.
- Tắt động cơ và rút chìa khóa.
- Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
- Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Để giúp ngăn ngừa hỏa hoạn, hãy đảm bảo dao cắt, bộ phận truyền động, bộ triệt tiếng ồn, màn làm mát và khoang động cơ không có cỏ và mảnh vụn tích tụ. Làm sạch dầu hoặc nhiên liệu bị tràn.
- Tắt bộ phận truyền động đến bộ gá bất cứ khi nào bạn đang vận chuyển hoặc không sử dụng máy.
- Bảo trì và làm sạch (các) dây đai an toàn khi cần thiết.
- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc trên thiết bị khác.

An toàn Bảo trì

- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy thực hiện các bước sau:
  - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
  - Tắt và hạ dao xoắn.
  - Gài phanh tay.
  - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
  - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
  - Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Mặc quần áo phù hợp, bao gồm bảo vệ mắt; quần dài và giày dép chắc chắn, chống trơn trượt. Giữ tay, chân, quần áo, đồ trang sức và tóc dài tránh xa các bộ phận chuyển động.
- Để các bộ phận của máy nguội trước khi tiến hành bảo trì.
- Nếu có thể, không thực hiện bảo trì trong khi động cơ đang chạy. Không lại gần các bộ phận đang chuyển động.
- Chỉ vận hành động cơ ở những khu vực thông gió tốt. Khí thải có chứa carbon monoxide, có thể gây chết người nếu hít phải.
- Nâng đỡ máy bằng con đội kê bất cứ khi nào bạn làm việc dưới máy.
- Hãy cẩn thận nhả áp lực của các bộ phận có năng lượng dự trữ.
- Duy trì tất cả các bộ phận của máy ở tình trạng hoạt động tốt và cố định chặt tất cả phần cứng.
- Hãy thay tất cả các nhãn mác bị mòn hoặc bị hỏng.
- Để đảm bảo máy hoạt động an toàn, tối ưu, chỉ sử dụng các phụ tùng thay thế chính hãng của Toro. Các phụ tùng thay thế của các nhà sản xuất khác có thể gây nguy hiểm và việc sử dụng chúng có thể làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm.

An toàn Động cơ

- Tắt động cơ trước khi kiểm tra dầu hoặc đổ thêm dầu vào cacte.
- Không thay đổi tốc độ bộ điều khiển hoặc chạy quá tốc độ của động cơ.

An toàn Hệ thống Điện

- Ngắt kết nối ắc quy trước khi sửa chữa máy. Ngắt kết nối cực âm trước tiên và ngắt kết nối cực dương cuối cùng. Kết nối cực dương trước tiên và kết nối cực âm cuối cùng.
- Sạc ắc quy ở khu vực thoáng, thông gió tốt, tránh xa lửa và tia lửa. Rút phích cắm bộ sạc trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối ắc quy. Mặc quần áo bảo hộ và sử dụng các dụng cụ cách điện.

An toàn Hệ thống Làm mát

- Nuốt phải dung dịch làm mát động cơ có thể gây ngộ độc; để tránh xa tầm tay trẻ em và vật nuôi.
- Xả dung dịch làm mát nóng, có áp suất hoặc chạm vào bộ tản nhiệt nóng và các bộ phận xung quanh có thể gây bỏng nghiêm trọng.
  - Luôn để động cơ nguội ít nhất 15 phút trước khi tháo nắp bộ tản nhiệt.
  - Dùng giẻ lau khi mở nắp bộ tản nhiệt và mở nắp từ từ để hơi nước thoát ra ngoài.

An toàn Hệ thống Thủy lực

- Tìm kiếm dịch vụ chăm sóc y tế ngay lập tức nếu bị tiêm chất lỏng vào da. Chất lỏng bị tiêm phải được bác sĩ phẫu thuật loại bỏ trong vòng vài giờ.
- Đảm bảo tất cả các ống mềm và đường dẫn chất lỏng thủy lực ở tình trạng tốt và tất cả các kết nối và đầu nối thủy lực đều được siết chặt trước khi tạo áp lực lên hệ thống thủy lực.
- Giữ cơ thể và tay tránh khỏi vị trí rò rỉ qua lỗ chốt hoặc mắt phun phun ra chất lỏng thủy lực áp suất cao.
- Sử dụng bìa cứng hoặc giấy để tìm vị trí rò rỉ thủy lực.
- Giảm áp suất trong hệ thống thủy lực một cách an toàn trước khi thực hiện bất kỳ công việc nào trên hệ thống thủy lực.

An toàn Lưỡi cắt

- Lưỡi cắt hoặc dao bụng bị mòn hoặc bị hư hỏng có thể bị gãy và mảnh vụn có thể văng về phía bạn hoặc những người xung quanh, dẫn đến gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc gây tử vong.
- Kiểm tra các lưỡi cắt và dao bụng định kỳ xem có bị mòn hoặc hư hỏng quá mức hay không.
- Cẩn thận khi kiểm tra các lưỡi cắt. Đeo găng tay và bảo dưỡng một cách thận trọng. Chỉ thay hoặc mài bột đámài rà ngược lưỡi cắt và dao bụng; không bao giờ làm thẳng hoặc hàn.
- Trên máy có nhiều dao xoắn, hãy cẩn thận khi xoay một dao xoắn; nó có thể làm cho các guồng xoắn trong các dao xoắn khác quay.

An toàn Cất giữ

- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy làm như sau:
  - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
  - Tắt và hạ dao xoắn.
  - Gài phanh tay.
  - Tắt động cơ và rút chìa khóa.

  - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
  - Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.

Nhãn mác an toàn và hướng dẫn

Người vận hành có thể dễ dàng nhìn thấy các nhãn mác và hướng dẫn an toàn được đặt gần bất kỳ khu vực tiềm ẩn nguy hiểm nào. Hãy thay thế bất kỳ nhãn mác nào bị hỏng hoặc bị thiếu.

Ký hiệu Ắc quy

Một số hoặc tất cả các ký hiệu này nằm trên ắc quy của bạn.

s_batterysymbols2

1. Nguy cơ nổ
2. Cấm lửa, lửa trần hoặc hút thuốc
3. Nguy cơ bỏng do chất lỏng ăn da/bỏng hóa chất
4. Đeo thiết bị bảo vệ mắt.
5. Đọc *Hướng dẫn Vận hành*.
6. Không để những người xung quanh lại gần ắc quy.
7. Đeo thiết bị bảo vệ mắt; khí nổ có thể gây mù mắt và gây thương tích khác.
8. Axit trong ắc quy có thể gây mù mắt hoặc bỏng nghiêm trọng.
9. Rửa mắt ngay bằng nước và nhanh chóng gọi hỗ trợ y tế.
10. Chứa chì; không vứt vào thùng rác

Phần Decal: 93-6696

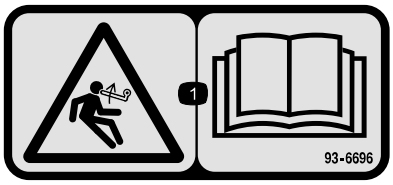

s_decal93-6696

1. Nguy cơ của năng lượng dự trữ — đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

Phần Decal: 93-7272

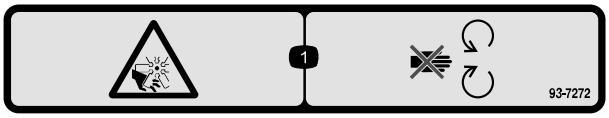

s_decal93-7272

1. Nguy cơ bị cắt/chặt tay hoặc chân; quạt — tránh xa các bộ phận đang chuyển động.

Phần Decal: 106-6754

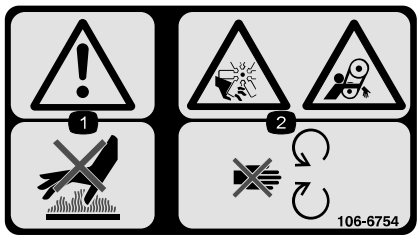

s_decal106-6754

1. Cảnh báo — không chạm vào bề mặt nóng.
2. Nguy cơ bị cắt/chặt tay hoặc chân, quạt, nguy cơ bị vướng mắc, dây đai — tránh xa các bộ phận đang chuyển động.

Phần Decal: 106-6755

s_decal106-6755

1 Dung dịch làm mát động cơ chịu áp.

2 Nguy cơ nổ — đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

3 Cảnh báo — không chạm vào bề mặt nóng.

4 Cảnh báo — hãy đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

Phần Decal: 110-9642

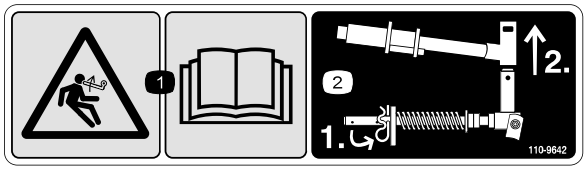

s_decal110-9642

1 Nguy cơ của năng lượng dự trữ — đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

2 Di chuyển chốt kẹp ghim đến lỗ gần nhất với khung thanh, sau đó tháo tay đòn nâng và vòng quay.

Phần Decal: 120-4158

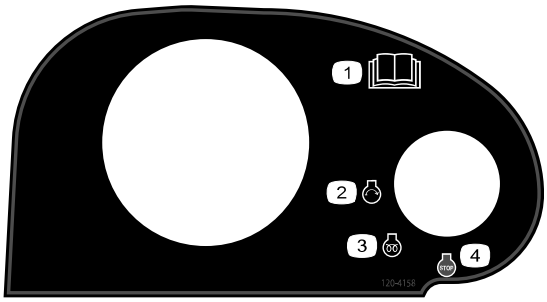

s_decal120-4158

1 Đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

2 Động cơ — khởi động

3 Động cơ — làm nóng trước

4 Động cơ — dừng lại

Phần Decal: 133-2930

s_decal133-2930

1. Cảnh báo — không vận hành máy trừ khi bạn đã được đào tạo.
2. Cảnh báo — đeo thiết bị bảo vệ thính giác.
3. Nguy cơ đồ vật bị văng ra — Không để những người xung quanh lại gần khu vực vận hành.
4. Nguy cơ bị nghiêng lật — lái máy chậm khi rẽ; không quay đầu gấp khi máy đang di chuyển nhanh; chỉ lái máy lên dốc khi đã hạ các dao xoắn xuống; phải luôn thắt dây đai an toàn.
5. Cảnh báo — không đỗ máy trên dốc; bật phanh tay, hạ các dao xoắn, tắt động cơ và rút chìa khóa điện trước khi rời khỏi máy.
6. Cảnh báo — đọc *Hướng dẫn Vận hành*; không kéo máy.

Phần Decal: 136-2159

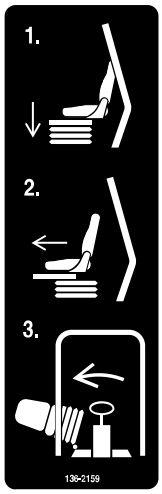

s_decal136-2159

1. Di chuyển ghế xuống
2. Trượt ghế về phía trước
3. Xoay ghế

Phần Decal: 136-3702

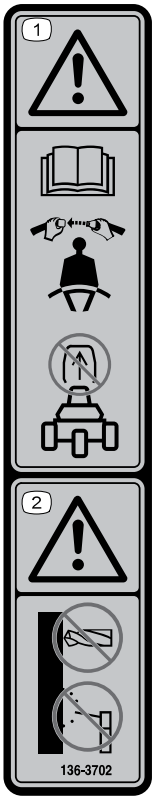

s_decal136-3702

1 Cảnh báo — Đọc *Hướng dẫn Vận hành*; đeo dây đai an toàn; không tháo thanh lăn.

2 Cảnh báo — Không sửa đổi thanh lăn.

Phần Decal: 137-8127

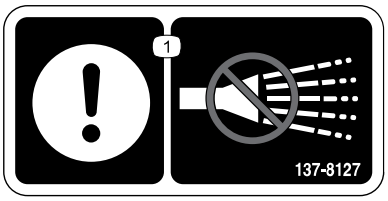

s_decal137-8127

1 Chú ý—không phun bằng nước áp suất cao.

Phần Decal: 145-2484

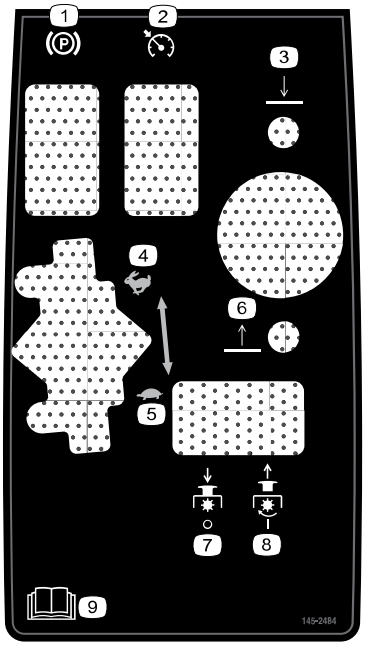

s_decal145-2484

1. Phanh tayPhanh đỗ
2. Điều khiển hành trình
3. Hạ các dao xoắn
4. Nhanh
5. Chậm
6. Nâng các dao xoắn
7. PTO—Tắt
8. PTO—Bật
9. Đọc *Hướng dẫn Vận hành*.

Phần Decal: 145-2519

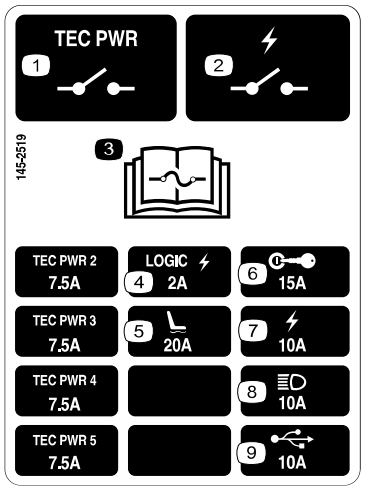

s_decal145-2519

1. Rơ le điện TEC
2. Rơ le điện
3. Đọc *Hướng dẫn Vận hành* để biết thông tin về cầu chì.
4. Công tắc chìa khóa
5. Ghế khí nén
6. Nguồn điện
7. Đèn phía trước
8. Điểm nguồn USB

Phần Decal: 145-2572

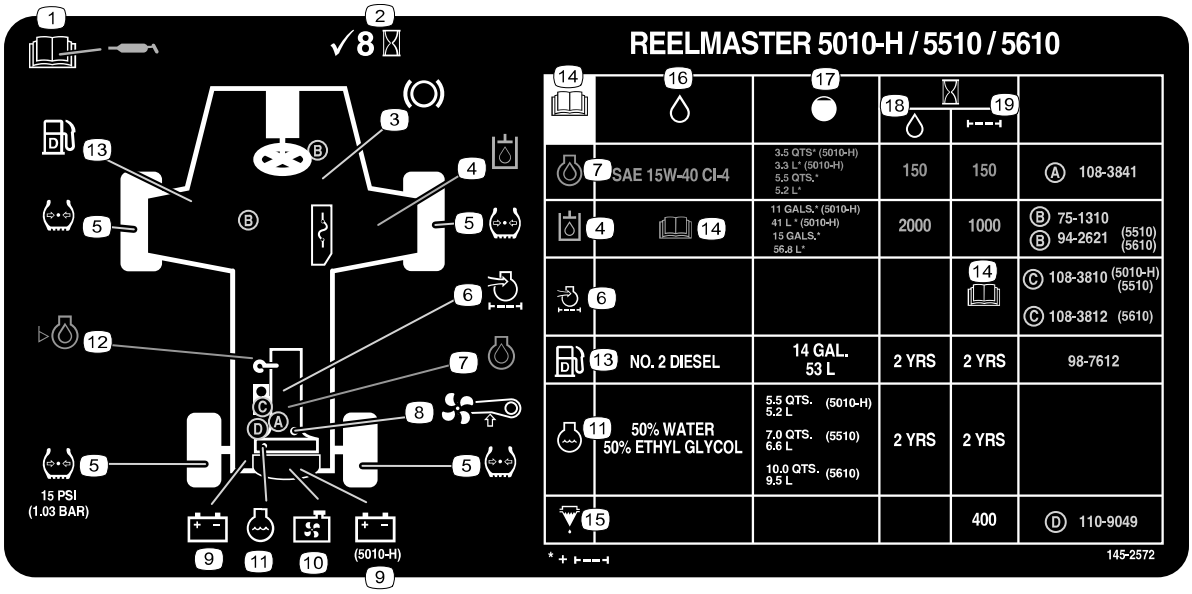

s_decal145-2572

1. Đọc *Hướng dẫn Vận hành* để biết thông tin về bôi trơn.
2. Kiểm tra 8 giờ một lần.
3. Chức năng phanh
4. Chất lỏng thủy lực
5. Áp suất của lốp
6. Bộ lọc khí của động cơ
7. Dầu động cơ
8. Dây đai quạt
9. pin
10. Màn tản nhiệt
11. Chất làm mát động cơ
12. Mức dầu của động cơ
13. Nhiên liệu
14. Đọc *Hướng dẫn Vận hành*.
15. Bộ phận tách nhiên liệu/nước
16. Chất lỏng
17. Dung tích
18. Khoảng thời gian thay chất lỏng (giờ)
19. Khoảng thời gian lọc (giờ)

1 Chuẩn bị Máy

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, hạ các dao xoắn và bật phanh tay.
2. Tắt động cơ, rút chìa khóa và chờ cho tất cả các bộ phận đang chuyển động dừng lại.
3. Kiểm tra áp suất khí của lốp trước khi sử dụng.

   Lưu ý: Lốp xe được bơm căng quá mức để vận chuyển. Điều chỉnh áp suất khí của lốp trước khi vận hành máy.
4. Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực.
5. Bôi mỡ cho máy.

QUAN TRỌNG

Không tra mỡ cho máy đúng cách sẽ dẫn đến các bộ phận quan trọng bị hỏng hóc sớm.

6. Mở mui xe và kiểm tra mức chất làm mát.
7. Kiểm tra mức dầu của động cơ, đóng và chốt mui xe.

   Lưu ý: Động cơ được vận chuyển với dầu ở trong cacte; tuy nhiên, kiểm tra mức dầu trước và sau khi động cơ khởi động lần đầu tiên.

2 Điều chỉnh Vị trí Tay đòn Điều khiển

1. Nới lỏng 2 bu lông (3) siết chặt tay đòn điều khiển (1) vào giá giữ (2).
2. Điều chỉnh tay đòn điều khiển đến vị trí mong muốn và siết chặt 2 bu lông.

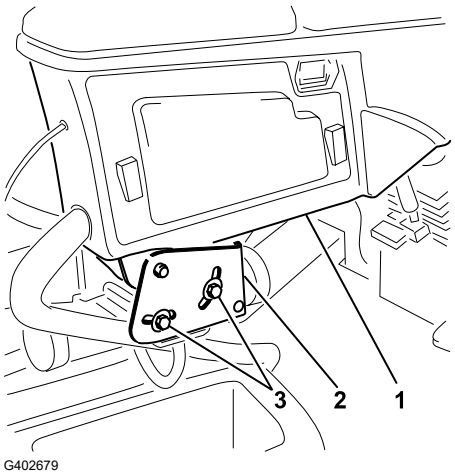

3 Lắp các Dao xoắn

Các bộ phận cần thiết

1	Dẫn hướng ống mềm bên phải phía trước
1	Dẫn hướng ống mềm bên trái phía trước

Chuẩn bị Máy

1. Tháo và loại bỏ khung vận chuyển ra khỏi động cơ guồng xoắn.
2. Tháo chốt khung ① và nắp ② ra khỏi mỗi tay đòn nâng dao xoắn.

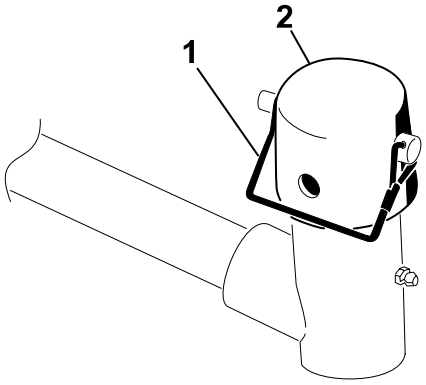

G409088

Chuẩn bị các dao xoắn

1. Tháo các dao xoắn ra khỏi hộp bìa.
2. Lắp ráp và điều chỉnh theo mô tả trong *Hướng dẫn Vận hành* dao xoắn.
3. Đảm bảo đối trọng ① được lắp ở đầu thích hợp của dao xoắn theo mô tả trong *Hướng dẫn Vận hành* dao xoắn.

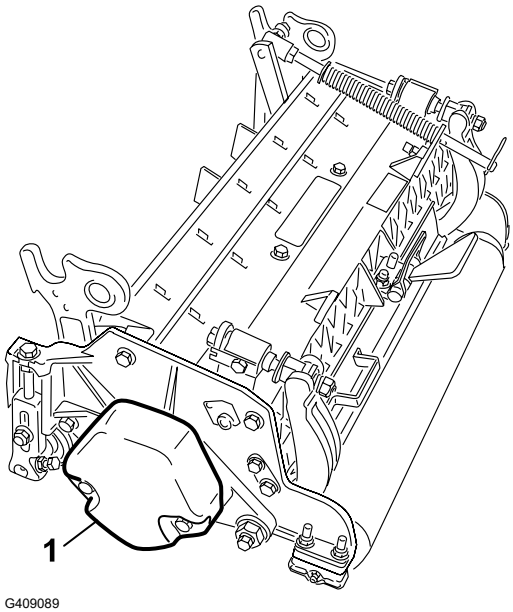

G409089

Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ và Lắp Dẫn hướng Ống mềm

Dao xoắn 4

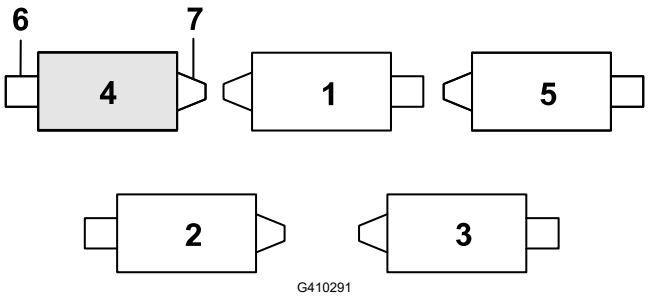

(1) Dao xoắn 1
(2) Dao xoắn 2
(3) Dao xoắn 3
(4) Dao xoắn 4
(5) Dao xoắn 5
(6) Mô-tơ guồng xoắn
(7) Tấm đối trọng

1. Nếu kẹp ghim (1) được lắp vào lỗ phía sau của thanh lò xo cân bằng, hãy tháo kẹp ghim và lắp vào lỗ bên cạnh giá.

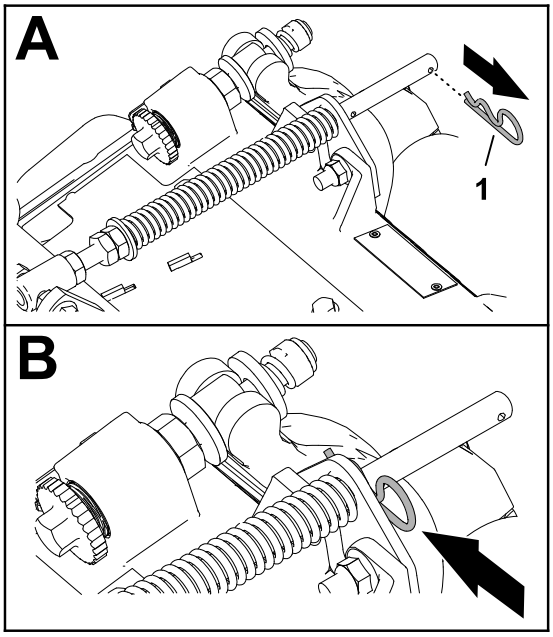

2. Tháo 2 êcu hãm mặt bích (3/8 inch) (1) và 2 bu lông vận chuyển (3/8 x 1-1/4 inch) (3) siết chặt giá cân bằng sân cỏ (2) vào khung dao xoắn.

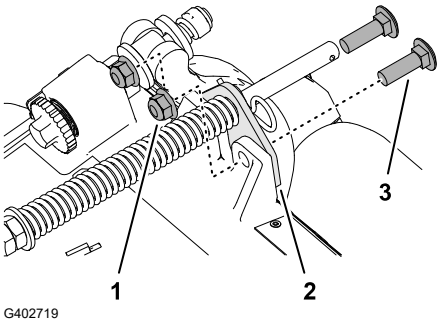

Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ và Lắp Dẫn hướng Ống mềm (tiếp tục)

3. Tháo êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ③ siết chặt bu lông ① vào mấu bên phải ② của giá vận chuyển, và tháo lò xo cân bằng ra khỏi dao xoắn.

   Lưu ý: Không tháo đai ốc răng cưa mặt bích ra khỏi bu lông.

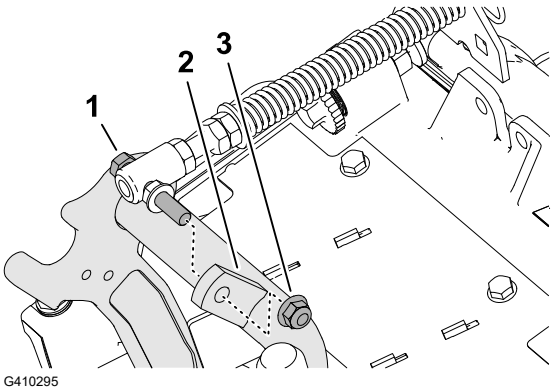

4. Lắp bu lông ③ của lò xo cân bằng sân cỏ vào mấu bên phải ② của giá vận chuyển với êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ①.

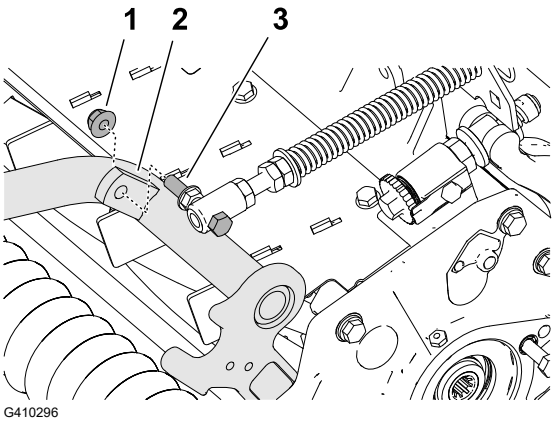

5. Căn chỉnh các chốt ren ③ của dẫn hướng ống mềm bên trái với các lỗ trên khung dao xoắn và giá cân bằng sân cỏ ①.

   Lưu ý: Vòng hỗ trợ của dẫn hướng ống mềm thẳng hàng về phía tâm của máy ④.

6. Lắp ráp dẫn hướng ống mềm và giá cân bằng sân cỏ vào khung dao xoắn bằng 2 êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ②.

7. Xoay mô-men xoắn của êcu hãm và bu lông từ **37 đến 45 N·m (27 đến 33 ft-lb)**.

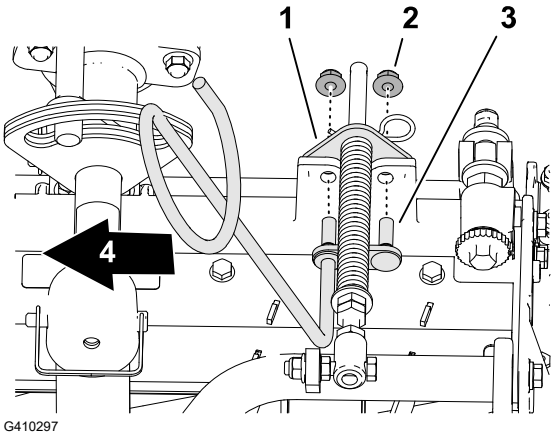

Lắp Dẫn hướng Ống mềm

Dao xoắn 5

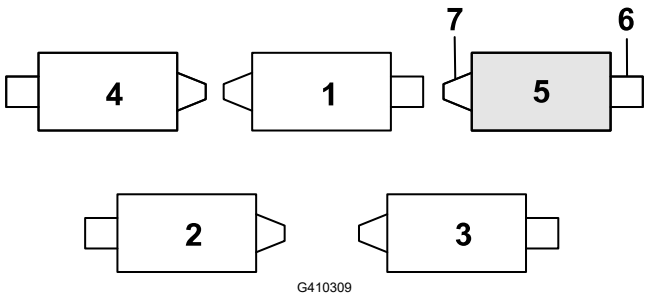

(1) Dao xoắn 1
(2) Dao xoắn 2
(3) Dao xoắn 3
(4) Dao xoắn 4
(5) Dao xoắn 5
(6) Mô-tơ guồng xoắn
(7) Tấm đối trọng

1. Nếu kẹp ghim (1) được lắp vào lỗ phía sau của thanh lò xo cân bằng, hãy tháo kẹp ghim và lắp vào lỗ bên cạnh giá.

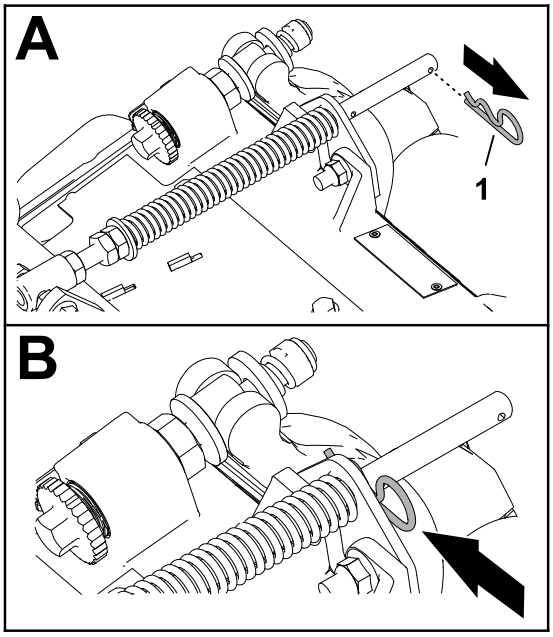

2. Tháo 2 êcu hãm mặt bích (3/8 inch) (1) và 2 bu lông vận chuyển (3/8 x 1-1/4 inch) (3) siết chặt giá cân bằng sân cỏ (2) vào khung dao xoắn.

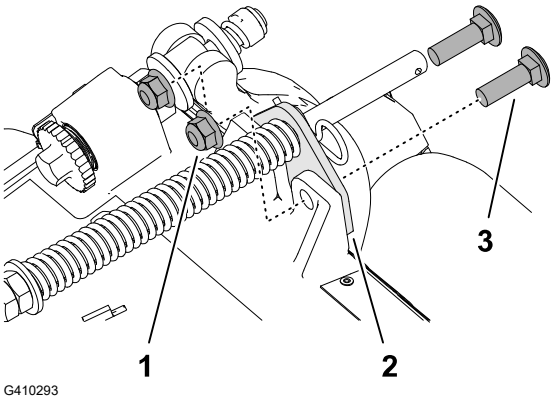

Lắp Dẫn hướng Ống mềm (tiếp tục)

3. Căn chỉnh các chốt ren ① của dẫn hướng ống mềm bên phải với các lỗ trên khung dao xoắn và giá cân bằng sân cỏ ②.

   Lưu ý: Đảm bảo vòng hỗ trợ của dẫn hướng ống mềm thẳng hàng về phía tâm ④ của máy.

4. Lắp ráp dẫn hướng ống mềm và giá cân bằng sân cỏ vào khung dao xoắn bằng 2 êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ③.

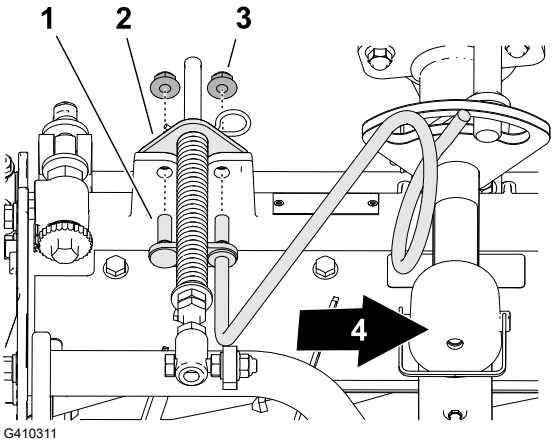

G410311

5. Xoay mô-men xoắn của êcu hãm từ **37 đến 45 N·m**.

Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ

Dao xoắn 2

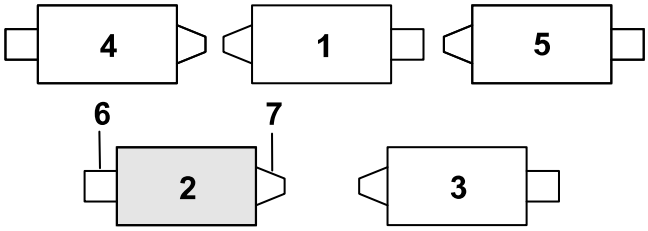

G410999

① Dao xoắn 1
② Dao xoắn 2
③ Dao xoắn 3
④ Dao xoắn 4
⑤ Dao xoắn 5
⑥ Mô-tơ guồng xoắn
⑦ Tấm đối trọng

1. Nếu kẹp ghim ① được lắp vào lỗ phía sau của thanh lò xo cân bằng, hãy tháo kẹp ghim và lắp vào lỗ bên cạnh giá.

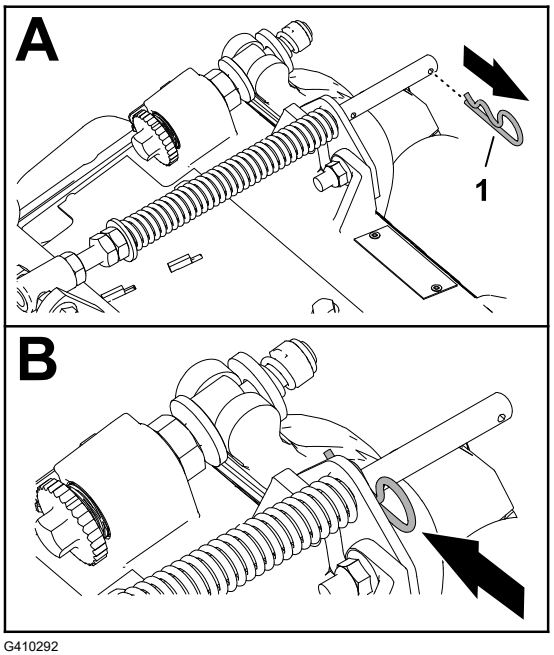

G410292

Định vị Lò xo Cân bằng Sân cỏ (tiếp tục)

2. Tháo 2 êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ③ và 2 bu lông vận chuyển (3/8 x 1-1/4 inch) ① siết chặt giá cân bằng sân cỏ ② vào khung dao xoắn.

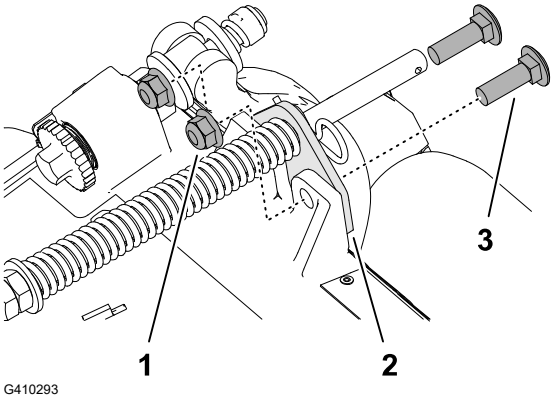

G410293

3. Tháo êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ③ siết chặt bu lông ① của lò xo cân bằng sân cỏ vào mấu bên phải ② của giá vận chuyển, và tháo lò xo cân bằng ra khỏi dao xoắn.

   Lưu ý: Không tháo đai ốc răng cưa mặt bích ra khỏi bu lông.

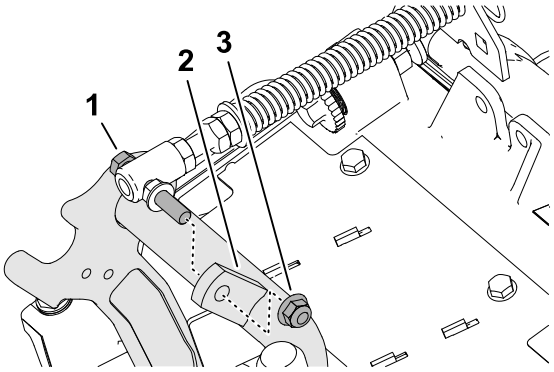

G410295

4. Lắp bu lông ③ của lò xo cân bằng sân cỏ vào mấu bên phải ② của giá vận chuyển với êcu hãm mặt bích (3/8 inch) ①.

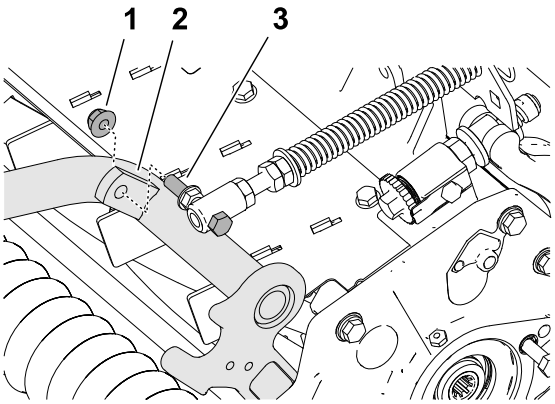

G410296

5. Căn chỉnh các lỗ trên giá cân bằng sân cỏ ① với các lỗ trên khung dao xoắn.

   Lưu ý: Vòng hỗ trợ của dẫn hướng ống mềm thẳng hàng về phía tâm của máy ④.

6. Lắp ráp giá cân bằng sân cỏ với khung dao xoắn bằng 2 bu lông đầu dù cổ vuông (⅜ x 1¼ inch) ② và 2 êcu hãm mặt bích (⅜ inch) ③.

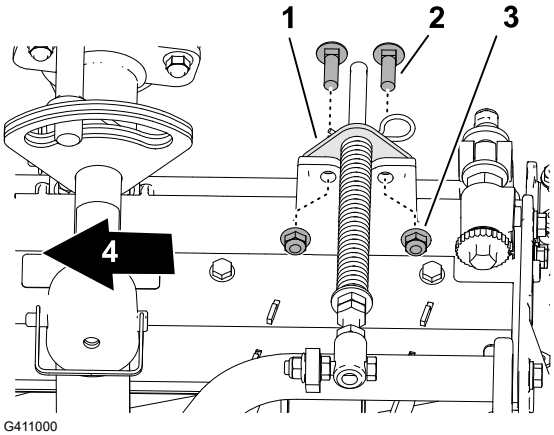

G411000

7. Xoay mô-men xoắn của êcu hãm và bu lông từ **37 đến 45 N·m (27 đến 33 ft-lb)**.

Lắp Chân chống

Đối với mỗi dao xoắn, siết chặt chân chống [3] vào giá xích [1] bằng chốt khung [2].

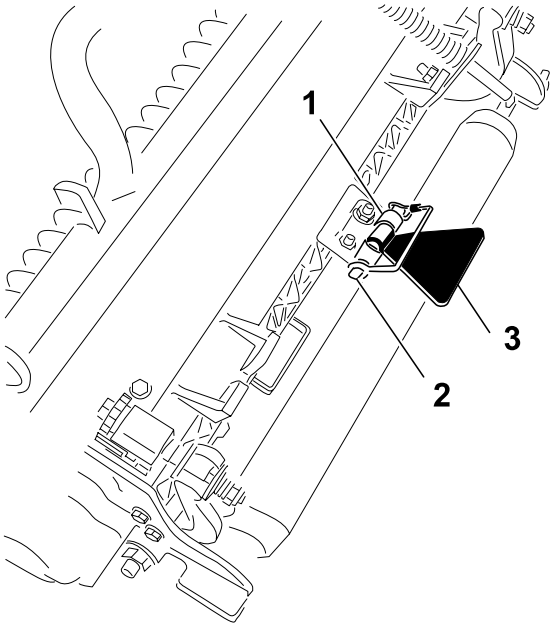

G411001

Lắp Dao xoắn Phía trước vào tay đòn Nâng

1. Lắp dao xoắn phía trước vào tay đòn nâng như được minh họa.
2. Khóa trục của dao xoắn để cắt cỏ trên sườn đồi.

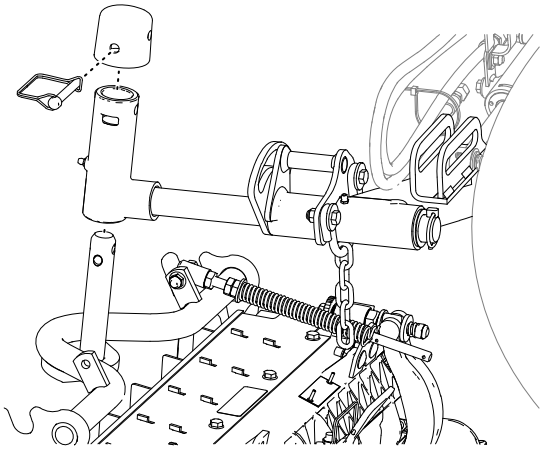

G402695

Lắp Dao xoắn Phía sau vào tay đòn Nâng

Các Dao xoắn được điều chỉnh cho Độ cao cắt 1,2 cm hoặc Cao hơn

1. Lắp dao xoắn phía sau vào tay đòn nâng như được minh họa.
2. Khóa trục của dao xoắn để cắt cỏ trên sườn đồi.

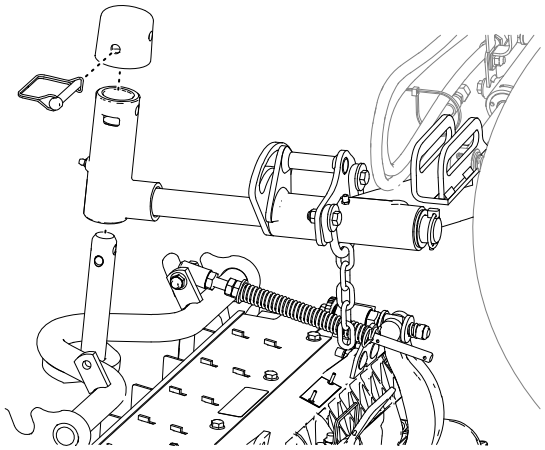

G402695

Lắp Dao xoắn Phía sau vào tay đòn Nâng

Các Dao xoắn được điều chỉnh cho Độ cao cắt 1,2 cm hoặc Thấp hơn

1. Tháo chốt giữ bánh xe ① và vòng đệm ④ đang siết chặt vòng ôm trục ③ vào tay đòn nâng ② và trượt trục ra khỏi tay đòn nâng.

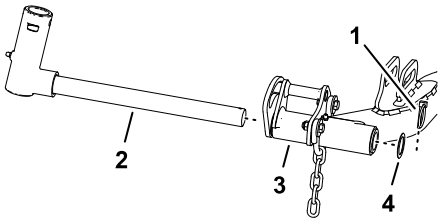

G402723

2. Lắp ráp vòng ôm trục ③ lên trục khung vận chuyển ④.
3. Lắp ráp nắp ② vào vòng ôm trục và căn chỉnh các lỗ trên trục khung vận chuyển, vòng ôm trục và nắp.
4. Siết chặt vòng ôm trục và nắp vào trục khung vận chuyển bằng chốt khung ①.
5. Khóa trục của dao xoắn để cắt cỏ trên sườn đồi.
6. Trượt dao xoắn dưới tay đòn nâng.

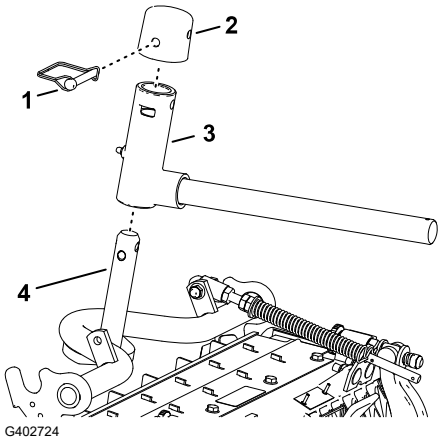

G402724

7. Lắp vòng ôm trục vào tay đòn nâng ③, và siết chặt trục tay đòn nâng ② vào tay đòn nâng bằng chốt giữ bánh xe ① và vòng đệm ④.
8. Lặp lại quy trình này cho dao xoắn phía sau khác.

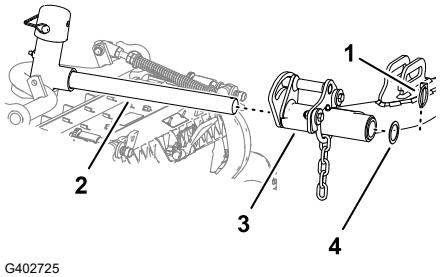

G402725

Khóa trục của dao xoắn để cắt cỏ trên sườn đồi

Khóa các trục dao xoắn với chốt khung ① để ngăn các dao xoắn quay xuống dốc khi cắt ngang mặt đường dốc.

Lưu ý: Sử dụng lỗ ② trên vòng ôm trục để khóa dao xoắn.

Lưu ý: Sử dụng khe ③ cho dao xoắn lái.

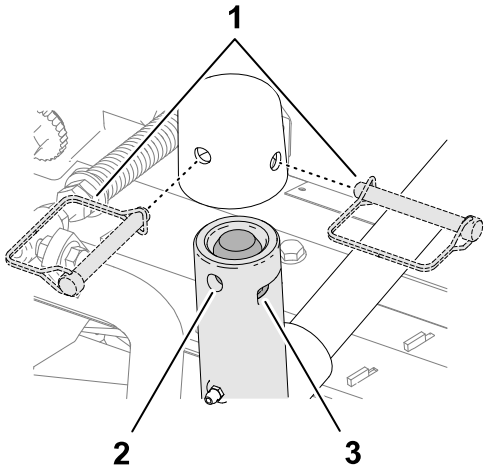

G437965

Lắp đặt Xích tay đòn Nâng của Dao xoắn

Siết chặt xích tay đòn nâng ① vào khung xích ② bằng chốt khung ③.

Lưu ý: Sử dụng số lượng mắt xích được mô tả trong *Hướng dẫn Vận hành* dao xoắn.

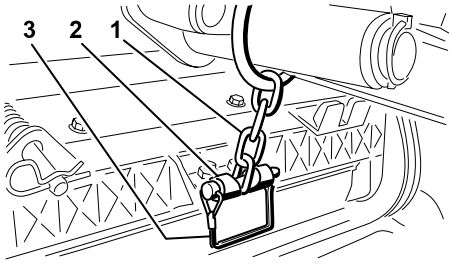

G402673

Lắp đặt Mô-tơ Guồng xoắn

1. Bôi trơn trục then của mô-tơ guồng xoắn.
2. Tra dầu vào vòng chữ O của mô-tơ guồng xoắn và lắp vào mặt bích của mô-tơ.
3. Lắp mô-tơ (1) bằng cách xoay theo chiều kim đồng hồ để mặt bích của mô-tơ làm sạch các bu lông (2).

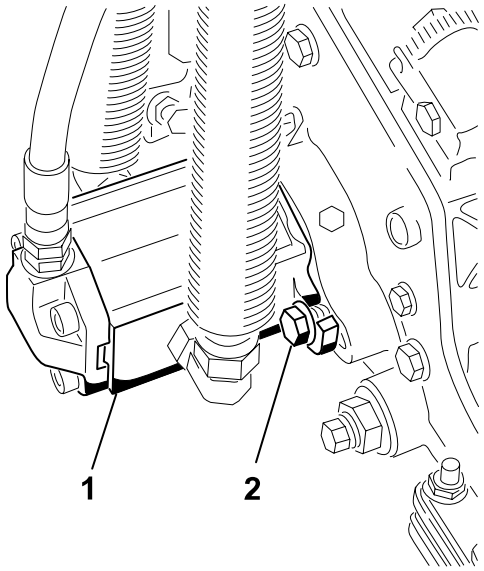

G411002

4. Xoay mô-tơ ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi các mặt bích bao quanh các bu lông, sau đó siết chặt các bu lông.

QUAN TRỌNG

Đảm bảo ống mềm của mô-tơ guồng xoắn không bị xoắn, gấp khúc hoặc có nguy cơ bị chèn ép.

5. Tạo mô-men xoắn của bu lông gắn từ **37 đến 45 N·m (27 đến 33 ft-lb)**.

4 Lắp đặt thiết bị viễn tin

Các bộ phận cần thiết

1	Thiết bị viễn tin
1	Khung thiết bị viễn tin
1	Bộ dây an toàn viễn tin
4	Bu lông đầu lục giác (#10 x 1 inch)
4	Êcu hãm (#10)
2	Bu lông hình chữ U
4	Đai ốc mặt bích (3/8 inch)

1. Sử dụng 4 bu lông đầu lục giác (#10 x 1 inch) ④ và 4 êcu hãm (#10) ① để siết chặt thiết bị viễn thông ② vào khung thiết bị ③.

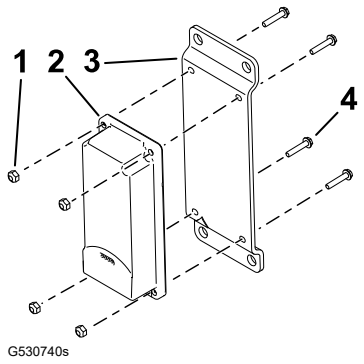

G530740s

2. Sử dụng 2 bu lông chữ U ③ và 4 đai ốc mặt bích (3/8 inch) ① để siết chặt khung thiết bị ② vào phía trên bên phải của thanh lăn.

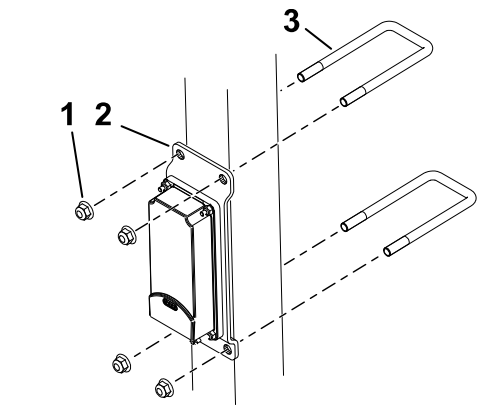

G530741s

3. Lắp đầu nối có nhãn P02 [1] trên bộ dây an toàn viễn tin vào thiết bị viễn tin.
4. Mở mui xe.

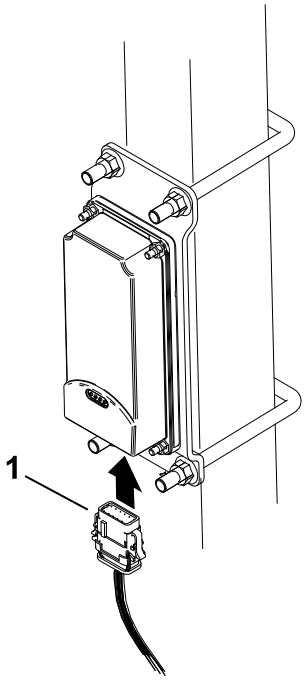

G530739s

5. Luồn bộ dây an toàn xuống thanh lăn và kết nối đầu nối bộ dây an toàn có nhãn P01 [2] với đầu nối trên bộ dây an toàn của máy có nhãn P50 [1].
6. Đóng và chốt mui xe.
7. Siết chặt bộ dây vào thanh lăn bằng cách sử dụng dây buộc cáp như được minh họa.

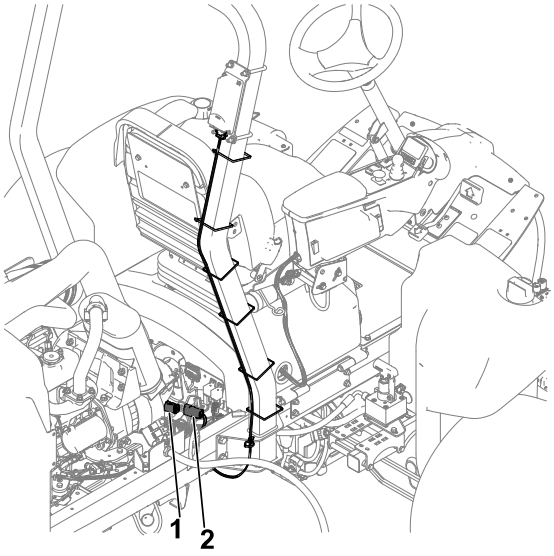

G532512s

5 Sử dụng Chân chống Dao xoắn

Các bộ phận cần thiết

1	Chân chống dao xoắn

1. Khi nghiêng dao xoắn để lộ dao bụng/guồng xoắn, hãy chống đỡ phía sau của dao xoắn lên bằng chân chống ① để đảm bảo các đai ốc ở đầu sau của vít điều chỉnh thanh dưới không dựa trên bề mặt làm việc.

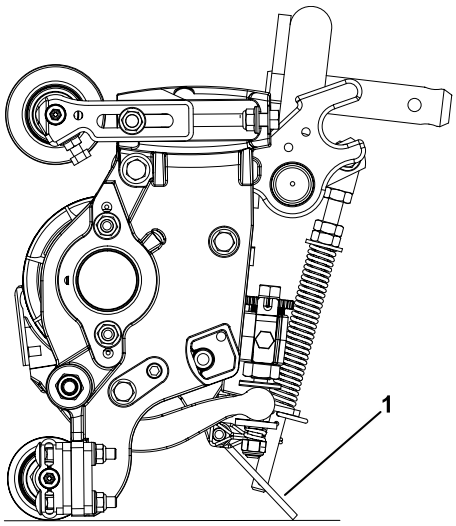

G402676

2. Siết chặt chân chống ③ vào giá xích ① bằng chốt khung ②.

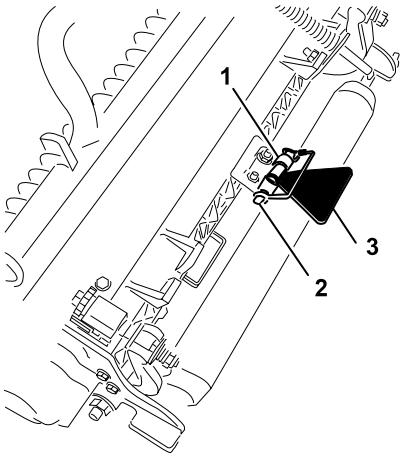

G402677

6 Dán nhãn mác năm sản xuất

Các bộ phận cần thiết

1	Nhãn mác năm sản xuất

1. Dùng cồn tẩy rửa và giẻ sạch để lau khu vực giá sàn bên cạnh tấm biển số sê-ri (2), và để giá khô.
2. Tháo phần sau ra khỏi nhãn mác năm sản xuất.
3. Dán nhãn mác (1) lên giá sàn.

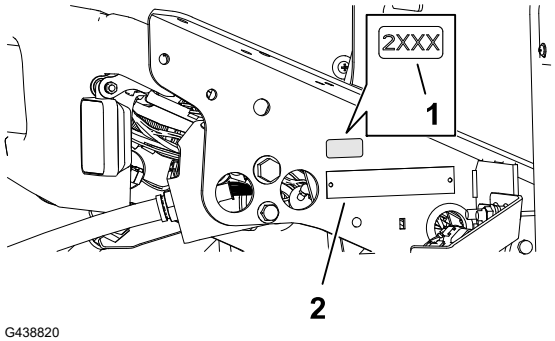

G438820

Tổng quan về sản phẩm

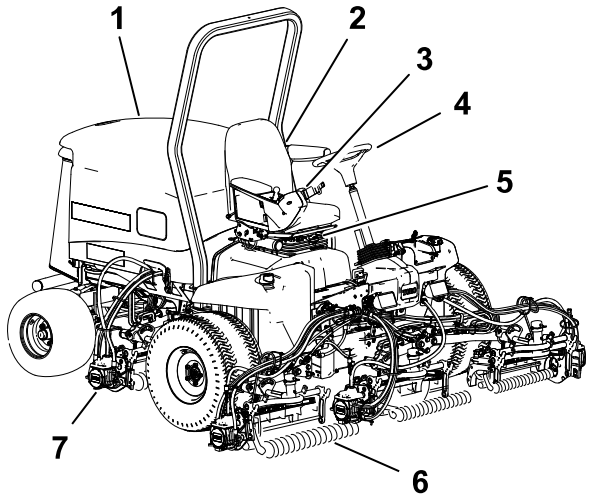

G403840

1. Mui động cơ
2. Ghế của người vận hnh
3. Tay đn điều khiển
4. Tay li
5. Cần điều chỉnh ghế
6. Dao xoắn pha trước
7. Dao xoắn pha sau

Điều khiển

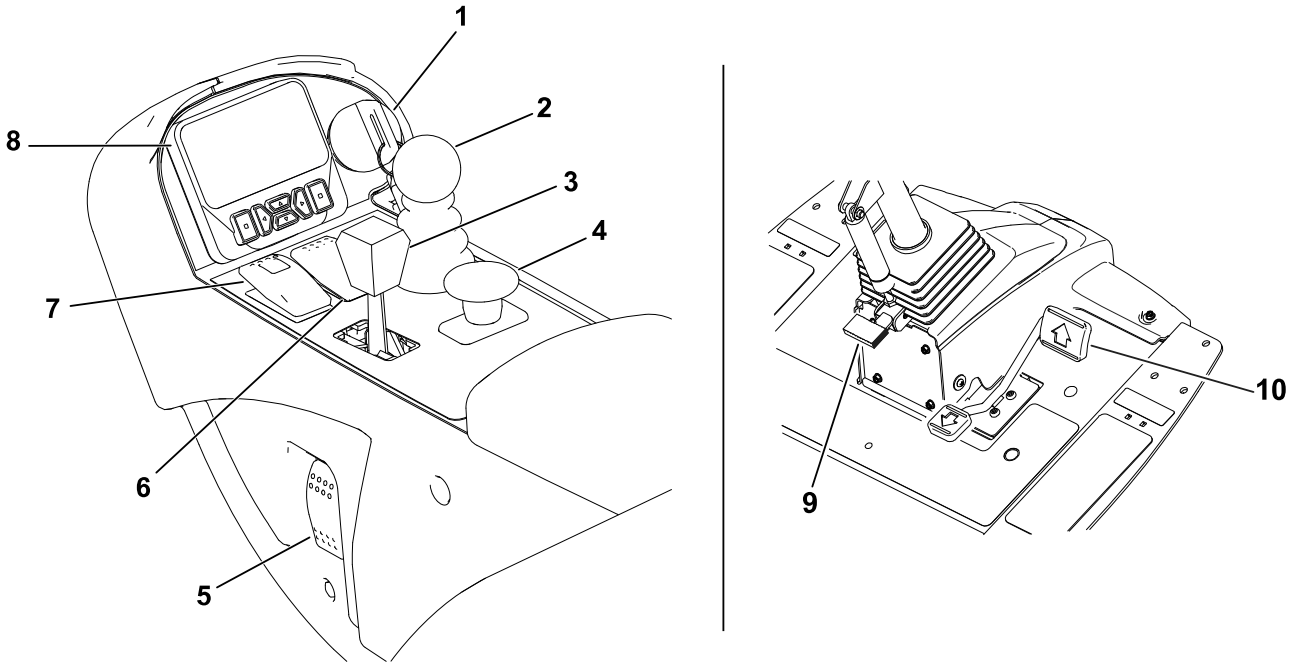

G461342

1. Công tắc chìa khóa
2. Cần điều khiển nâng/hạ cắt cỏ
3. Cần tiết lưu
4. Công tắc PTO
5. Công tắc đèn trước
6. Công tắc điều khiển hành trình
7. Công tắc phanh đỗ
8. Màn hình InfoCenter
9. Bàn đạp lái nghiêng
10. Bàn đạp kéo

Công tắc Chìa khóa

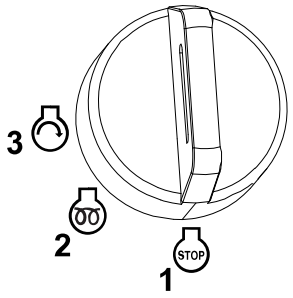

G453721

1 Tắt

2 Bật/làm nóng sơ bộ

3 Khởi động

Cần điều khiển Nâng/Hạ Cắt cỏ

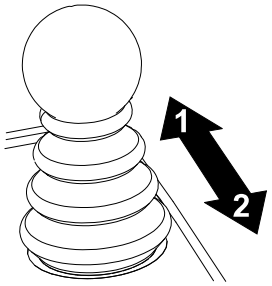

G453725

1 Hạ các dao xoắn—Bật PTO trước để dao xoắn quay (chế độ Cắt cỏ).

2 Nâng các dao xoắn—Tắt PTO trước để dao xoắn ngừng quay (chế độ Vận chuyển).

Lưu ý: Để nâng một phần dao xoắn lên vị trí quay vòng, kéo **nhanh** cần về phía sau.

Công tắc phanh đỗ

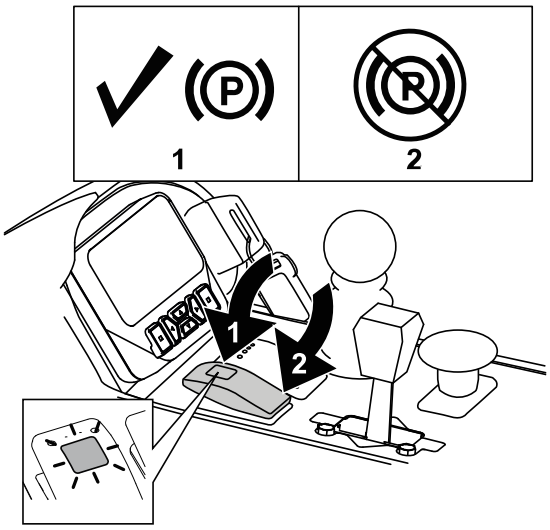

G461391

1 GàiBật phanh tayphanh đỗ.

Lưu ý: Việc kích hoạt công tắc phanh đỗ sẽ khiến lực kéo tự động giảm tốc (bất kể vị trí bàn đạp kéo).

Phanh đỗ được gài ngay khi máy dừng hoặc máy tắt, bất kể vị trí công tắc phanh đỗ.

2 Tắt phanh đỗ.

Công tắc điều khiển hành trình

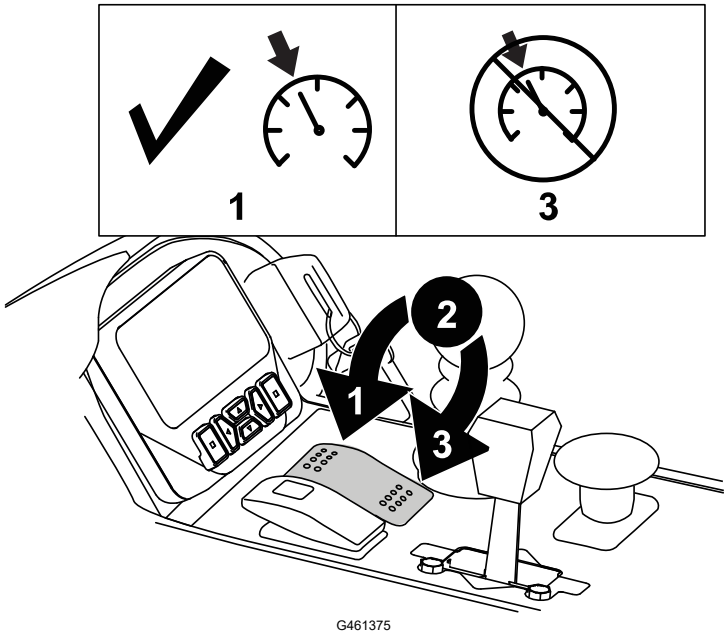

G461375

1 Sử dụng hệ thống điều khiển hành trình—xoay nhanh công tắc về phía trước.

Lưu ý: Sử dụng các nút trên màn hình để điều chỉnh tốc độ điều khiển hành trình với gia số 0,8 km/h (0,5 mph).

2 Bật điều khiển hành trình— hãy xoay công tắc sang vị trí ở giữa.

3 Tắt điều khiển hành trình—hãy xoay công tắc về phía sau.

Công tắc truyền năng lượng (PTO)

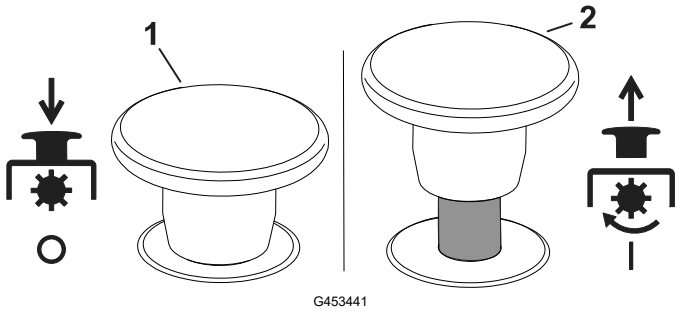

G453441

1 Ngắt PTO—Máy đang ở chế độ VẬN CHUYỂN (cho phép bạn điều khiển máy với tốc độ lên tới 16 km/h (10 mph) khi tốc độ tối đa không bị giới hạn).

2 Bật PTO—Máy đang ở chế độ CẮT CỎ (cho phép bạn điều khiển máy với tốc độ lên tới 13 km/h (8 mph) khi tốc độ tối đa không bị giới hạn).

Lưu ý: Sử dụng các menu được bảo vệ trong màn hình InfoCenter để cài đặt tốc độ tối đa cho từng chế độ.

Công tắc Đèn trước

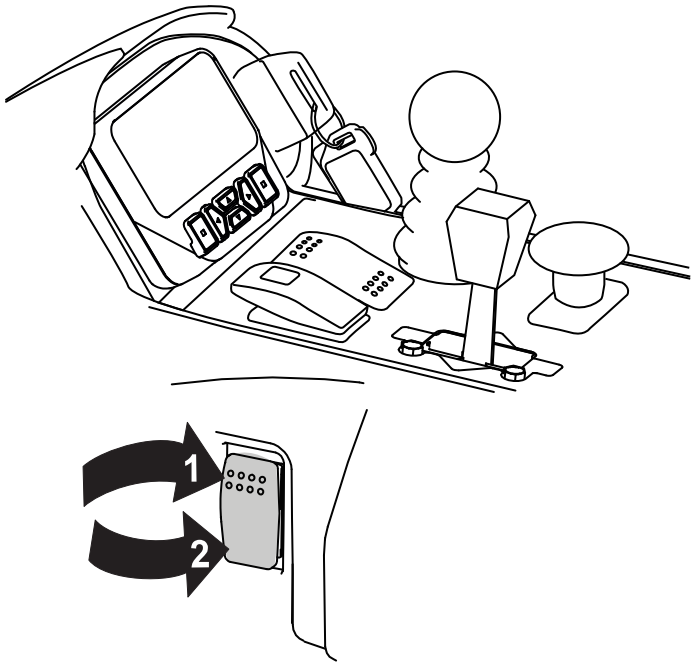

G461395

1 Bật

2 Tắt

Cần điều khiển van tiết lưu

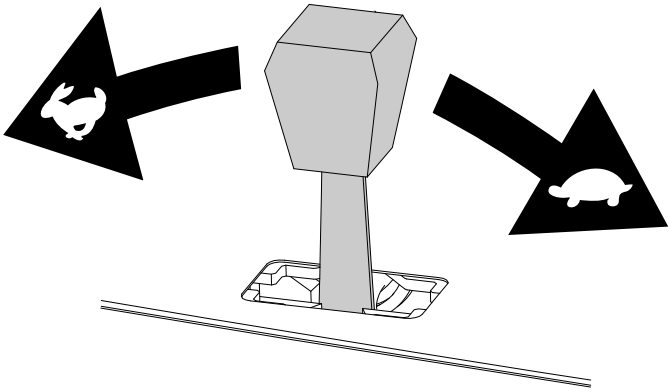

G447509

Di chuyển cần điều khiển van tiết lưu về phía trước để tăng tốc độ động cơ và về phía sau để giảm tốc độ.

Màn hình InfoCenter

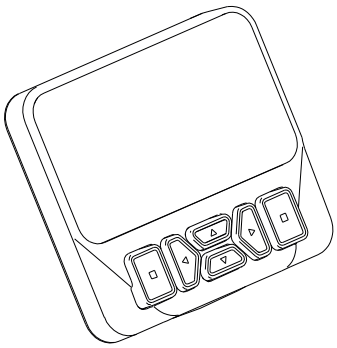

G461392

Màn hình InfoCenter hiển thị thông tin về máy của bạn, chẳng hạn như trạng thái hoạt động, các chẩn đoán khác nhau và thông tin khác về máy.

Màn hình hiển thị sẽ phụ thuộc vào nút bạn chọn. Mục đích của mỗi nút có thể thay đổi tùy thuộc vào nội dung được yêu cầu tại thời điểm đó.

Bàn đạp Lái Nghiêng

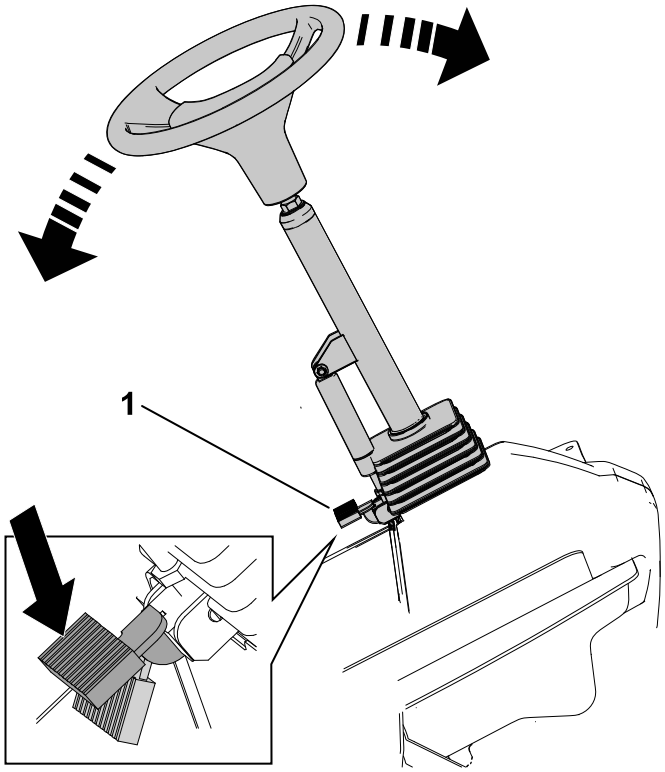

Nhấn bàn đạp lái nghiêng [1] và nâng hoặc hạ tháp lái đến vị trí vận hành thoải mái.

Bàn đạp Kéo

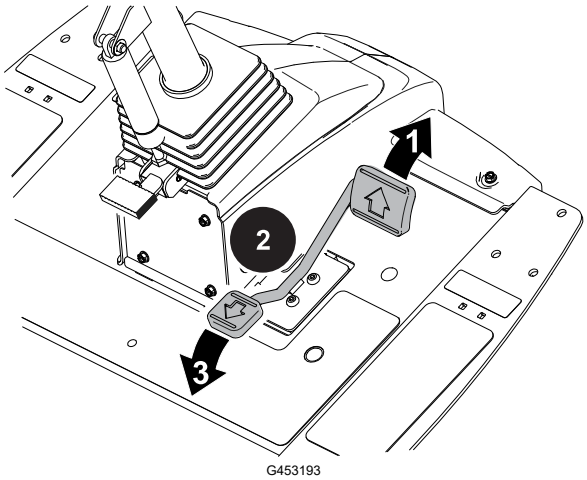

[1] Di chuyển về phía trước—nhấn phần trên bàn đạp.

Lưu ý: Để đạt được không tải trọng, để đạt tốc độ trên mặt đất tối đa, nhấn hoàn toàn phần trên bàn đạp trong khi van tiết lưu ở vị trí NHANH.

[2] Dừng máy—giảm áp lực của chân lên bàn đạp và để bàn đạp quay trở lại vị trí trung tâm (số Mo).

[3] Di chuyển về phía sau—nhấn phần dưới bàn đạp.

Lưu ý: Tốc độ trên mặt đất phụ thuộc vào khoảng cách bạn nhấn bàn đạp.

Chỉ báo Hạn chế Bộ lọc Thủy lực

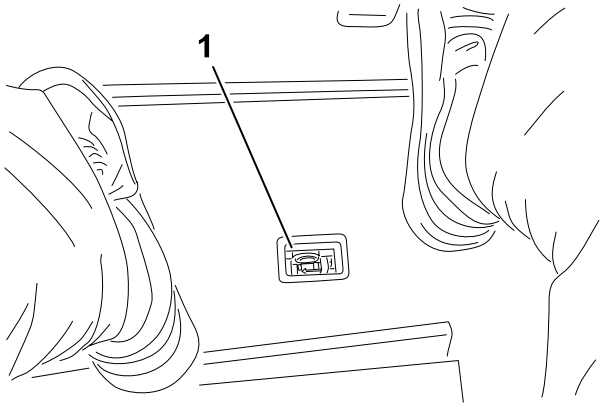

Chỉ báo hạn chế bộ lọc thủy lực [1] cảnh báo cho bạn khi bộ lọc thủy lực phải được thay đổi.

Điểm Nguồn

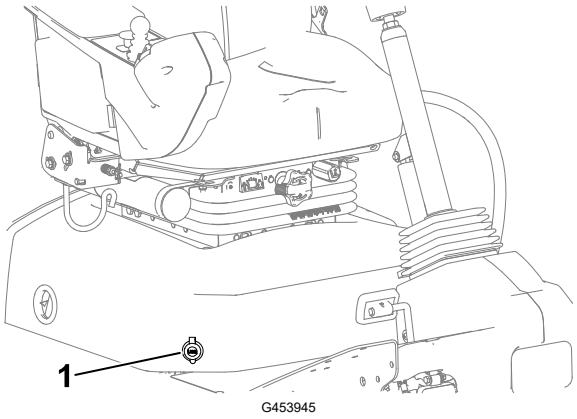

Điểm nguồn [1] là nguồn điện 12 V cho các thiết bị điện tử.

Điều khiển ghế

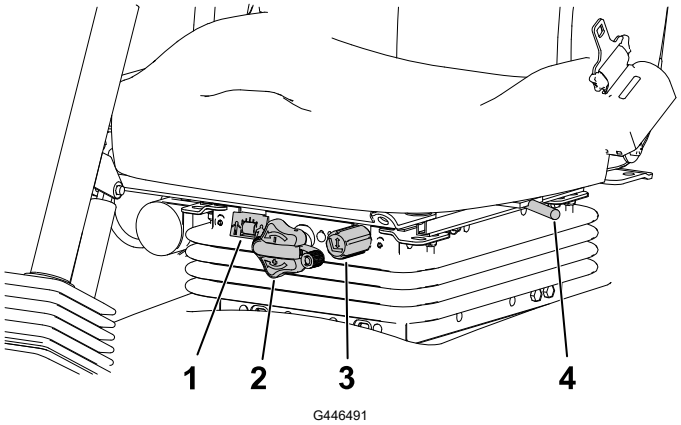

[1] Đồng hồ đo tấm đối trọng

[2] Núm điều chỉnh trọng lượng

[3] Núm điều chỉnh độ cao

[4] Cần tiến/lùi

Điều khiển ghế (tiếp tục)

Núm điều chỉnh trọng lượng

Xoay núm điều chỉnh tấm đối trọng cho đến khi tấm đối trọng của bạn được hiển thị trong cửa sổ của đồng hồ đo tấm đối trọng.

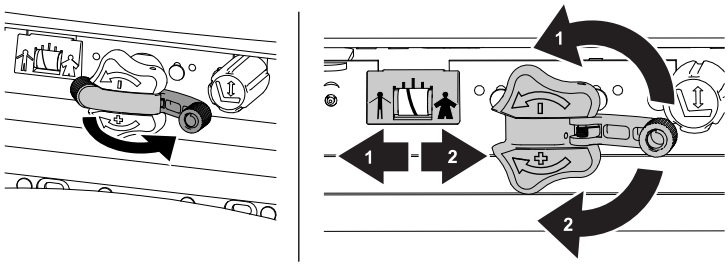

G446496

1. Giảm
2. Tăng

Núm điều chỉnh độ cao

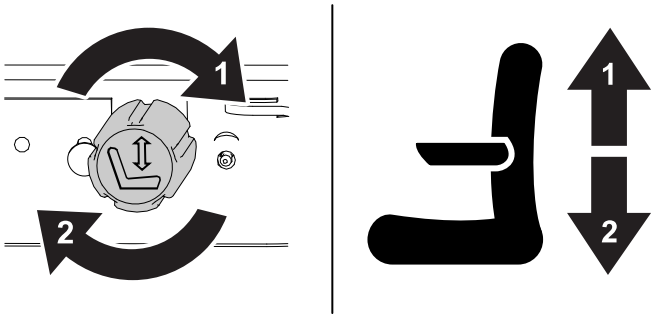

G446494

1. Nâng lên
2. Hạ xuống

Cần tiến/lùi

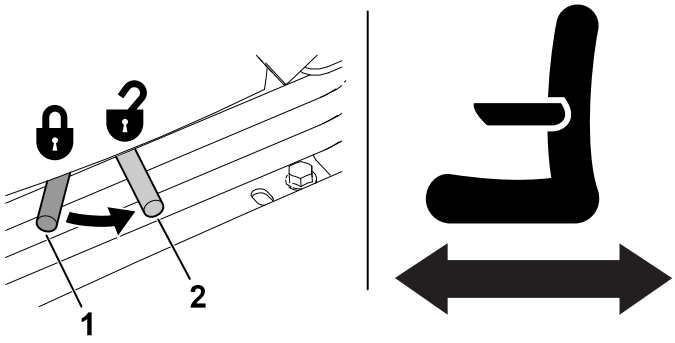

G446495

1. Khóa
2. Mở khóa

Cần Mài rà ngược

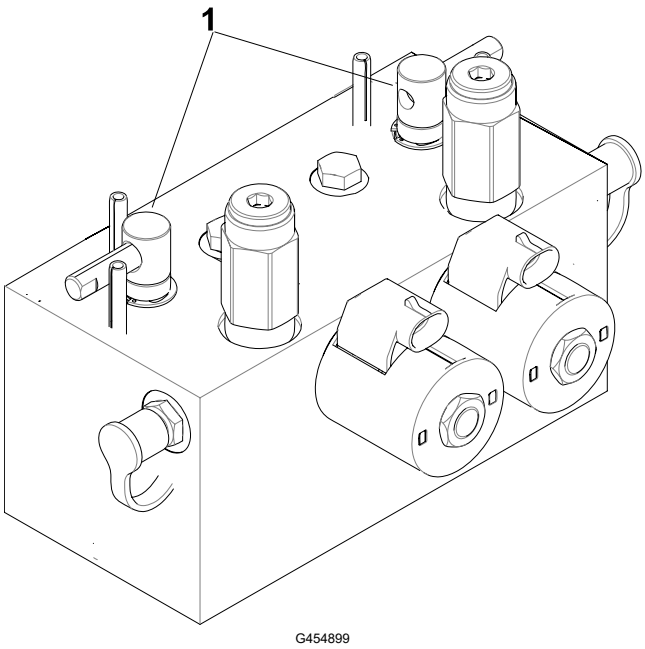

Sử dụng cần mài rà ngược 1 kết hợp với cần điều khiển hạ/nâng cắt cỏ để mài bột đámài rà ngược guồng xoắn.

Thông số kỹ thuật

Lưu ý: Thông số kỹ thuật và thiết kế có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Bề rộng vận chuyển	233 cm
Bề rộng cắt	254 cm
Chiều dài	282 cm
Chiều cao	160 cm
Tấm đối trọng	1432 kg
Dung tích bình nhiên liệu	53 L
Động cơ	Kubota 44,2 hp (Turbo)
Tốc độ vận chuyển	0 đến 16 km/h
Tốc độ cắt cỏ	0 đến 13 km/h

Bộ gá/Phụ kiện

Lựa chọn bộ gá và phụ kiện Toro đã được phê duyệt và có sẵn để sử dụng với máy nhằm nâng cao và mở rộng khả năng của máy. Hãy liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn hoặc truy cập www.Toro.com để xem danh sách tất cả các bộ gá và phụ kiện đã được phê duyệt.

Để đảm bảo hiệu suất tối ưu và tiếp tục được chứng nhận an toàn cho máy, chỉ sử dụng các phụ tùng và phụ kiện thay thế Toro chính hãng.

Trước khi vận hành

Thực hiện Bảo trì Hàng ngày

Trước khi khởi động máy mỗi ngày, hãy thực hiện các quy trình Mỗi Lần sử dụng/Hàng ngày được liệt kê trong Lịch bảo trì.

Nhiên liệu

Thông số kỹ thuật của nhiên liệu

QUAN TRỌNG

Tuyệt đối không sử dụng dầu hỏa hoặc xăng thay cho nhiên liệu diesel.

Diesel dầu mỏ

Loại	Sử dụng nhiên liệu diesel dùng cho mùa hè (số 2-D) ở nhiệt độ trên -7°C và dùng cho mùa đông (hỗn hợp số 1-D hoặc số 1-D/2-D) thấp hơn nhiệt độ đó. Sử dụng nhiên liệu dành cho mùa đông ở nhiệt độ thấp hơn cung cấp các đặc tính về điểm bắt cháy và dòng lạnh thấp hơn, giúp dễ khởi động và giảm thao tác cắm bộ lọc nhiên liệu. Sử dụng nhiên liệu dành cho mùa hè trên -7°C góp phần làm tăng thời hạn sử dụng máy bơm nhiên liệu và tăng công suất so với nhiên liệu dành cho mùa đông.
Hàm lượng lưu huỳnh	Thấp (<500 ppm) hoặc cực thấp (<15 ppm)
Chỉ số cetan tối thiểu	40
Bảo quản	Chỉ mua đủ nhiên liệu diesel hoặc nhiên liệu diesel sinh học mới, sạch mà bạn sẽ tiêu thụ trong vòng 180 ngày. Không sử dụng nhiên liệu đã được lưu trữ trong hơn 180 ngày.
Dầu và phụ gia	Không đổ thêm vào nhiên liệu

Nhiên liệu (tiếp tục)

Diesel sinh học

Loại	Máy này cũng có thể sử dụng nhiên liệu hỗn hợp diesel sinh học lên đến B20 (20% diesel sinh học, 80% diesel dầu mỏ). Phần diesel dầu mỏ phải có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp. Sử dụng hỗn hợp B5 (hàm lượng dầu diesel sinh học 5%) hoặc thấp hơn khi thời tiết lạnh.
Chỉ số cetan tối thiểu	40
Biện pháp phòng ngừa diesel sinh học	Hỗn hợp dầu diesel sinh học có thể làm hỏng bề mặt sơn. Theo dõi phớt dầu, ống mềm, miếng đệm tiếp xúc với nhiên liệu vì chúng có thể bị xuống cấp theo thời gian. Việc cắm bộ lọc nhiên liệu có thể được dự kiến trong một thời gian sau khi chuyển đổi sang hỗn hợp dầu diesel sinh học. Để biết thêm thông tin về diesel sinh học, vui lòng liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.
Bảo quản	Chỉ mua đủ nhiên liệu diesel hoặc nhiên liệu diesel sinh học mới, sạch mà bạn sẽ tiêu thụ trong vòng 180 ngày. Không sử dụng nhiên liệu đã được lưu trữ trong hơn 180 ngày.
Dầu và phụ gia	Không đổ thêm vào nhiên liệu

	Tiêu chuẩn	**Vị trí**
Nhiên liệu diesel sinh học phải đáp ứng:	ASTM D6751	Hoa Kỳ
	EN 14214	Liên minh Châu Âu
Nhiên liệu pha trộn phải đáp ứng:	ASTM D975	Hoa Kỳ
	EN 590	Liên minh Châu Âu

Đổ thêm Nhiên liệu

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, hạ dao xoắn, tắt động cơ, bật phanh tay và rút chìa khóa.
2. Dùng giẻ sạch lau sạch khu vực xung quanh nắp bình nhiên liệu.

Nhiên liệu (tiếp tục)

3. Tháo nắp (1) ra khỏi bình nhiên liệu.
4. Đổ đầy bình cho đến khi ở mức cách đáy cổ bình nạp từ 6 đến 13 mm.
5. Lắp chặt nắp bình nhiên liệu sau khi đổ đầy bình.

   Lưu ý: Nếu có thể, hãy đổ đầy bình nhiên liệu sau mỗi lần sử dụng. Điều này giảm thiểu khả năng tích tụ chất ngưng tụ bên trong bình nhiên liệu.

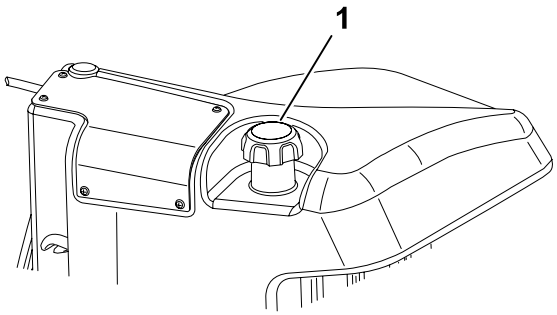

G439612

Kiểm tra Công tắc Khóa liên động

⚠ THẬN TRỌNG ⚠

Nếu các công tắc khóa liên động an toàn bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng, máy có hoạt động bất ngờ, dẫn đến gây chấn thương nhẹ hoặc vừa phải.

- **Không được can thiệp vào công tắc khóa liên động.**
- **Kiểm tra hoạt động của các công tắc khóa liên động hàng ngày và thay bất kỳ công tắc nào bị hỏng trước khi vận hành máy.**

QUAN TRỌNG

Nếu máy của bạn không thực hiện được bất kỳ bước kiểm tra công tắc khóa liên động nào, hãy liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.

Chuẩn bị Máy

1. Điều khiển máy từ từ đến khu vực thoáng đãng.
2. Hạ dao xoắn, tắt động cơ và gài phanh tay.

Kiểm tra Khóa liên động Khởi động Bàn đạp Kéo

1. Ngồi vào ghế của người vận hành và bật phanh đỗ.
2. Nhấn công tắc PTO đến vị trí TẮT.
3. Nhấn bàn đạp kéo và xoay chìa khóa đến vị trí KHỞI ĐỘNG.

Lưu ý: Động cơ không được khởi động khi nhấn bàn đạp kéo.

Kiểm tra Công tắc Khóa liên động (tiếp tục)

Kiểm tra Khóa liên động Khởi động PTO

1. Ngồi vào ghế của người vận hành.
2. Nhấn công tắc PTO đến vị trí BẬT.
3. Xoay chìa khóa về vị trí KHỞI ĐỘNG.

Lưu ý: Động cơ không được khởi động với công tắc PTO ở vị trí BẬT.

Kiểm tra Khóa liên động Chạy PTO

1. Ngồi vào ghế của người vận hành và nhấn công tắc PTO sang vị trí TẮT.
2. Khởi động động cơ và đứng dậy khỏi ghế.
3. Nhấn công tắc PTO đến vị trí BẬT.

   Lưu ý: PTO không được chạy khi bạn rời khỏi ghế của người vận hành.

Kiểm tra Phanh tay và Khóa liên động Chạy Bàn đạp Kéo

1. Ngồi vào ghế của người vận hành.
2. Bật phanh tay.
3. Nhấn công tắc PTO đến vị trí TẮT.
4. Khởi động động cơ.
5. Nhấn bàn đạp kéo.

Lưu ý: Máy sẽ không có phản hồi gì khi bạn nhấn bàn đạp kéo trong khi đang gài phanh đỗ. Thông báo tư vấn sẽ xuất hiện trên màn hình InfoCenter.

Kiểm tra gài phanh đỗ tự động

1. Ngồi vào ghế của người vận hành và khởi động động cơ.
2. Tắt phanh đỗ và đứng dậy khỏi ghế.

Lưu ý: Đèn đỏ trên công tắc phanh đỗ sẽ phát sáng khi bạn rời khỏi ghế của người vận hành, cho biết phanh đỗ đang bật.

Kiểm tra khóa liên động tắt hạ dao xoắn

1. Ngồi vào ghế của người vận hành và khởi động động cơ.
2. Đảm bảo dao xoắn được nâng lên vị trí vận chuyển.
3. Đứng dậy khỏi ghế và hạ các dao xoắn.

Lưu ý: Dao xoắn không được hạ khi bạn rời khỏi ghế của người vận hành.

Tổng quan về màn hình InfoCenter

Màn hình InfoCenter hiển thị thông tin về máy của bạn, chẳng hạn như trạng thái hoạt động, các chẩn đoán khác nhau và thông tin khác về máy. Có nhiều màn chiếu trên màn hình. Bạn có thể chuyển đổi giữa các màn chiếu bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút quay lại rồi sử dụng các nút hướng lên và xuống.

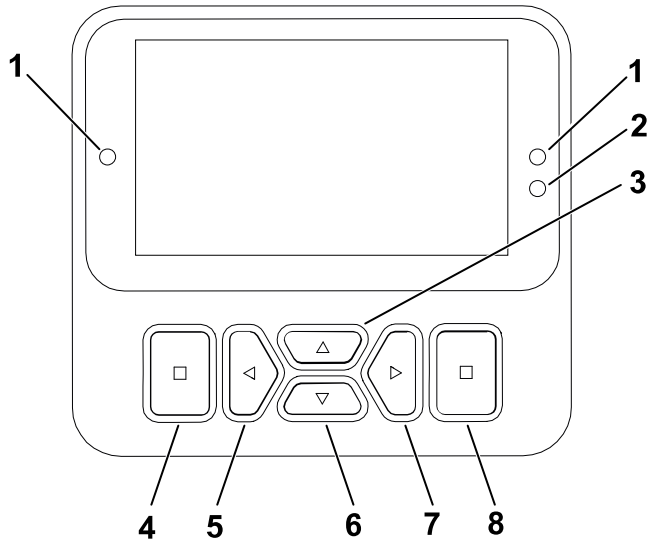

G471371s

1. Đèn chỉ báo
2. Cảm biến độ sáng màn hình
3. Nút điều hướng—lên
4. Nút quay lại
5. Nút điều hướng—giảm/trái
6. Nút điều hướng—xuống
7. Nút điều hướng—tăng/phải
8. Nút Enter

Lưu ý: Mục đích của mỗi nút có thể thay đổi tùy thuộc vào nội dung được yêu cầu tại thời điểm đó. Mỗi nút được gắn nhãn với một biểu tượng hiển thị chức năng hiện tại của nút.

Biểu tượng trên màn hình InfoCenter

	Dịch vụ đến hạn.
	Cài đặt dừng bàn đạp ảo
	Các bugi đốt nóng cắm phát sáng đang hoạt động.
	Ngồi vào ghế.
	Phanh đỗ được bật.

	Chế độ khởi động
	Điện áp ắc quy
	Mức nhiên liệu
	Nhiên liệu thấp.
	Đã khóa

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

	Nhiệt độ dung dịch làm mát động cơ
	Kéo hoặc bàn đạp kéo
	Khởi động động cơ.
	Hệ dẫn động PTO được bật.
	Điều khiển hành trình được bật.
	Động cơ
PIN	Mật mã đã được nhập.
	Hoạt động
	Không hoạt động
	Menu
	Màn hình tiếp theo

	Lỗi/cảnh báo
	Mài bột đáMài rà ngược
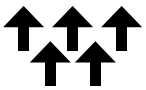	Các dao xoắn đang lên hoặc nâng lên.
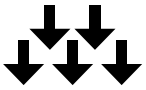	Các dao xoắn đang xuống hoặc hạ xuống.
	Đồng hồ đo giờ
	Tăng giá trị
	Giảm giá trị
	Cuộn lên/xuống
	Cuộn sang trái/phải
	Màn hình trước đó

Tổng quan về Menu

Để truy cập hệ thống menu của màn hình InfoCenter, hãy nhấn nút quay lại khi đang ở màn hình chính. Thao tác này sẽ đưa bạn đến menu chính. Tham khảo bảng sau đây để biết tóm tắt về các phương án tùy chọn có sẵn từ các menu.

🔒 Được bảo vệ trong các Menu được bảo vệ—chỉ có thể truy cập bằng cách nhập mã PIN

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Trình đơn Chính

Mục trong Menu	Mô tả
Lỗi	Menu Lỗi chứa danh sách lỗi gần đây của máy. Tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ* hoặc liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để biết thêm thông tin về trình đơn Lỗi và nội dung trong đó.
Dịch vụ	Menu Dịch vụ chứa thông tin về máy như giờ sử dụng, bộ đếm, và các chỉ số tương tự khác.
Chẩn đoán	Trình đơn Chẩn đoán hiển thị trạng thái của từng công tắc máy, cảm biến và đầu ra điều khiển. Bạn có thể sử dụng thông tin này để khắc phục một số sự cố nhất định vì thông tin nhanh chóng cho bạn biết nút điều khiển nào của máy đang bật và đang tắt.
Cài đặt	Menu Cài đặt cho phép bạn tùy chỉnh và sửa đổi các biến cấu hình trên màn hình.
Cài đặt máy	Menu Cài đặt máy cho phép bạn điều chỉnh ngưỡng tăng tốc, tốc độ và đối trọng.
Giới thiệu	Trình đơn Giới thiệu liệt kê số mẫu máy, số sê-ri và phiên bản phần mềm của máy bạn.

Dịch vụ

Mục trong Menu	Mô tả
Giờ	Liệt kê tổng số giờ mà máy móc, động cơ và PTO đã hoạt động, cũng như số giờ mà máy móc đã được vận chuyển và dịch vụ đến hạn.
Số lượng	Liệt kê nhiều chỉ số mà máy đã gặp phải.
Bàn đạp kéo 🔒	Hiệu chuẩn bàn đạp kéo.
Bơm lực kéo 🔒	Hiệu chuẩn bơm lực kéo.
Cảm biến tốc độ ảo 🔒	Hiệu chuẩn cảm biến tốc độ ảo.

Chẩn đoán

Mục trong Menu	Mô tả
Lực kéo	Cho biết các yếu tố đầu vào và đầu ra của bàn đạp kéo.
Dao xoắn	Cho biết các yếu tố đầu vào và đầu ra để nâng và hạ các dao xoắn.

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Chẩn đoán (tiếp tục)

Mục trong Menu	Mô tả
Hệ dẫn động PTO	Cho biết các yếu tố đầu vào và đầu ra để bật mạch PTO.
Động cơ	Cho biết các yếu tố đầu vào và đầu ra để khởi động động cơ.
Số liệu thống kê CAN 🔒	Cho biết các yếu tố đầu vào và đầu ra dành cho CAN.

Cài đặt

Mục trong Menu	Mô tả
Nhập PIN	Cho phép một người (quản đốc/thợ máy) được công ty của bạn ủy quyền có mã PIN truy cập các menu được bảo vệ.
Đèn nền	Điều khiển độ sáng của màn hình LCD.
Ngôn ngữ	Điều khiển ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình*.
Cỡ phông chữ	Điều khiển cỡ phông chữ trên màn hình.
Đơn vị	Điều khiển các đơn vị được sử dụng trên màn hình (hệ Anh hoặc hệ mét)
Cài đặt Bảo vệ 🔒	Cho phép khả năng thay đổi cài đặt trong cài đặt được bảo vệ

*Chỉ văn bản của “giao diện người vận hành” mới được dịch. Các màn hình Lỗi, Dịch vụ và Chẩn đoán đều là “giao diện dùng trong bảo trì.□? Tiêu đề bằng ngôn ngữ đã chọn, nhưng các mục trong trình đơn lại bằng tiếng Anh.

Cài đặt máy

Mục trong Menu	Mô tả
Mài rà ngược phía trước	Điều khiển tốc độ guồng xoắn phía trước ở chế độ mài rà ngược.
Mài rà ngược phía sau	Điều khiển tốc độ guồng xoắn phía sau ở chế độ mài rà ngược.
Tốc độ cắt cỏ 🔒	Điều khiển tốc độ tối đa khi ở chế độ cắt cỏ (phạm vi thấp). Điều này được sử dụng để xác định tốc độ guồng xoắn.
Tốc độ vận chuyển 🔒	Điều khiển tốc độ tối đa khi ở chế độ vận chuyển (phạm vi cao).

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Cài đặt máy (tiếp tục)

Mục trong Menu	Mô tả
Số lượng lưỡi dao 🔒	Điều khiển số lượng lưỡi cắt trên guồng xoắn để tạo tốc độ guồng xoắn.
Độ cao cắt (HOC) 🔒	Điều khiển độ cao cắt (HOC) để xác định tốc độ guồng xoắn.
Tốc độ guồng xoắn phía trước 🔒	Hiển thị vị trí tốc độ guồng xoắn được tính toán cho các guồng xoắn phía trước. Các guồng xoắn cũng có thể được điều chỉnh thủ công.
Tốc độ guồng xoắn phía sau 🔒	Hiển thị vị trí tốc độ guồng xoắn được tính toán cho các guồng xoắn phía sau. Các guồng xoắn cũng có thể được điều chỉnh thủ công.
Tăng tốc 🔒	Cài đặt Thấp, Trung bình và Cao sẽ điều khiển tốc độ kéo phản ứng nhanh như thế nào khi bạn di chuyển bàn đạp kéo.

Giới thiệu

Mục trong Menu	Mô tả
Mẫu máy	Liệt kê số mẫu máy của máy.
Số sê-ri	Liệt kê số sê-ri của máy.
Bản sửa đổi S/W	Liệt kê bản sửa đổi phần mềm của bộ điều khiển chính.
Bản sửa đổi S/W của InfoCenter 🔒	Liệt kê bản sửa đổi phần mềm của InfoCenter.

Truy cập Màn hình chạy

1. Từ **Trình đơn Chính**, nhấn nút điều hướng bên phải để truy cập **Màn hình chạy chính** hiển thị mức nhiên liệu và nhiệt độ chất làm mát.
2. Nhấn nút điều hướng bên phải để cuộn đến **Màn hình chạy phụ** hiển thị mức nhiên liệu, nhiệt độ chất làm mát, giờ, điện áp ắc quy và RPM.

Menu được Bảo vệ

Có các cài đặt cấu hình hoạt động có thể điều chỉnh trong **Cài đặt** của màn hình. Để khóa những cài đặt này, hãy sử dụng **Trình đơn được Bảo vệ**.

Lưu ý: Tại thời điểm cung cấp, mã mật khẩu ban đầu được lập trình bởi nhà phân phối của bạn.

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Truy cập Trình đơn được Bảo vệ

Lưu ý: Mã PIN mặc định của nhà máy cho máy của bạn là `0000` hoặc `1234`.

Nếu bạn đã thay đổi mã PIN và quên mã, vui lòng liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để được hỗ trợ.

1. Từ **Trình đơn Chính**, cuộn xuống đến **Cài đặt** và nhấn nút chọn.

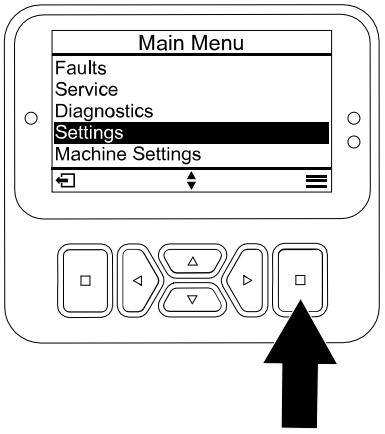

G471349s

2. Trong **Cài đặt**, cuộn đến **Nhập PIN** và nhấn nút chọn Ⓐ.
3. Để nhập mã PIN, hãy nhấn các nút điều hướng lên/xuống Ⓑ cho đến khi chữ số đầu tiên chính xác xuất hiện, sau đó nhấn nút điều hướng bên phảiⒸ để chuyển sang chữ số tiếp theo. Lặp lại bước này cho đến khi nhập chữ số cuối cùng.
4. Nhấn nút chọn Ⓓ.

   Lưu ý: Nếu màn hình chấp nhận mã PIN và menu được bảo vệ được mở khóa, từ "`PIN?` hiển thị ở góc trên bên phải của màn hình.
5. Để khóa menu được bảo vệ, xoay công tắc chìa khóa đến vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT.

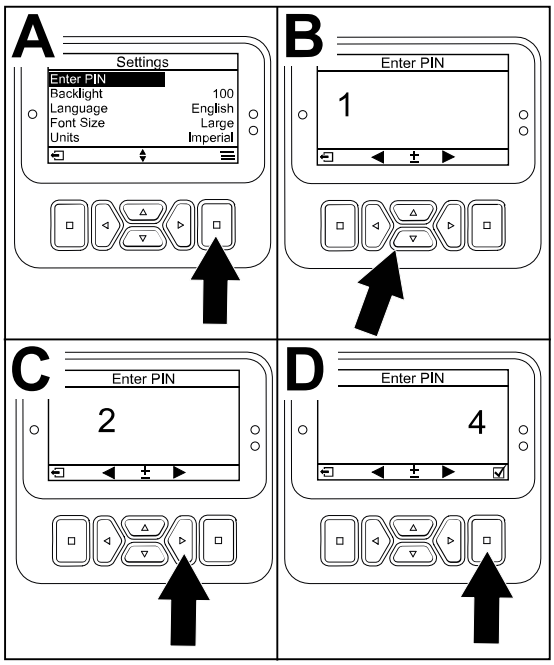

G471350s

Xem và Thay đổi Cài đặt Trình đơn được Bảo vệ

1. Trong **Cài đặt**, cuộn xuống đến **Bảo vệ Cài đặt**.
2. Để xem và thay đổi cài đặt mà không cần nhập mã PIN, hãy sử dụng nút chọn để thay đổi **Bảo vệ Cài đặt** đến ☐ (Tắt).
3. Để xem và thay đổi cài đặt có mã PIN, hãy sử dụng nút chọn để thay đổi **Bảo vệ Cài đặt** đến ☑ (Bật), đặt mã PIN và xoaychìa khóa trong công tắc khóa điện đến vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT.

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Đặt Bộ hẹn giờ Dịch vụ Đến hạn

Bộ hẹn giờ dịch vụ đến hạn sẽ đặt lại số giờ dịch vụ đến hạn sau khi thực hiện quy trình bảo trì theo lịch.

1. Trong **Cài đặt**, cuộn đến **Nhập PIN** và nhấn nút chọn.
2. Nhập PIN; tham khảo Truy cập Menu được Bảo vệ.
3. Trong **Dịch vụ**, điều hướng đến **Giờ** và nhấn nút chọn.
4. Cuộn xuống đến **Dịch vụ đến hạn**.

   Lưu ý: Nếu dịch vụ hiện đã đến hạn, `Hiện nay` xuất hiện bên cạnh **Dịch vụ đến hạn**.
5. Đánh dấu khoảng cách thời gian dịch vụ và nhấn nút chọn.

   Lưu ý: Khoảng cách thời gian dịch vụ (250 giờ, 500 giờ, v.v.) nằm bên cạnh **Dịch vụ đến hạn**.

   Khoảng cách thời gian dịch vụ là một mục trong menu được bảo vệ.
6. Khi Đặt lại bộ hẹn giờ dịch vụ?Màn hình xuất hiện, nhấn nút chọn cho Có hoặc nút quay lại cho Không.
7. Sau khi bạn chọn Có, màn hình khoảng cách thời gian sẽ xóa và trở lại các lựa chọn giờ dịch vụ.

Cài đặt Số lượng Lưỡi cắt

1. Trong **Cài đặt máy**, cuộn xuống đến **Số lượng Lưỡi cắt**.
2. Nhấn nút điều hướng bên phải để thay đổi số lượng lưỡi dao giữa guồng xoắn có 8 hoặc 11 lưỡi dao.

Cài đặt Độ cao cắt (HOC)

1. Trong **Cài đặt máy**, cuộn xuống đến **Độ cao cắt**.
2. Sử dụng các nút điều hướng bên trái và bên phải để chọn cài đặt HOC phù hợp với cài đặt bàn đế của dao xoắn. Nếu cài đặt chính xác không được hiển thị, hãy chọn cài đặt HOC gần nhất từ danh sách được hiển thị.

Cài đặt Tốc độ Guồng xoắn Phía trước và Phía sau

Mặc dù tốc độ guồng xoắn phía trước và phía sau được tính toán bằng cách nhập số lượng lưỡi cắt, tốc độ cắt cỏ và HOC vào màn hình InfoCenter, cài đặt có thể được thay đổi theo cách thủ công để phù hợp với các điều kiện cắt khác nhau.

1. Để thay đổi **Cài đặt tốc độ guồng xoắn**, cuộn xuống đến RPM guồng xoắn F, RPM guồng xoắn R, hoặc cả hai.
2. Nhấn nút bên phải để thay đổi giá trị tốc độ guồng xoắn. Khi bạn thay đổi cài đặt tốc độ, màn hình tiếp tục hiển thị tốc độ guồng xoắn được tính toán dựa trên số lượng lưỡi cắt, tốc độ cắt cỏ và HOC đã được nhập trước đó, nhưng giá trị mới cũng được hiển thị.

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

Cài đặt tốc độ cắt cỏ tối đa cho phép

Cài đặt đã chọn được hiển thị dưới dạng X trên biểu đồ thanh tốc độ kéo cùng với cài đặt điều khiển hành trình và dừng bàn đạp. X trên thanh biểu thị tốc độ tối đa bị giới hạn bởi người giám sát.

Lưu ý: Cài đặt này được duy trì trong bộ nhớ và áp dụng cho tốc độ kéo cho đến khi bạn thay đổi.

1. Trong **Cài đặt máy**, cuộn xuống đến **Tốc độ Cắt cỏ**.
2. Sử dụng các nút điều hướng bên trái và bên phải để tăng và giảm tốc độ cắt cỏ tối đa với gia số 0,8 km/h (0,5 mph) trong khoảng từ 1,6 đến 12,9 km/h (1,0 và 8,0 mph).

Cài đặt tốc độ vận chuyển tối đa cho phép

Cài đặt đã chọn được hiển thị dưới dạng X trên biểu đồ thanh tốc độ kéo cùng với cài đặt điều khiển hành trình và dừng bàn đạp. X trên thanh biểu thị tốc độ tối đa bị giới hạn bởi người giám sát.

Lưu ý: Cài đặt này được duy trì trong bộ nhớ và áp dụng cho tốc độ kéo cho đến khi bạn thay đổi.

1. Trong **Cài đặt máy**, cuộn xuống đến **Tốc độ vận chuyển**.
2. Sử dụng các nút điều hướng bên trái và bên phải để tăng và giảm tốc độ vận chuyển tối đa với gia số 0,8 km/h (0,5 mph) trong khoảng từ 8,0 đến 16,0 km/h (5,0 và 10,0 mph).

Cài đặt chế độ tăng tốc

1. Trong **Cài đặt máy**, cuộn xuống đến **Tăng tốc** .
2. Nhấn nút điều hướng bên phải để chuyển đổi giữa Thấp, Trung bình và Cao.

Kiểm tra khoảng cách phanh thủy tĩnh

Lưu ý: Máy này sẽ tự động phanh và dừng khi bạn đưa bàn đạp kéo về số mo.

Lưu ý: Để giảm tốc êm mượt, hãy dùng bàn chân để từ từ điều khiển bàn đạp kéo về số mo. Không lấy bàn chân ra khỏi bàn đạp và để bàn đạp khớp trở lại vị trí số mo trừ khi bạn có ý định dừng lại nhanh chóng.

1. Đưa máy dừng hẳn ở khoảng 3,7 m (12 ft) tính từ tốc độ vận chuyển tối đa là 10 mph.
2. Trên mặt đường bằng phẳng, khô ráo, đánh dấu điểm bắt đầu và điểm kết thúc là 3,7 m (12 ft).
3. Lái máy với tốc độ vận chuyển tối đa là 16 km/h (10 mph) và bỏ chân ra tại điểm bắt đầu 3,7 m (12 ft).
4. Kiểm tra xem máy có dừng trong phạm vi 0,6 m (2 ft) tính từ vạch kết thúc (3,7 m hoặc 12 ft) hay không.

Tổng quan về màn hình InfoCenter (tiếp tục)

5. Liên hệ với nhà phân phối Toro của bạn nếu khoảng cách dừng của máy không nằm trong khoảng 0,6 m (2 ft) so với khoảng cách này.

Tổng quan về tốc độ kéo được hiển thị

Máy này hiển thị tốc độ kéo ước tính bằng kilômét trên giờ (km/h) hoặc dặm trên giờ (mph).

- Tốc độ tức thời được hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình điều khiển hành trình và dừng bàn đạp ảo.
- Tốc độ kéo được ước tính và hiệu chỉnh để được chính xác nhất ở mức 8,0 km/h (5,0 mph) trong khi cắt cỏ. Tốc độ hiển thị là chính xác khi đạt 0,8 km/h (0,5 mph), cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ hiển thị trong khi lái trên mặt đường khô ráo, bằng phẳng.
- Vui lòng liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn nếu tốc độ quan sát được của máy lệch hơn 2,4 km/h (1,5 mph) so với tốc độ hiển thị.

Trong quá trình vận hành

Tổng quan về đặc điểm vận hành máy

- Khi bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp kéo, máy sẽ tự động phanh để dừng lại.
- Các nút điều khiển bàn đạp được tối ưu hóa để tạo phản hồi phản ứng nhưng ổn định, cho phép bạn duy trì khả năng điều khiển nhất quán trên địa hình gồ ghề, đồng thời vẫn cho phép phanh nhanh và êm mượt.
- Tốc độ tối đa được cài đặt trong cài đặt menu được bảo vệ bằng mã PIN do người giám sát cài đặt để giới hạn tốc độ kéo tối đa của máy.
- Tốc độ sử dụng bàn đạp kéo, tốc độ điều khiển hành trình và tốc độ kéo dừng bàn đạp có thể đạt được đều bị giới hạn bởi tốc độ tối đa được cài đặt trong menu được bảo vệ bằng mã PIN.

Vận hành máy

- Nếu có chướng ngại vật cản đường, hãy nâng dao xoắn để cắt cỏ xung quanh đó.
- Khi vận chuyển máy giữa các khu vực làm việc, hãy tắt PTO và nâng dao xoắn lên vị trí nâng lên hoàn toàn. Điều này cho phép bàn đạp lực kéo hoạt động giống như một chiếc ô tô.
- Luôn lái xe chậm ở những khu vực gồ ghề.
- Không bao giờ tắt máy khi đang điều khiển máy.

Thực hành vận hành máy

Để làm quen với các tính năng của máy, hãy thực hành vận hành máy.

Vận hành máy (tiếp tục)

1. Nâng dao xoắn, tắt phanh đỗ, nhấn bàn đạp kéo tiến, và lái xe cẩn thận đến khu vực thoáng đãng.
2. Thực hành lái máy, bởi vì máy có bộ phận truyền động thủy tĩnh và các tính năng của máy có thể khác với các máy bảo dưỡng cỏ khác.
3. Thực hành di chuyển tiến và lùi, khởi động và dừng máy. Để dừng máy, bỏ chân ra khỏi bàn đạp kéo và để bàn đạp trở về vị trí số Mo.

   Lưu ý: Khi ngồi trong máy để xuống dốc, bạn có thể phải bật công tắc phanh đỗ hoặc sử dụng bàn đạp lùi để dừng lại.
4. Thực hành lái xe xung quanh các chướng ngại vật khi các dao xoắn nâng lên và hạ xuống. Hãy cẩn thận khi lái giữa các vật hẹp để không làm hỏng máy hoặc các dao xoắn.

Tổng quan về bàn đạp kéo

Bàn đạp kéo (1) điều khiển tốc độ tiến và lùi của máy cũng như tự động phanh khi bạn đưa máy về số mo.

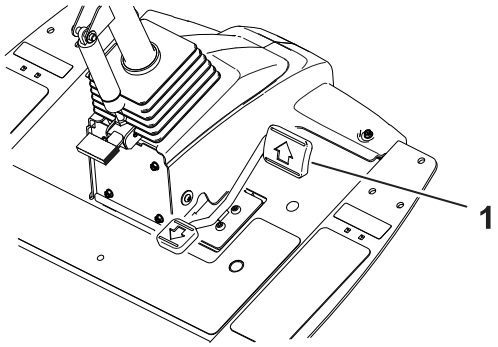

G439020

- Bạn càng đẩy bàn đạp kéo tiến hoặc lùi, máy sẽ di chuyển càng nhanh.
- Để giúp máy dừng êm mượt trong khi vận chuyển hoặc cắt cỏ, hãy sử dụng bàn chân để đưa bàn đạp kéo về số mo với tốc độ mong muốn.
- Để bật phanh tối đa, hãy bỏ bàn chân ra khỏi bàn đạp kéo, để bàn đạp trở về số mo. Máy tự động phanh để dừng.

Hệ thống lực kéo này cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt tăng tốc để tạo cảm giác thoải mái cho người vận hành và phù hợp với điều kiện sân gôn.

Tổng quan về tính năng Dừng bàn đạp ảo (VPS)

Tính năng dừng bàn đạp ảo (VPS) cho phép bạn tạm thời cài đặt tốc độ kéo tối đa nhỏ hơn tốc độ kéo tối đa của người giám sát được bảo vệ bằng mật khẩu.

Để tạm thời cài đặt tốc độ tối đa của máy, hãy nhấn bàn đạp kéo hoàn toàn về phía trước. Bạn có thể cài đặt tốc độ riêng cho phạm vi cắt cỏ và phạm vi vận chuyển.

- Để truy cập tính năng này, nhấn nút điều hướng lên hoặc xuống từ màn hình chính.

  Lưu ý: Tính năng này sẽ trở về cài đặt tốc độ tối đa của người giám sát khi tắt chìa khóa.

Tổng quan về tính năng Dừng bàn đạp ảo (VPS) (tiếp tục)

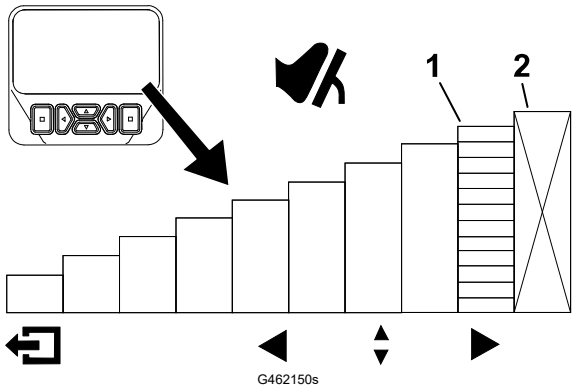

(1) Cho biết tốc độ kéo tối đa (dừng bàn đạp)

(2) Tốc độ này bị khóa trong menu mã PIN được bảo vệ.

- Tính năng này cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt tốc độ cho phù hợp với mức độ thoải mái của bạn hoặc tùy chỉnh cài đặt tốc độ để phù hợp với ứng dụng.
- Bất cứ khi nào tốc độ kéo tối đa được thay đổi thông qua cài đặt tốc độ tối đa của người giám sát hoặc Dừng bàn đạp ảo, bàn đạp kéo sẽ tự động được lập trình lại để sử dụng toàn bộ hành trình bàn đạp giữa số mo và tốc độ tối đa mới. Điều này có nghĩa là người vận hành có thể đạt được khả năng điều khiển tốc độ kéo chính xác hơn với cài đặt tốc độ tối đa thấp hơn.

Lời khuyên sử dụng Dừng bàn đạp ảo (VPS)

- Cài đặt tốc độ tối đa tạm thời thấp hơn để cắt cỏ trên đường dọn dẹp của đường lăn bóng.
- Cài đặt tốc độ tối đa tạm thời thấp hơn để cải thiện khả năng điều khiển khi vận hành trong hoặc gần xưởng bảo trì.
- Cài đặt tốc độ tối đa tạm thời thấp hơn để cải thiện khả năng điều khiển khi tải máy lên xe mooc.

Điều khiển hành trình

Hoạt động điều khiển hành trình

Công tắc điều khiển hành trình (1) sẽ bị khóa trong điều khiển hành trình để duy trì tốc độ trên mặt đất mong muốn. Nhấn vào phía sau công tắc sẽ tắt điều khiển hành trình, vị trí ở giữa của công tắc sẽ bật chức năng điều khiển hành trình, và nhấn vào phía trước của công tắc sẽ cài đặt tốc độ trên mặt đất mong muốn.

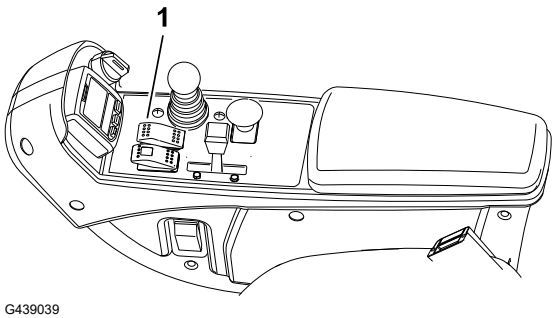

Sau khi bật công tắc điều khiển hành trình và cài đặt tốc độ, hãy sử dụng màn hình InfoCenter để điều chỉnh cài đặt tốc độ của điều khiển hành trình.

Điều khiển hành trình (tiếp tục)

Để tắt điều khiển hành trình, hãy sử dụng như sau:

- Khi ở trong phạm vi vận chuyển, nhấn bàn đạp kéo lùi, gài phanh đỗ, hoặc nhấn công tắc điều khiển hành trình sang vị trí TẮT.
- Khi ở trong phạm vi cắt cỏ, nhấn bàn đạp kéo lùi, gài phanh đỗ, tắt PTO hoặc nhấn công tắc điều khiển hành trình sang vị trí TẮT .

  Lưu ý: Việc tắt điều khiển hành trình sẽ khiến máy chủ động phanh lại để dừng lại. Nếu bạn muốn tắt điều khiển hành trình nhưng vẫn tiếp tục lái máy, hãy nhấn bàn đạp kéo rồi tắt điều khiển hành trình để chuyển tiếp êm mượt từ điều khiển hành trình sang điều khiển tốc độ thủ công.

Điều chỉnh tốc độ điều khiển hành trình

1. Bật công tắc điều khiển hành trình trên bảng điều khiển.
2. Sử dụng màn hình InfoCenter để điều chỉnh cài đặt tốc độ của điều khiển hành trình.

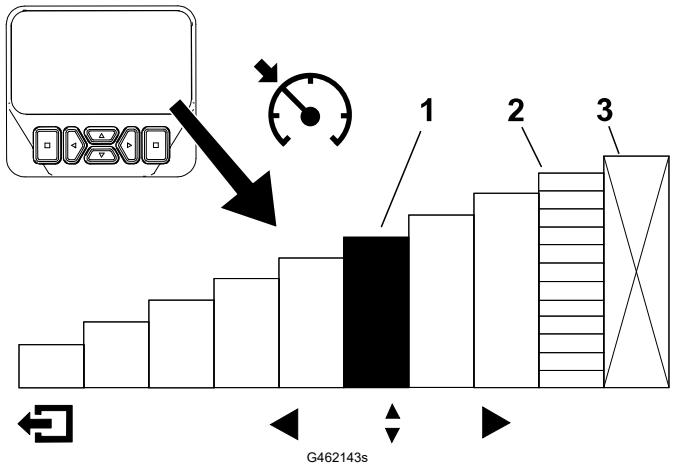

(1) Cho biết tốc độ điều khiển hành trình

(2) Cho biết tốc độ kéo tối đa (dừng bàn đạp)

(3) Tốc độ này bị khóa trong menu mã PIN được bảo vệ.

Lời khuyên khi sử dụng điều khiển hành trình

- Cài đặt tốc độ hành trình cho khoảng cách dài mà không gặp nhiều chướng ngại vật.
- Trên địa hình gồ ghề, hãy sử dụng màn hình InfoCenter để điều khiển tốc độ.
- Sử dụng điều khiển hành trình để quay vòng như sau:
  1. Trong khi cắt cỏ, hãy cài đặt tốc độ an toàn, thoải mái để quay đầu xe khi kết thúc đường cắt cỏ.
  2. Nhấn bàn đạp kéo để tăng tốc độ cắt cỏ trong đường cắt cỏ.
  3. Bỏ bàn chân khỏi bàn đạp khi quay vòng để thực hiện đường cắt cỏ tiếp theo.
  4. Máy sẽ giảm tốc độ đến cài đặt điều khiển hành trình thấp, cho phép bạn quay vòng hiệu quả với tốc độ không đổi.

Điều khiển hành trình (tiếp tục)

5. Sau khi quay vòng, sử dụng bàn đạp kéo để tăng tốc độ của máy trở lại cho đường cắt cỏ tiếp theo.

Tổng quan về chế độ tăng tốc

Tính năng này xác định máy thay đổi tốc độ kéo nhanh như thế nào khi bàn đạp kéo không ở vị trí SỐ MO.

Lưu ý: Nếu bạn nhấc bàn chân ra khỏi bàn đạp kéo, để bàn đạp trở về vị trí SỐ MO trong khi máy đang di chuyển, thì cấu hình phanh sẽ được bật. Cấu hình phanh luôn giống nhau và không thể tùy chỉnh bằng tính năng của chế độ tăng tốc.

Nhập các menu được bảo vệ trên màn hình InfoCenter để thay đổi chế độ tăng tốc. Chế độ tăng tốc có 3 vị trí sau:

- THẤP—tăng tốc và giảm tốc ít mạnh mẽ nhất
- TRUNG BÌNH (mặc định)—tăng và giảm tốc ở mức trung bình
- CAO—tăng tốc và giảm tốc mạnh mẽ nhất

Tổng quan về chế độ khởi động

Khi khởi động máy trong thời tiết lạnh, thông báo và biểu tượng Bông tuyết xuất hiện trên màn hình InfoCenter. Không vận hành máy ở trên chế độ chạy rỗi thấp cho đến sau thời gian khởi động.

Khởi động Động cơ

QUAN TRỌNG

Bạn phải xả hệ thống nhiên liệu trước khi khởi động động cơ nếu bạn khởi động động cơ lần đầu tiên, động cơ đã dừng do thiếu nhiên liệu hoặc bạn đã thực hiện bảo trì hệ thống nhiên liệu.

1. Ngồi trên ghế, không để chân lại gần bàn đạp kéo sao cho ở vị trí SỐ MO, bật phanh tay, cài đặt van tiết lưu đến vị trí NHANH, và đảm bảo PTO không được bật.
2. Xoay chìa khóa sang vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ.

   Bộ hẹn giờ tự động điều khiển làm nóng sơ bộ bugi đốt nóng trong 6 giây.
3. Sau khi làm nóng sơ bộ bugi đốt nóng, xoay chìa khóa sang vị trí KHỞI ĐỘNG.

   Lưu ý: Quay động cơ không quá 15 giây. Nhả chìa khóa khi động cơ khởi động. Nếu cần làm nóng sơ bộ thêm, hãy xoay chìa khóa sang vị trí TẮT rồi đến vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ. Lặp lại quy trình này theo yêu cầu.
4. Chạy động cơ ở tốc độ dừng ngắn cho đến khi động cơ nóng lên.

Tắt Động cơ

1. Di chuyển tất cả các nút điều khiển đến vị trí Số Mo, bật phanh tay, di chuyển van tiết lưu đến vị trí dừng ngắn và để động cơ đạt đến tốc độ dừng lâu.

QUAN TRỌNG

Để động cơ dừng trong 5 phút trước khi tắt sau khi vận hành đầy tải. Nếu không làm như vậy, có thể làm hỏng các bộ phận của động cơ.

2. Xoay chìa khóa đến vị trí TẮT và rút ra khỏi công tắc.

Điều chỉnh Đối trọng tay đòn Nâng

Dao xoắn Phía sau

⚠ THẬN TRỌNG ⚠

Các lò xo đang bị căng và việc điều chỉnh chúng có thể dẫn đến thương tích cá nhân nhẹ hoặc vừa phải.

Thận trọng khi điều chỉnh lò xo.

Điều chỉnh lượng lực đối trọng tác dụng lên các dao xoắn phía sau để giúp cân bằng đối với các điều kiện sân cỏ khác nhau và để duy trì độ cao cắt đồng đều trong điều kiện gồ ghề hoặc ở những khu vực tích tụ lá khô.

Điều chỉnh lực đối trọng của từng lò xo xoắn về 1 trong 4 cài đặt. Mỗi gia số sẽ tăng hoặc giảm lực đối trọng lên dao xoắn 2,3 kg. Bạn có thể đặt các lò xo ở mặt sau của bộ khởi động lò xo thứ nhất để loại bỏ tất cả đối trọng (vị trí thứ tư).

Lưu ý: Để loại bỏ tất cả lực đối trọng, đặt chân dài của lò xo xoắn ở trên chốt ren có vai.

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, hạ dao xoắn, tắt động cơ, bật phanh tay và rút chìa khóa.
2. Chèn đầu dài của lò xo đối trọng ① vào ống hoặc vật thể tương tự và quay lò xo xung quanh chốt ren có vai ② đến vị trí mong muốn.
3. Lặp lại bước 2 ở lò xo đối trọng khác.

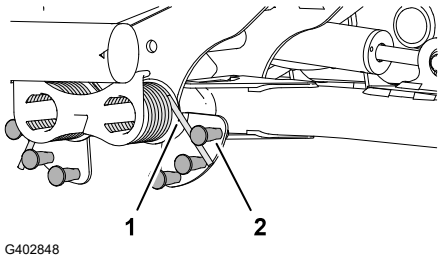

G402848

Điều chỉnh Vị trí Xoay tay đòn Nâng

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, hạ dao xoắn, tắt động cơ, bật phanh tay và rút chìa khóa.
2. Đặt công tắc tay đòn nâng bên dưới bình thủy lực và bên trong của tay đòn nâng của dao xoắn #5.

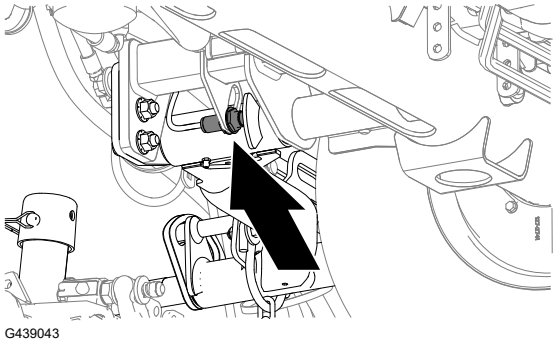
G439043

3. Nới lỏng đai ốc hãm siết chặt công tắc tay đòn nâng ① vào bảng công tắc ②.
4. Điều chỉnh công tắc tay đòn nâng như sau:
   - Để tăng độ cao xoay tay đòn nâng, hãy di chuyển công tắc xuống.
   - Để giảm độ cao xoay tay đòn nâng, hãy di chuyển công tắc lên.

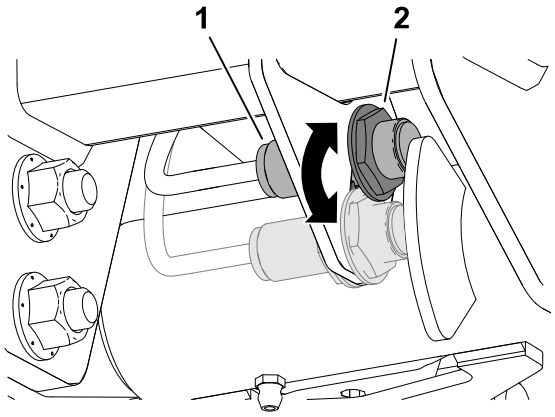

G439054

QUAN TRỌNG

Duy trì khe khí từ 1,0 đến 2,5 mm (0,040 đến 0,100 inch) giữa công tắc và khóa kích hoạt tay đòn nâng. Đèn LED trên công tắc xác minh chức năng phù hợp của công tắc.

5. Tạo mô-men xoắn cho đai ốc hãm đến **20 +/- 2 N·m (15 +/- 1,5 ft-lb)**.

QUAN TRỌNG

Không siết quá chặt các đai ốc hãm; nếu không, bạn có thể làm hỏng cảm biến.

Điều chỉnh Lò xo Cân bằng Sân cỏ

Lò xo cân bằng sân cỏ truyền trọng lượng từ roller phía trước sang con lăn phía sau. Điều này giúp giảm mô hình sóng trên sân cỏ, còn được gọi là lượn sóng hay nhấp nhô.

Điều chỉnh Lò xo Cân bằng Sân cỏ (tiếp tục)

QUAN TRỌNG

Thực hiện điều chỉnh lò xo với dao xoắn được gắn với bộ kéo hướng thẳng về phía trước và hạ xuống mặt đất.

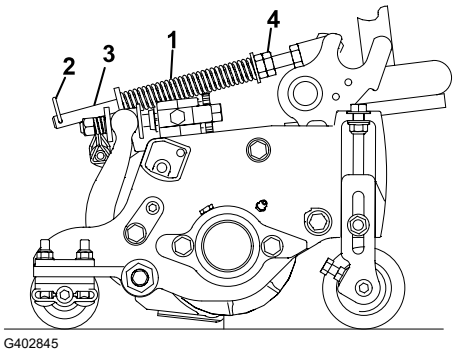

G402845

1. Đảm bảo kẹp ghim (2) được lắp vào lỗ phía sau trên thanh lò xo (3).

   Lưu ý: Khi bảo dưỡng dao xoắn, hãy di chuyển kẹp ghim đến lỗ thanh lò xo bên cạnh lò xo cân bằng sân cỏ (1).

2. Siết chặt các đai ốc lục giác (4) ở đầu trước của thanh lò xo cho đến khi chiều dài nén của lò xo là 15,9 cm (6,25 inch).

   Lưu ý: Khi vận hành trên địa hình gồ ghề, giảm chiều dài lò xo 13 mm. Khả năng bám bề mặt sẽ giảm nhẹ.

   Lưu ý: Cài đặt cân bằng sân cỏ sẽ cần được đặt lại nếu cài đặt HOC hoặc cài đặt Độ mạnh Cắt bị thay đổi.

Cắt Cỏ bằng Máy

1. Tắt phanh đỗ, tắt PTO và nâng dao xoắn lên.
2. Di chuyển van tiết lưu đến vị trí NHANH.
3. Lái máy đến khu vực cắt cỏ.
4. Đỗ máy cách xa đường lăn khoảng 6 m (20 foot), quay mặt về hướng cắt cỏ dự kiến.
5. Hạ thấp hoàn toàn các dao xoắn bằng cần điều khiển nâng/hạ.
6. Bật PTO.

   Lưu ý: Dao xoắn sẽ không khởi động.

7. Chạm cần điều khiển nâng/hạ về phía sau để nâng dao xoắn đến vị trí quay vòng.

   Lưu ý: Chạm vào cần điều khiển nâng/hạ mà không giữ sẽ nâng dao xoắn đến vị trí quay vòng và dừng xoay các guồng xoắn cho đến khi dao xoắn được hạ xuống.

8. Sử dụng bàn đạp kéo để từ từ tiếp cận khu vực cắt cỏ.
9. Khi bạn đến mép của khu vực cắt cỏ để bắt đầu cắt, hãy hạ dao xoắn xuống bằng cần điều khiển nâng/hạ.

   Lưu ý: Thực hành để đảm bảo các dao xoắn không hạ xuống sớm hoặc cắt cỏ ở khu vực ngoài dự kiến.

10. Hoàn thành đường cắt cỏ.

Cắt Cỏ bằng Máy (tiếp tục)

11. Khi đến gần mép đối diện của đường lăn bóng (trước khi đến mép của khu vực cắt cỏ), hãy chạm vào cần điều khiển nâng/hạ về phía sau để nâng dao xoắn lên vị trí quay vòng.
12. Quay xe theo đường hình giọt nước để nhanh chóng vạch đường thẳng cho đường cắt tiếp theo.
13. Nhấn cần điều khiển nâng/hạ để tự động hạ các dao xoắn từ vị trí quay vòng và tiếp tục cắt cỏ.
14. Sau khi cắt cỏ ở khu vực mong muốn, hãy đi theo chu vi của khu vực đó để hoàn thành đường cắt dọn dẹp. Điều này sẽ đảm bảo toàn bộ lớp cỏ dọc theo mép của đường lăn bóng có các dao xoắn được nâng lên và hạ xuống đều được cắt đồng đều.

    Lưu ý: Bạn nên sử dụng Dừng bàn đạp ảo (VPS) để tạm thời cài đặt tốc độ tối đa thấp hơn nhằm cải thiện khả năng điều khiển vận hành trong khi hoàn thành đường cắt dọn dẹp.

Cài đặt Tốc độ Guồng xoắn

QUAN TRỌNG

Điều quan trọng là tốc độ guồng xoắn phù hợp được sử dụng cho ứng dụng cắt cỏ của bạn.

- **Tốc độ guồng xoắn quá chậm có thể dẫn đến mô hình dạng sóng trên sân cỏ, còn được gọi là vết cắt xén, lượn sóng hoặc nhấp nhô. Nếu thấy điều này xảy ra, hãy thử tăng tốc độ guồng xoắn hoặc giảm tốc độ cắt cỏ.**
- **Tốc độ guồng xoắn quá nhanh có thể dẫn đến hư hỏng mặt sân và/hoặc mài mòn sớm các guồng xoắn, dao bụng và các bộ phận cơ học khác.**

Để điều chỉnh tốc độ guồng xoắn thủ công, hoàn thành các mục sau:

1. Trong **Cài đặt máy**, nhập số lượng lưỡi dao, tốc độ cắt cỏ và HOC để tính tốc độ guồng xoắn phù hợp.
2. Nếu cần điều chỉnh thêm, trong **Cài đặt máy** , cuộn xuống đến **Tốc độ guồng xoắn phía trước**, **Tốc độ guồng xoắn phía sau**, hoặc cả hai.
3. Nhấn nút điều hướng bên phải để thay đổi giá trị tốc độ guồng xoắn. Khi cài đặt tốc độ được thay đổi, màn hình sẽ tiếp tục hiển thị tốc độ guồng xoắn được tính toán dựa trên số lượng lưỡi dao, tốc độ cắt cỏ và HOC, nhưng giá trị mới cũng sẽ được hiển thị.

    Lưu ý: Bạn có thể phải tăng hoặc giảm tốc độ guồng xoắn để cân bằng đối với các điều kiện sân cỏ khác nhau.

Cài đặt Tốc độ Guồng xoắn (tiếp tục)

Biểu đồ tốc độ guồng xoắn 7 inch (178 mm)

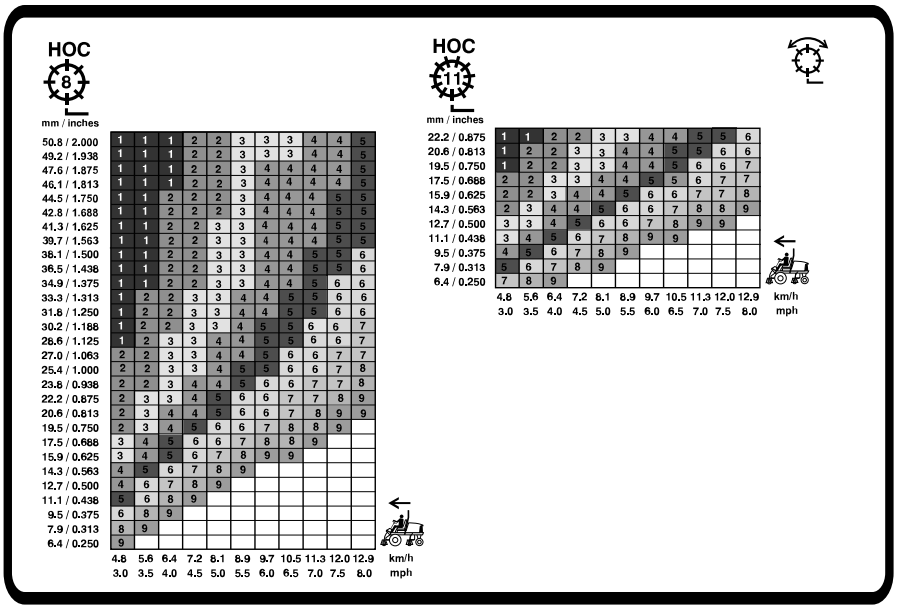

G439056

Tổng quan về đèn chỉ báo

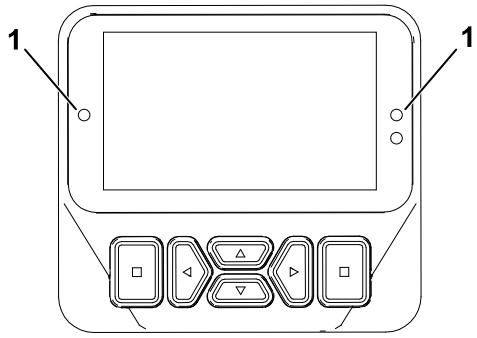

G461477

(1) Đèn chỉ báo

- Màu đỏ nhấp nháy—lỗi đang hoạt động
- Màu đỏ liên tục—tư vấn đang hoạt động
- Màu xanh dương liên tục—thông báo hiệu chuẩn/hộp thoại
- Màu xanh lá liên tục—hoạt động bình thường

Lời khuyên về Vận hành

Làm Quen với Máy

- Trước khi cắt cỏ, hãy thực hiện việc vận hành máy ở khu vực thoáng đãng.

Lời khuyên về Vận hành (tiếp tục)

- Khởi động và tắt động cơ.
- Vận hành tiến và lùi.
- Hạ và nâng các dao xoắn, và bật và tắt các dao xoắn.
- Khi bạn đã quen hơn với máy, hãy thực hành vận hành lên xuống dốc với các tốc độ khác nhau.

Tổng quan về hệ thống cảnh báo

Nếu đèn cảnh báo bật sáng trong khi vận hành, hãy dừng máy ngay lập tức và khắc phục sự cố trước khi tiếp tục vận hành. Có thể xảy ra hư hỏng nghiêm trọng nếu bạn vận hành máy khi có sự cố.

Tổng quan về các mô hình cắt

Đây là phương pháp hiệu quả nhất để ngăn ngừa hiện tượng gờ chân tường.

Thường xuyên thay đổi mô hình cắt cỏ để giảm thiểu bề mặt xấu sau khi cắt do cắt lặp lại theo cùng một hướng.

Kỹ thuật cắt cỏ phù hợp

- Để đạt được đường cắt và sọc thẳng chuyên nghiệp như mong muốn đối với một số ứng dụng, hãy tìm một cái cây hoặc vật thể bất kỳ ở xa và lái thẳng về phía đó.
- Duy trì độ sắc bén của guồng xoắn và dao bụng.
- Duy trì khoảng sáng phù hợp từ guồng xoắn đến dao bụng. Sử dụng tiếp xúc nhẹ.
- Tuân thủ và duy trì quy tắc 1/3 (mỗi lần chỉ cắt 1/3 lá cỏ).
- Đặt tốc độ guồng xoắn và tốc độ kéo để đạt được độ dài cắt xén mong muốn.
- Khi cắt cỏ trong điều kiện ẩm ướt, hãy mở tấm chắn phía sau của dao xoắn.

Bảo trì máy sau khi cắt cỏ

Hoàn thành các bước sau sau khi cắt cỏ:

1. Rửa máy cẩn thận bằng ống mềm làm vườn không có mắt phun để tránh làm bẩn và làm hỏng phớt dầu và vòng bi do áp lực nước quá cao.
2. Đảm bảo bộ tản nhiệt và bộ làm mát dầu không có bụi bẩn hoặc cỏ xén.
3. Kiểm tra máy xem có thể bị rò rỉ chất lỏng thủy lực, hư hỏng hoặc mài mòn đối với các bộ phận thủy lực và cơ học hay không, đồng thời kiểm tra độ sắc bén của các lưỡi dao xoắn.

Cắt gọn, cắt vòng tròn và cắt đứng

- **Cắt gọn/Cắt vòng tròn**

Lời khuyên về Vận hành (tiếp tục)

- Cắt gọn và cắt vòng tròn được coi là các ứng dụng quan trọng. Dành riêng các guồng xoắn cho những ứng dụng này.
- Tuân thủ và duy trì quy tắc 1/3 (mỗi lần chỉ cắt 1/3 lá cỏ).

- **Cắt đứng**
  - Đối với máy cắt đứng 5 inch, đặt độ sâu của lưỡi cắt đứng ở mức 1/8 inch trở xuống. Đối với máy cắt đứng 7 inch, đặt độ sâu của lưỡi dao ở mức 1/4 inch trở xuống.
  - Đảm bảo các lưỡi dao của dao xoắn đều sắc bén, được điều chỉnh chính xác và không có lưỡi dao nào bị cong. Lưỡi dao cùn và bị cong đòi hỏi nhiều năng lượng hơn.
  - Việc thêm nhiều lưỡi dao hơn để giảm khoảng cách giữa các lưỡi dao sẽ làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

- **Các phương pháp thực hành tốt nhất để cắt gọn, cắt vòng tròn và cắt đứng**
  - Mở tấm chắn phía sau của dao xoắn.
  - Tốc độ cắt cỏ tối đa đề xuất 6 km/h (4 mph).
  - Đặt tốc độ guồng xoắn thành cài đặt 6.

    Lưu ý: Cài đặt tốc độ guồng xoắn cao hơn dẫn đến mô-men xoắn thấp hơn. Khi cắt gọn, hiệu suất và hiệu quả tốt hơn sẽ đạt được ở cài đặt tốc độ guồng xoắn thấp hơn.
  - Không sử dụng Chế độ tiết kiệm.
  - Sử dụng màn hình InfoCenter để theo dõi nhiệt độ chất làm mát động cơ.
  - Thường xuyên kiểm tra màn tản nhiệt phía sau và màn hình cửa nạp khí của bộ lọc khí ở phía trên bộ tản nhiệt xem có cặn bám tích tụ hay không.
  - Nếu động cơ quá nóng, hãy đỗ máy ở khu vực có bóng râm và luồng khí tốt để các bộ phận của máy nguội đi.

Vận chuyển Máy

Tắt PTO và nâng dao xoắn lên vị trí VẬN CHUYỂN. Hãy cẩn thận khi lái máy giữa các vật thể để không vô tình làm hỏng máy hoặc các dao xoắn. Nên cẩn thận hơn khi vận hành máy trên dốc. Lái xe chậm và tránh rẽ gấp trên dốc để tránh bị lật. Hạ dao xoắn khi xuống dốc để kiểm soát lái.

Sau khi vận hành

Vị trí Điểm Buộc

- **Phía trước của máy**—lỗ trên miếng đệm hình chữ nhật, dưới ống trục, bên trong mỗi lốp trước.

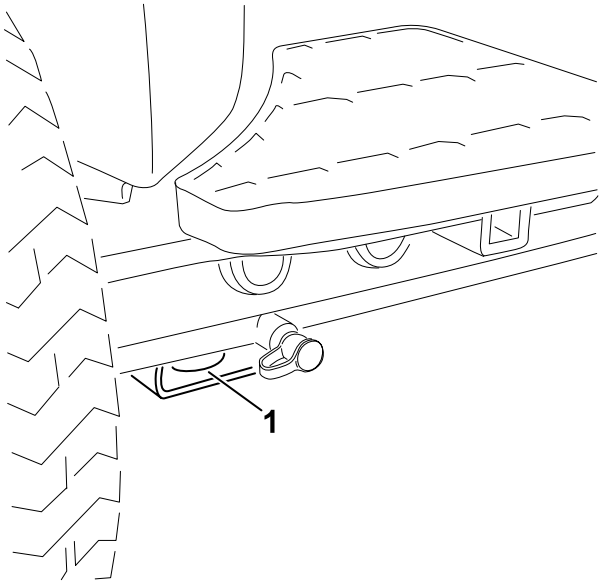

G439095

(1) Buộc phía trước

- **Phía sau của máy**—mỗi mặt bên của máy trên khung sau.

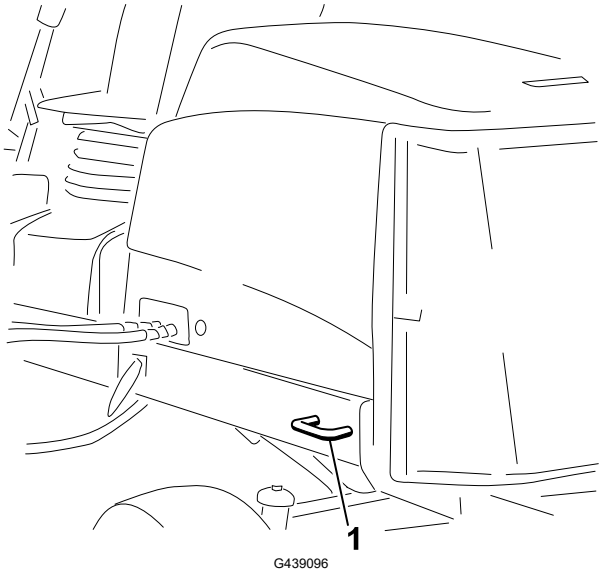

G439096

(1) Buộc phía sau

Vận chuyển Máy

Hãy làm theo những lời khuyên dưới đây khi vận chuyển máy.

- Sử dụng dốc có chiều rộng đầy đủ để chất máy lên xe moóc hoặc xe tải.
- Buộc chặt máy xuống.

Đẩy hoặc Kéo Máy

Trong trường hợp khẩn cấp, bạn có thể di chuyển máy về phía trước bằng cách khởi động van rẽ nhánh trong máy bơm thủy lực có dung tích khả biến rồi đẩy hoặc kéo máy.

QUAN TRỌNG

Không đẩy hoặc kéo máy nhanh hơn 3 đến 4,8 km/h. Nếu bạn đẩy hoặc kéo với tốc độ nhanh hơn, có thể xảy ra hư hỏng bộ phận truyền động bên trong.

Van rẽ nhánh phải mở và nhả phanh bất cứ khi nào bạn đẩy hoặc kéo máy.

1. Mở chốt đế ghế và nghiêng ghế để mở ra.
2. Xác định vị trí các van rẽ nhánh ở bên dưới ghế và ở trên cùng của bơm thủy tĩnh.

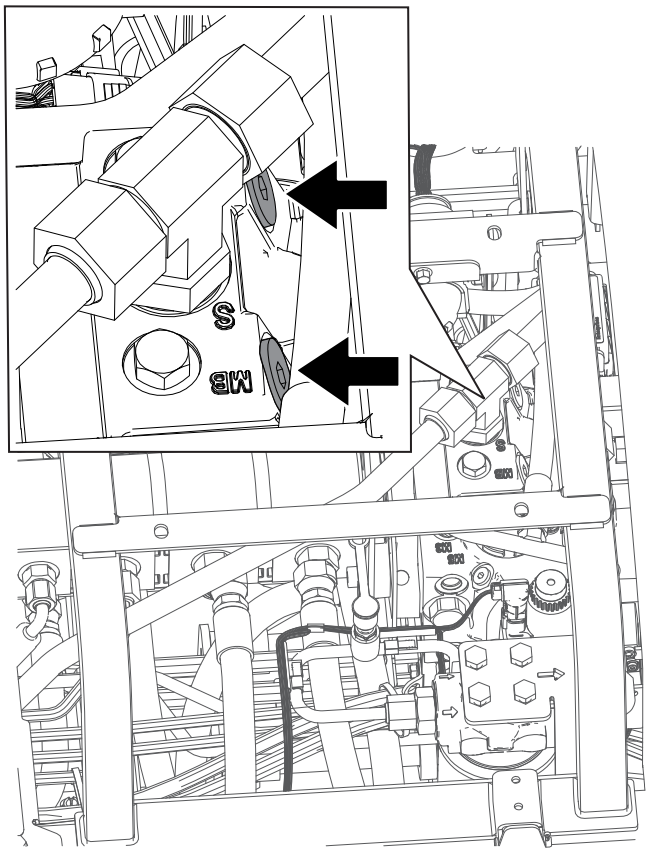

G439099

3. Nới lỏng van 3 vòng để dầu chảy theo đường vòng bên trong.

Lưu ý: Bởi vì chất lỏng chảy theo đường vòng, máy có thể được di chuyển từ từ mà không làm hỏng bộ phận truyền động.

4. Xác định vị trí cổ góp nhả phanh gần lốp trước bên phải và phía sau bình thủy lực.
5. Lắp ống hoặc bộ phận tương tự, giữ núm màu đen ② trên cổ góp và bơm ① cổ góp 3 lần. Ngay khi có lực cản đáng kể khi bơm, phanh sẽ được nhả ra.

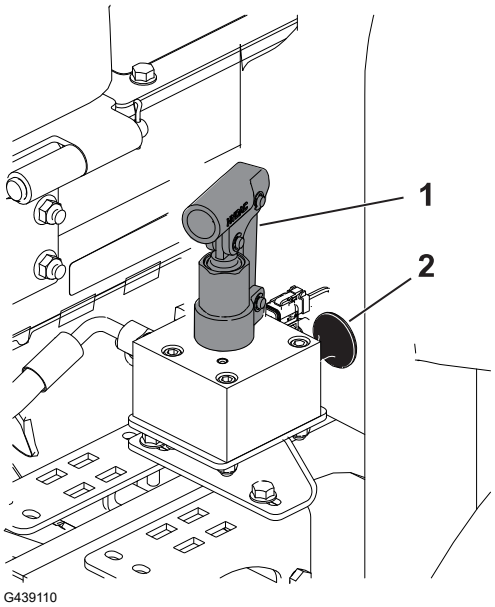

QUAN TRỌNG

Không bơm cổ góp sau khi nó không bơm dễ dàng. Hư hỏng có thể xảy ra nếu cổ góp được bơm quá nhiều.

Lưu ý: Khi áp suất đã tăng lên trong cổ góp, phanh sẽ được nhả trong khoảng 60 phút. Nếu cần thiết sau 60 phút, hãy nhả phanh lần nữa bằng cách bơm cổ góp.

6. Đẩy hoặc kéo máy.
7. Cài đặt phanh bằng cách kéo núm màu đen ra hoặc khởi động động cơ.

   Lưu ý: Phanh tự động thiết lập lại khi bạn khởi động động cơ.

8. Đóng các van rẽ nhánh. Tạo mô-men xoắn của các van từ **11 N·m (5 đến 8 ft-lb)**.

QUAN TRỌNG

Đảm bảo các van rẽ nhánh được đóng trước khi bạn bắt đầu vận hành máy. Chạy động cơ với van van rẽ nhánh mở sẽ làm cho bộ phân truyền động bị quá nóng.

Lưu ý: Xác định các mặt bên trái và bên phải của máy từ vị trí vận hành bình thường.

Lưu ý: Tải xuống bản sao miễn phí của sơ đồ phần điện hoặc thủy lực bằng cách truy cập www.Toro.com và tìm kiếm máy của bạn từ liên kết Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ.

QUAN TRỌNG

Tham khảo hướng dẫn sử dụng động cơ và *Hướng dẫn Vận hành* dao xoắn để biết thêm các quy trình bảo dưỡng.

Lịch bảo trì đề xuất

Khoảng cách thời gian bảo dưỡng bảo trì	Quy trình bảo trì	Số sản phẩm	Số	Mô tả
Sau giờ đầu tiên	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe từ 94 đến 122 N·m (70 đến 90 ft-lb).	-	-	-
	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục phía trước lên từ 407 đến 542 N·m (300 đến 400 ft-lb).	-	-	-
	Siết đai ốc moay ơ sau từ 366 đến 447 N·m (270 đến 330 ft-lb).	-	-	-
Sau 10 giờ đầu tiên	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe từ 94 đến 122 N·m (70 đến 90 ft-lb).	-	-	-
	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục phía trước lên từ 407 đến 542 N·m (300 đến 400 ft-lb).	-	-	-
	Siết đai ốc moay ơ sau từ 366 đến 447 N·m (270 đến 330 ft-lb).	-	-	-
Sau 50 giờ đầu tiên	Thay dầu động cơ và bộ lọc.	108-3841	1	Bộ lọc dầu động cơ
		121-6393	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (5 gallon)
		121-6392	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (55 gallon)

Khoảng cách thời gian bảo dưỡng bảo trì	Quy trình bảo trì	Số sản phẩm	Số	Mô tả
		121-6395	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (5 gallon)
		121-6394	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (55 gallon)
	Kiểm tra tốc độ động cơ (van tiết lưu chạy rỗi và lưu động hoàn toàn); tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*.	-	-	-
Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày	Kiểm tra (các) dây đai an toàn.	-	-	-
	Kiểm tra công tắc khóa liên động.	-	-	-
	Kiểm tra các bộ phận của Hệ thống chống lật (ROPS) xem có bị mài mòn hoặc bị hỏng không.	-	-	-
	Kiểm tra mức dầu động cơ.	121-6393	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (5 gallon)
		121-6392	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (55 gallon)
		121-6395	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (5 gallon)
		121-6394	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (55 gallon)
	Xả bình tách nước.	-	-	-
	Kiểm tra dây cáp điện.	-	-	-
	Kiểm tra áp suất lốp.	-	-	-
	Kiểm tra mức chất làm mát động cơ.	-	-	-
	Làm sạch hệ thống làm mát động cơ.	-	-	-
	Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực.	133-8086	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (5 gallon)
		133-8087	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (55 gallon)
	Kiểm tra đường dẫn và ống mềm thủy lực.	-	-	-
	Kiểm tra điểm tiếp xúc của guồng xoắn với dao bụng.	-	-	-
Cứ 50 giờ một lần	Bôi mỡ cho vòng bi và ống lót (và ngay sau mỗi lần rửa).	108-1190	1	Mỡ đa năng cao cấp (14 oz)

Khoảng cách thời gian bảo dưỡng bảo trì	Quy trình bảo trì	Số sản phẩm	Số	Mô tả
	Làm sạch ắc quy và kiểm tra tình trạng của ắc quy (hoặc hàng tuần, tùy điều kiện nào xảy ra trước).	-	-	-
	Kiểm tra kết nối cáp ắc quy.	-	-	-
Cứ 100 giờ một lần	Kiểm tra các ống mềm của hệ thống làm mát.	-	-	-
	Kiểm tra tình trạng và độ căng của dây đai máy dao điện.	98-9676	1	Dây đai máy dao điện
Cứ 150 giờ một lần	Thay dầu động cơ và bộ lọc.	108-3841	1	Bộ lọc dầu động cơ
		121-6393	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (5 gallon)
		121-6392	1	Dầu động cơ cao cấp 10w30 (55 gallon)
		121-6395	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (5 gallon)
		121-6394	1	Dầu động cơ cao cấp 15W-40 (55 gallon)
Cứ 250 giờ một lần	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe từ 94 đến 122 N·m (70 đến 90 ft-lb).	-	-	-
	Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục phía trước lên từ 407 đến 542 N·m (300 đến 400 ft-lb).	-	-	-
	Siết đai ốc moay ơ sau từ 366 đến 447 N·m (270 đến 330 ft-lb).	-	-	-
Cứ 400 giờ một lần	Bảo dưỡng bộ lọc khí (thường xuyên hơn trong điều kiện quá bẩn hoặc nhiều bụi). Bảo dưỡng bộ lọc khí sớm hơn nếu đèn chỉ báo bộ lọc khí hiển thị màu đỏ.	108-3812	1	Lõi lọc bộ lọc khí
	Thay bộ lọc tách nhiên liệu/ nước.	110-9049	1	Bộ lọc nước của hệ thống nhiên liệu
	Kiểm tra đường dẫn nhiên liệu và kết nối.	-	-	-
	Kiểm tra tốc độ động cơ (van tiết lưu chạy rỗi và lưu động hoàn toàn); tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*.	-	-	-

Khoảng cách thời gian bảo dưỡng bảo trì	Quy trình bảo trì	Số sản phẩm	Số	Mô tả
Cứ 800 giờ một lần	Xả và làm sạch bình nhiên liệu nếu hệ thống nhiên liệu bị nhiễm bẩn.	-	-	-
	Kiểm tra độ chụm của bánh sau.	-	-	-
	Nếu bạn không sử dụng chất lỏng thủy lực được khuyến nghị hoặc đã từng đổ đầy chất lỏng thay thế vào bình chứa, thay chất lỏng thủy lực.	75-1310	1	Bộ lọc thủy lực
		94-2621	1	Bộ lọc thủy lực
	Nếu bạn không sử dụng chất lỏng thủy lực được khuyến nghị hoặc đã từng đổ đầy chất lỏng thay thế vào bình chứa, hãy thay chất lỏng thủy lực.	133-8086	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (5 gallon)
		133-8087	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (55 gallon)
	Bọc vòng bi bánh sau (chỉ dành cho máy truyền động 2 bánh); tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*.	108-1190	1	Mỡ đa năng cao cấp (14 oz)
	Điều chỉnh van động cơ (tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ* động cơ).	-	-	-
Cứ 1.000 giờ một lần	Nếu bạn đang sử dụng chất lỏng thủy lực được khuyến nghị, thay bộ lọc thủy lực.	75-1310	1	Bộ lọc thủy lực
		94-2621	1	Bộ lọc thủy lực
Cứ 2.000 giờ một lần	Nếu bạn đang sử dụng chất lỏng thủy lực được khuyến nghị, hãy thay chất lỏng thủy lực.	133-8086	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (5 gallon)
		133-8087	1	Chất lỏng thủy lực có thời hạn sử dụng lâu dài PX (55 gallon)
Trước khi cất trữ	Xả và làm sạch bình nhiên liệu nếu bạn cất giữ máy trong thời gian dài.	-	-	-
Cứ 2 năm một lần	Dội sạch và thay chất lỏng của hệ thống làm mát (mang máy đến Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc Nhà phân phối hoặc tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*).	-	-	-
	Thay ống mềm thủy lực (mang máy đến Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc Nhà phân phối hoặc tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*.	-	-	-

Khoảng cách thời gian bảo dưỡng bảo trì	Quy trình bảo trì	Số sản phẩm	Số	Mô tả
	Thay ống mềm chất làm mát (mang máy đến Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc Nhà phân phối hoặc tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Dịch vụ*.	-	-	-

Danh sách Kiểm tra Bảo trì Hàng ngày

Sao chép trang này để sử dụng thường xuyên.

Mục Kiểm tra Bảo trì	Trong tuần:						
	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
Kiểm tra hoạt động của khóa liên động an toàn.							
Kiểm tra hoạt động của phanh.							
Kiểm tra mức dầu động cơ và mức nhiên liệu.							
Xả bình tách nước/nhiên liệu.							
Kiểm tra chỉ báo hạn chế bộ lọc khí.							
Kiểm tra bộ tản nhiệt và màn xem có mảnh vụn không.							
Kiểm tra tiếng ồn bất thường của động cơ.[1]							
Kiểm tra tiếng ồn bất thường của động cơ.							
Kiểm tra mức chất lỏng của hệ thống thủy lực.							
Kiểm tra chỉ báo bộ lọc thủy lực.[2]							
Kiểm tra các ống mềm thủy lực xem có bị hư hỏng không.							
Kiểm tra rò rỉ chất lỏng.							
Kiểm tra áp suất lốp.							
Kiểm tra hoạt động của thiết bị.							
Kiểm tra điều chỉnh guồng xoắn đến dao bụng.							
Kiểm tra điều chỉnh độ cao cắt.							
Kiểm tra tất cả các núm vô mỡ để bôi trơn.[3]							
Sơn lại lớp sơn đã bị hỏng.							

Mục Kiểm tra Bảo trì	Trong tuần:						
	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
1. Kiểm tra bugi đốt nóng và mắt kim phun nếu động cơ khởi động khó, tạo ra quá nhiều khói hoặc chạy không đều. 2. Kiểm tra động cơ đang chạy và dầu ở nhiệt độ vận hành. 3. Ngay sau mỗi lần rửa, bất kể khoảng cách thời gian được liệt kê							

QUAN TRỌNG

Tham khảo hướng dẫn vận hành động cơ để biết thêm các quy trình bảo trì.

Ký hiệu Khu vực Cần Quan tâm

Người thực hiện kiểm tra:		
Mục	**Ngày**	**Thông tin**
1		
2		
3		
4		
5		

Quy trình trước khi bảo trì

Chuẩn bị Bảo trì

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, tắt PTO, hạ các dao xoắn và bật phanh đỗ.
2. Tắt động cơ, rút chìa khóa, chờ cho tất cả các bộ phận chuyển động dừng lại và để động cơ nguội.

Mở Mui xe

Nhả 2 chốt mui xe ① và xoay mở mui xe.

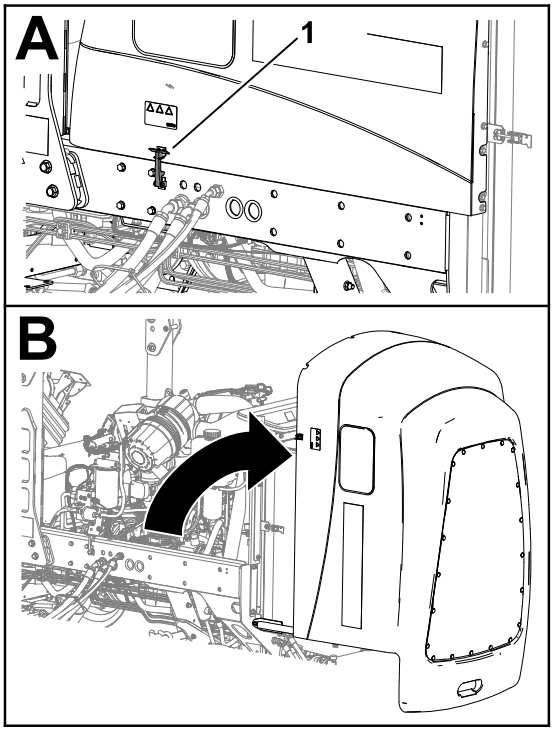

G424259

Đóng Mui xe

Cẩn thận xoay đóng mui xe và siết chặt bằng 2 chốt mui xe ①.

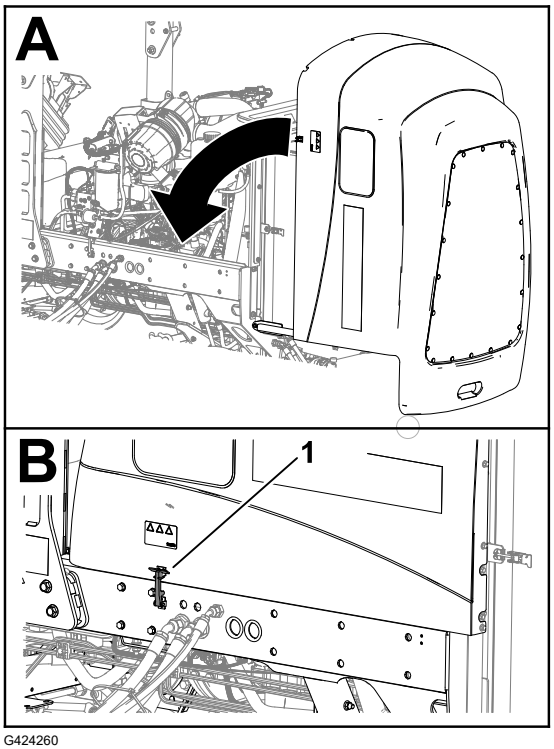

G424260

Mở Màn

1. Tháo chốt bi ① khỏi chốt màn ②.
2. Mở chốt và mở màn.

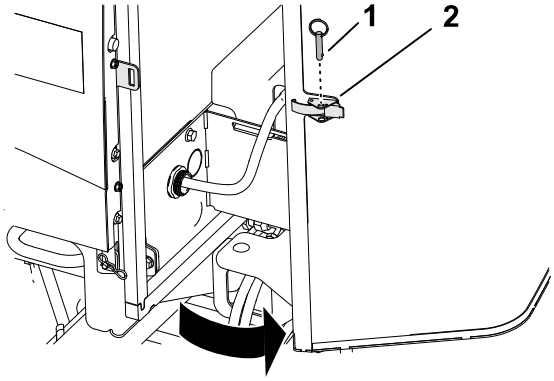

G437863

Đóng Màn

1. Đóng và chốt màn.
2. Lắp chốt bi ① qua chốt màn ②.

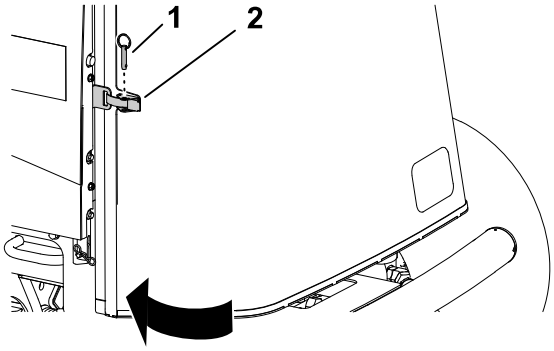

G414734

Nghiêng Ghế

1. Mở chốt đế ghế Ⓐ.
2. Nghiêng ghế và đế để mở Ⓑ.
3. Đỡ bằng thanh chống đỡ Ⓒ.

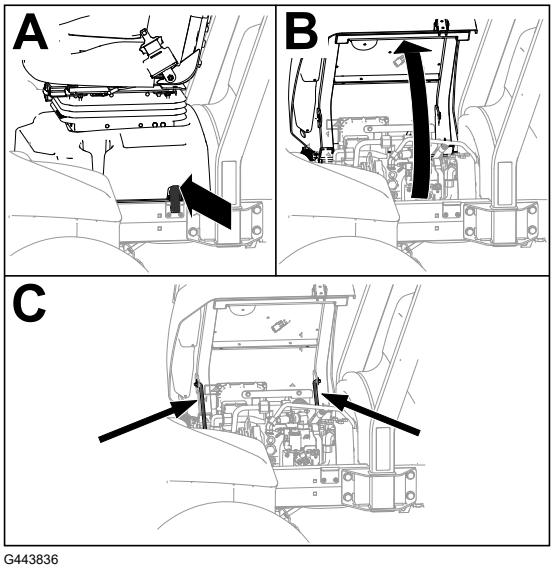

G443836

Hạ Ghế

1. Xoay ghế một chút và nhấc thanh chống đỡ phía trước ra khỏi vết lõm của khe đỡ ghế.
2. Cẩn thận hạ ghế cho đến khi được chốt chắc chắn.

Vị trí Điểm Kích

Lưu ý: Nâng đỡ máy bằng con đội kê bất cứ khi nào bạn làm việc dưới máy.

Sử dụng các điểm sau làm điểm nâng máy:

- Phía trước—giá kích nâng của ống trục phía trước.
- Phía sau — ống trục phía sau.

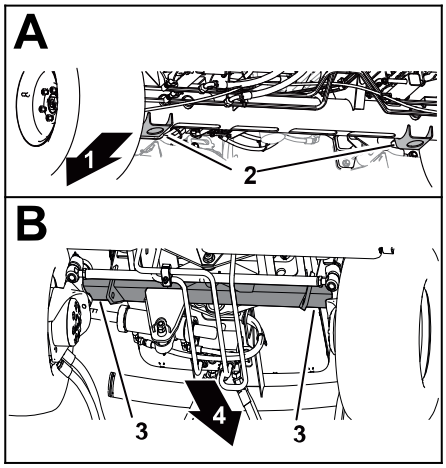

G526750

1. Phía trước máy
2. Giá kích nâng (ống trục phía trước)
3. Ống trục phía sau
4. Phía sau máy

Bôi trơn

Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót

Máy có các núm tra mỡ phải được bôi trơn thường xuyên. Điều kiện vận hành nhiều bụi và bẩn có thể khiến bụi bẩn bám vào các vòng bi và ống lót, dẫn đến bị mài mòn nhanh hơn. Bôi trơn các núm tra mỡ ngay sau mỗi lần rửa, bất kể khoảng cách thời gian theo quy định.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Bôi mỡ cho tất cả các ống nối của máy bằng mỡ liti số 2.

Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót (tiếp tục)

Vị trí núm tra mỡ

Thông số kỹ thuật của mỡ: Mỡ liti số 2

Trục truyền động bơm (3)	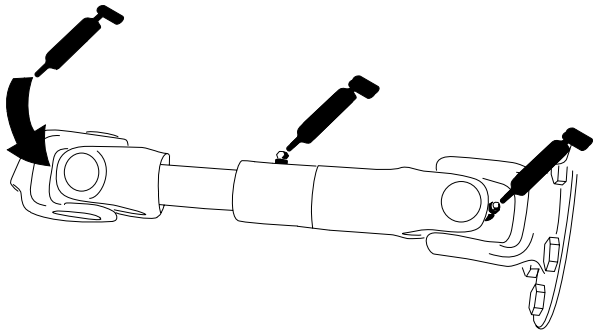 G452381
Xilanh tay đòn nâng của dao xoắn (2 cái mỗi loại) Trục tay đòn nâng (1 cái mỗi loại)	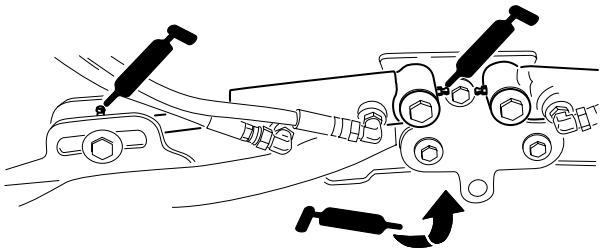 G452355
Khung và trục vận chuyển của dao xoắn (2 cái mỗi loại)	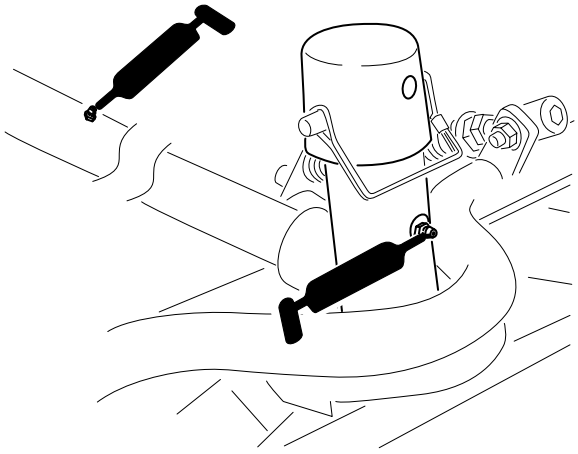 G452356
Trục quay tay đòn nâng (1 cái mỗi loại)	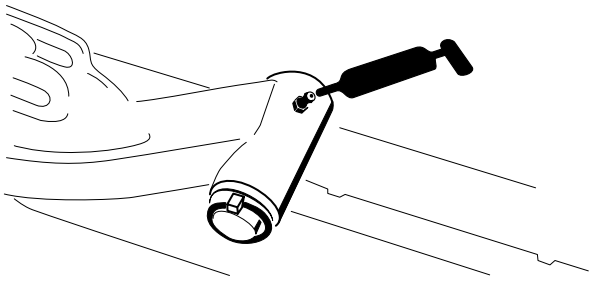 G452357

Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót (tiếp tục)

Trục lái trục (1 cái)	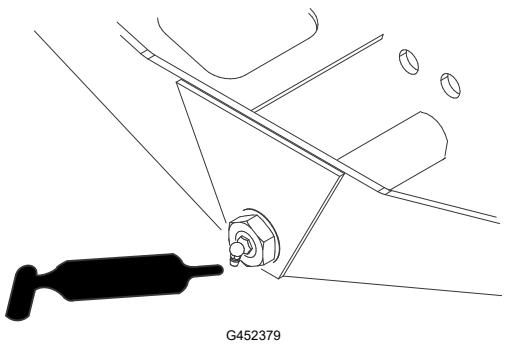
Khớp bi xialnh lái (2 cái)	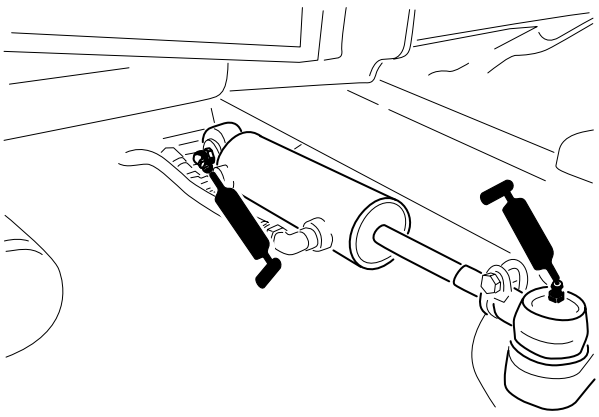

Bảo trì động cơ

Kiểm tra bộ lọc khí

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Kiểm tra chỉ báo dịch vụ (1) ở cuối vỏ bộ lọc khí.

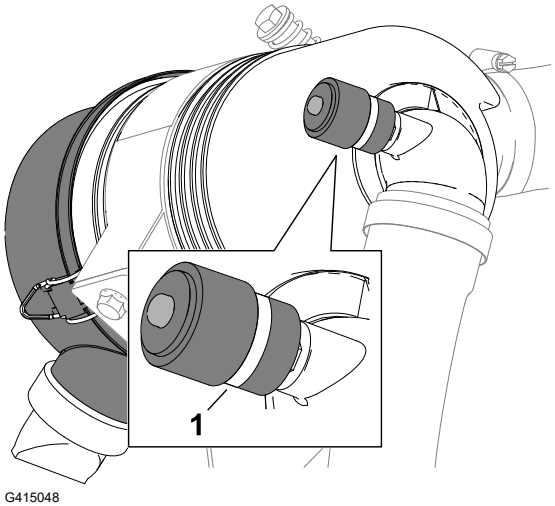

Kiểm tra bộ lọc khí (tiếp tục)

4. Nếu dải màu đỏ hiển thị trong chỉ báo dịch vụ, hãy thay bộ lọc khí.
5. Bóp van đẩy bụi.
6. Đóng và chốt mui xe.

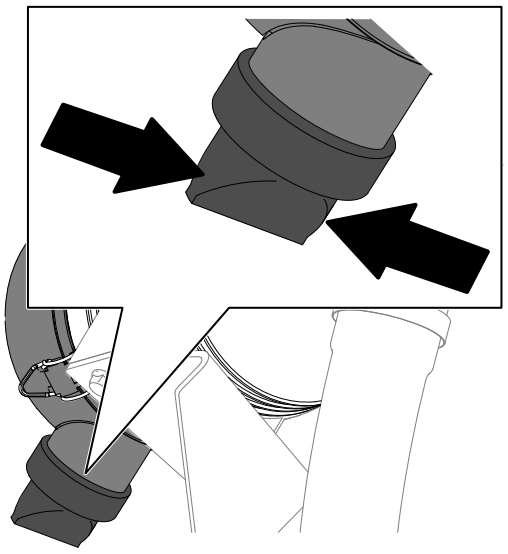

G414762

Đặt lại Chỉ báo Dịch vụ Bộ lọc Khí

1. Nếu dải màu đỏ hiển thị trong chỉ báo dịch vụ, hãy nhấn nút đặt lại ở cuối chỉ báo.
2. Đóng và chốt mui xe.

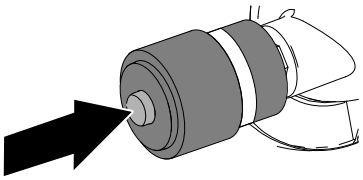

G414765

Bảo dưỡng Bộ lọc Khí

- Kiểm tra toàn bộ hệ thống nạp xem có bị rò rỉ, hư hỏng hoặc lỏng kẹp ống mềm không. Không sử dụng bộ lọc khí bị hỏng.
- Chỉ bảo dưỡng bộ lọc khí khi chỉ báo dịch vụ yêu cầu. Thay bộ lọc khí trước khi cần thiết sẽ làm tăng khả năng bụi bẩn xâm nhập vào động cơ khi bạn tháo bộ lọc.

QUAN TRỌNG

Đảm bảo nắp được đặt đúng vị trí, bịt kín với thân bộ lọc khí và van xả cao su ở vị trí hướng xuống dưới — giữa vị trí 5 giờ và 7 giờ khi nhìn từ đầu cuối.

Bảo dưỡng Bộ lọc Khí (tiếp tục)

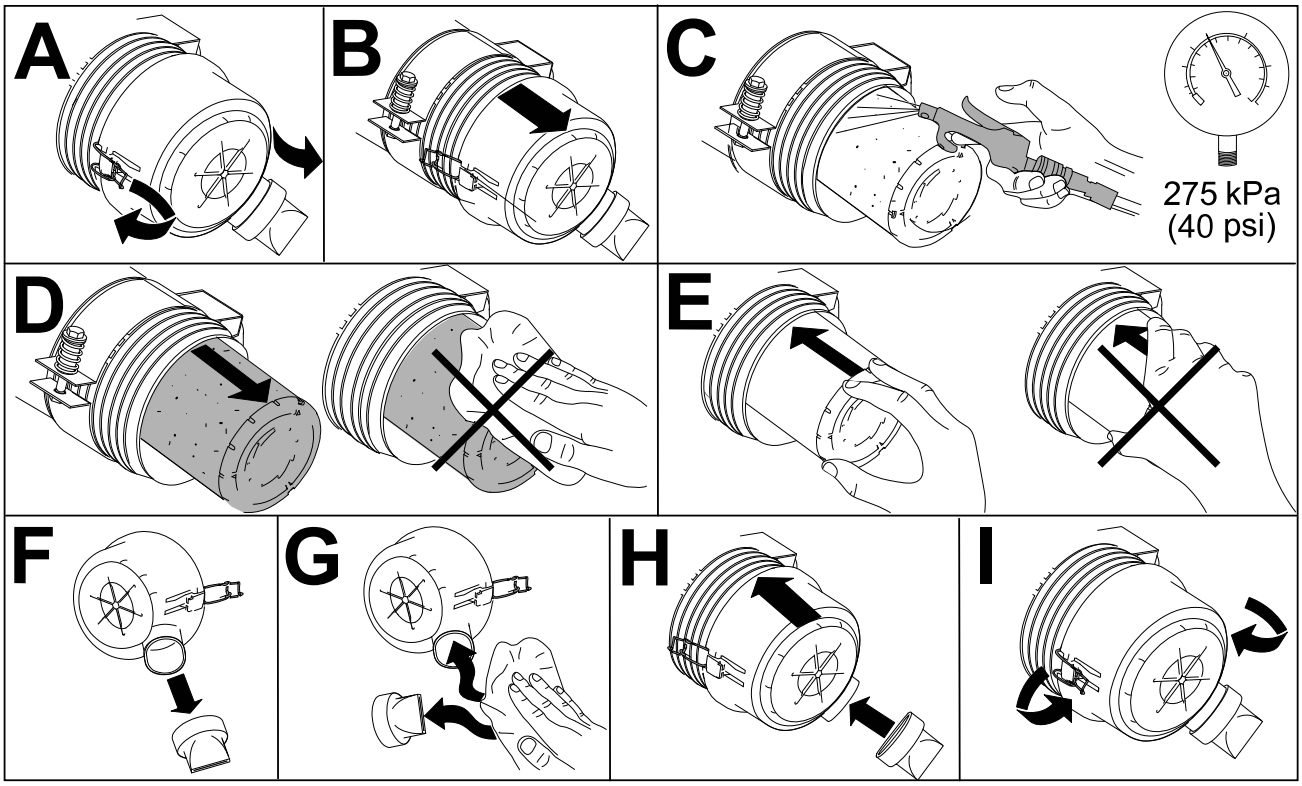

G448875

Thông số kỹ thuật của dầu động cơ

Loại dầu

Sử dụng dầu động cơ ít tro, chất lượng cao, đáp ứng hoặc vượt mức dịch vụ API CH-4 trở lên.

Sử dụng cấp độ nhớt sau của dầu động cơ:

- Dầu ưu tiên: SAE 15W-40 [-17°C (trên 0°F)]
- Dầu thay thế: SAE 10W-30 hoặc 5W-30 (mọi nhiệt độ)

Dầu Động cơ Cao cấp Toro được cung cấp từ nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn với cấp độ nhớt 15W-40 hoặc 10W-30.

Dung tích cacte

Khoảng 5,2 L (5,5 US qt) với bộ lọc

Kiểm tra mức dầu động cơ

Lưu ý: Kiểm tra dầu khi động cơ nguội. Nếu động cơ còn nóng, hãy chờ 10 phút trước khi kiểm tra.

QUAN TRỌNG

Kiểm tra dầu động cơ hàng ngày. Nếu mức dầu động cơ cao hơn vạch Đầy trên que thăm, dầu động cơ có thể đã bị pha loãng với nhiên liệu.

Nếu mức dầu động cơ cao hơn vạch Đầy, hãy thay dầu động cơ.

Nếu mức dầu bằng hoặc thấp hơn vạch Thêm trên que thăm, hãy đổ thêm dầu để đưa mức dầu về vạch Đầy.**Không đổ tràn dầu ra khỏi động cơ**.

QUAN TRỌNG

Đảm bảo giữ mức dầu động cơ nằm giữa giới hạn trên và dưới trên đồng hồ đo dầu. Sự cố động cơ có thể xảy ra vì đổ dầu động cơ quá đầy hoặc quá ít.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Kiểm tra mức dầu động cơ.
4. Đóng và chốt mui xe.

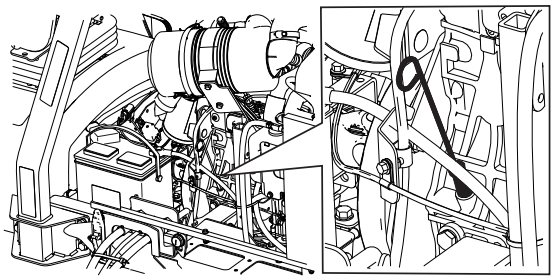

G439311

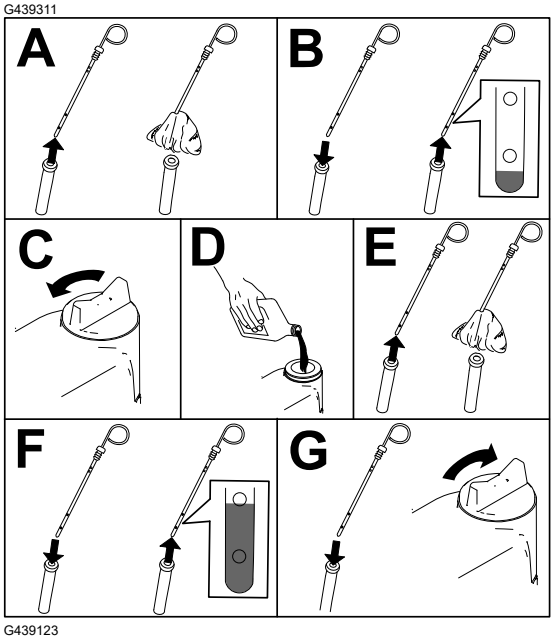

G439123

Thay Dầu Động cơ và Bộ lọc

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Xả dầu và thay bộ lọc.

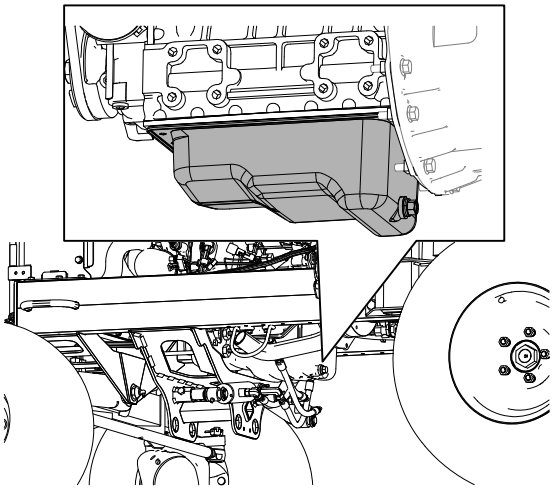

G437921

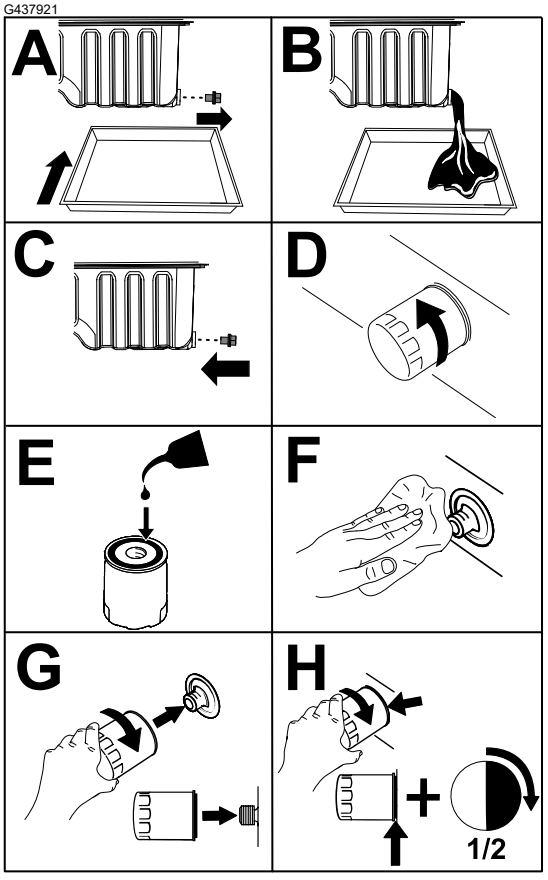

G437922

QUAN TRỌNG

Không siết bộ lọc quá chặt.

3. Mở mui xe.

Thay Dầu Động cơ và Bộ lọc (tiếp tục)

4. Đổ thêm dầu vào cacte.
5. Đóng và chốt mui xe.

Bảo trì hệ thống nhiên liệu

Hướng dẫn Vận hành này chứa thông tin chi tiết hơn về bảo dưỡng nhiên liệu và hệ thống nhiên liệu so với *Hướng dẫn Sử dụng* động cơ, đây là tài liệu tham khảo đa năng liên quan đến nhiên liệu và bảo dưỡng nhiên liệu.

Đảm bảo bạn hiểu rõ việc bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu, lưu trữ nhiên liệu và chất lượng nhiên liệu cần được chú ý để tránh thời gian ngừng hoạt động và sửa chữa động cơ trên quy mô rộng.

Hệ thống nhiên liệu có dung sai cực kỳ chặt chẽ do các yêu cầu về khí thải và kiểm soát. Chất lượng và độ sạch của nhiên liệu diesel quan trọng hơn đối với tuổi thọ của hệ thống phun nhiên liệu đường ray chung áp suất cao (HPCR) ngày nay được sử dụng trên động cơ diesel.

QUAN TRỌNG

Nước hoặc không khí trong hệ thống nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ của bạn! Đừng cho rằng nhiên liệu mới là sạch. Đảm bảo nhiên liệu của bạn đến từ một nhà cung cấp chất lượng, bảo quản nhiên liệu đúng cách và sử dụng nguồn cấp nhiên liệu trong vòng 180 ngày.

QUAN TRỌNG

Nếu bạn không tuân theo các quy trình thay thế bộ lọc nhiên liệu, bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu và lưu trữ nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu của động cơ có thể bị hỏng sớm. Thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu theo các khoảng cách thời gian quy định hoặc bất cứ khi nào nhiên liệu bị nhiễm bẩn hoặc kém chất lượng.

Lưu trữ nhiên liệu

Lưu trữ nhiên liệu đúng cách là việc rất quan trọng đối với động cơ của bạn. Việc bảo dưỡng bình lưu trữ nhiên liệu đúng cách thường bị bỏ qua nên dẫn đến nhiễm bẩn nhiên liệu cấp cho máy.

- Chỉ mua đủ nhiên liệu mà bạn sẽ tiêu thụ trong vòng 180 ngày. Không sử dụng nhiên liệu đã được lưu trữ trong hơn 180 ngày. Điều này giúp loại bỏ nước và các chất gây ô nhiễm khác trong nhiên liệu.
- Nếu bạn không loại bỏ nước ra khỏi bình lưu trữ hoặc bình nhiên liệu của máy, nước có thể gây rỉ sét hoặc nhiễm bẩn trong bình lưu trữ và các bộ phận của hệ thống nhiên liệu.

Lưu trữ nhiên liệu (tiếp tục)

Cặn trong bình do nấm mốc, vi khuẩn hoặc nấm phát triển làm hạn chế dòng chảy và làm tắc nghẽn bộ lọc và kim phun nhiên liệu.

- Thường xuyên kiểm tra bình lưu trữ nhiên liệu và bình nhiên liệu của máy để theo dõi chất lượng nhiên liệu trong bình.
- Đảm bảo nhiên liệu của bạn đến từ một nhà cung cấp chất lượng.
- Nếu bạn thấy nước hoặc chất gây ô nhiễm trong bình lưu trữ hoặc bình nhiên liệu của máy, hãy làm việc với nhà cung cấp nhiên liệu của bạn để khắc phục sự cố và thực hiện tất cả các hoạt động bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu.
- Không lưu trữ nhiên liệu diesel trong bình hoặc bầulocj được làm bằng các bộ phận mạ kẽm.

Bảo dưỡng bình tách nhiên liệu/nước

Xả nước từ bình tách nhiên liệu/nước

1. Xả nước ra khỏi bình tách nhiên liệu/nước như được minh họa.

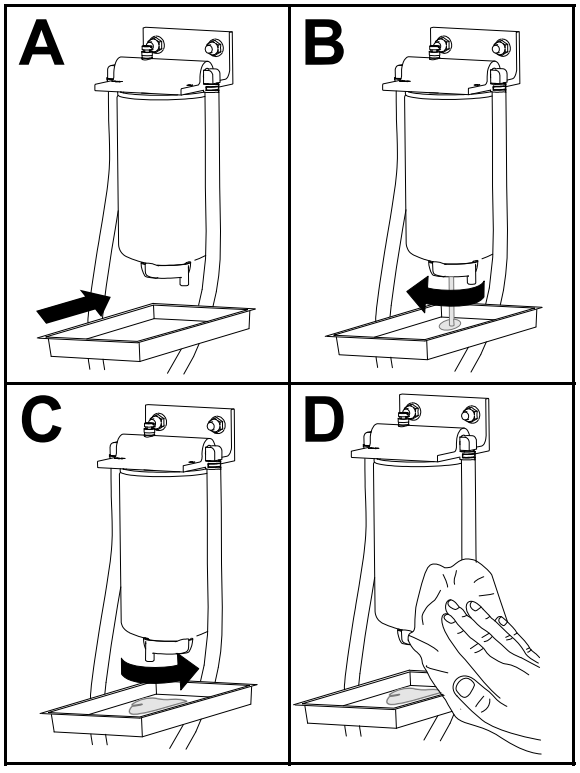

G452998

2. Mồi bộ lọc và đường dẫn vào bơm áp suất cao.

Thay bộ lọc tách nhiên liệu/nước

1. Thay bộ lọc như được minh họa.

Bảo dưỡng bình tách nhiên liệu/nước (tiếp tục)

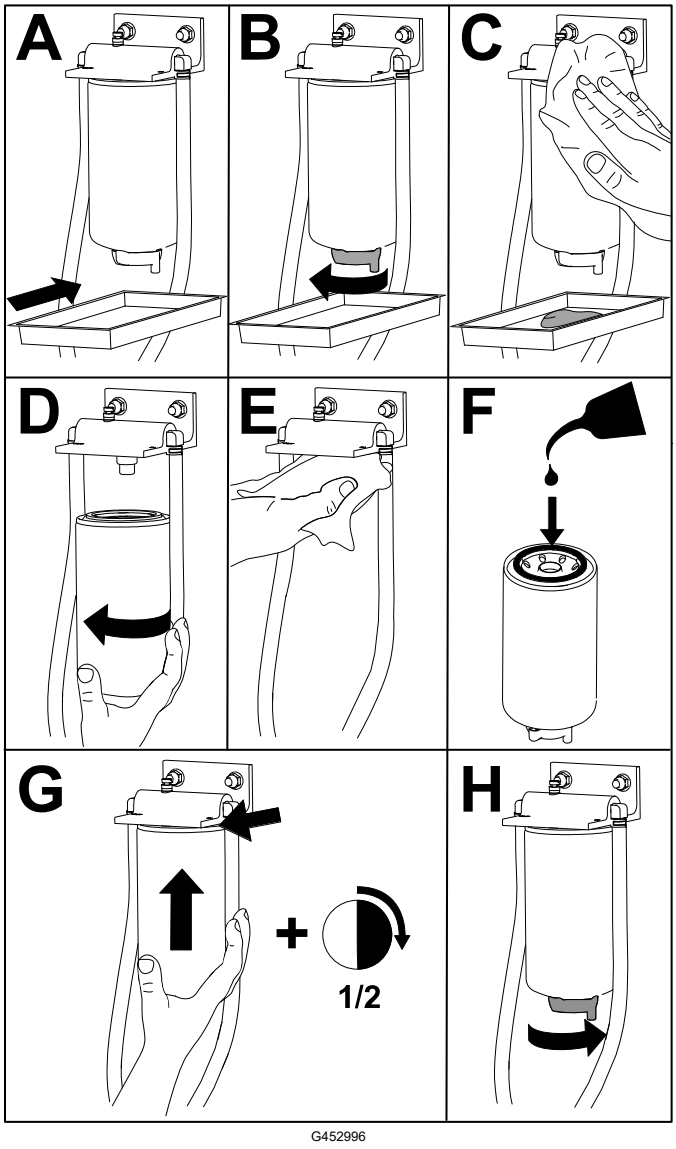

G452996

2. Mồi bộ lọc và đường dẫn vào bơm áp suất cao.

Xả Hệ thống Nhiên liệu

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Đảm bảo bình nhiên liệu đã đầy ít nhất một nửa.
3. Mở mui xe.

Xả Hệ thống Nhiên liệu (tiếp tục)

4. Mở vít xả khí (1) trên bơm phun nhiên liệu.
5. Xoay chìa khóa điện về vị trí BẬT.

   Lưu ý: Bơm nhiên liệu chạy điện chạy, đẩy không khí ra xung quanh vít xả khí.
6. Siết chặt vít và xoay chìa khóa điện về vị trí TẮT.
7. Đóng và chốt mui xe.

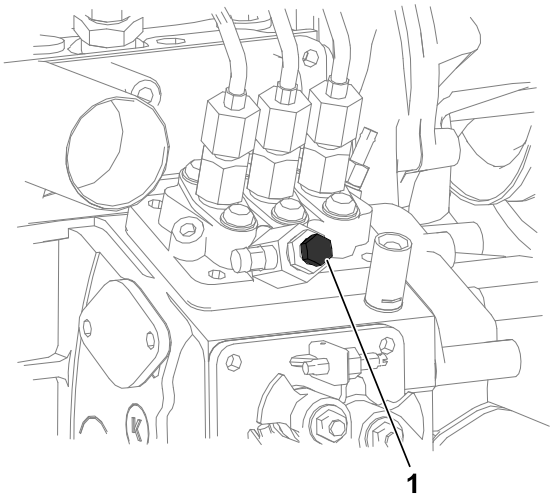

G439312

Xả và Làm sạch Bình Nhiên liệu

Xả và làm sạch bình nhiên liệu nếu hệ thống nhiên liệu bị nhiễm bẩn hoặc nếu máy phải được bảo quản trong thời gian dài. Sử dụng nhiên liệu sạch để dội sạch bình.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Căn chỉnh hộp chứa xả dưới van xả ((1)) ở đáy bình nhiên liệu.
3. Mở van xả và để nhiên liệu tự xả ra.
4. Nếu cần, hãy đổ thêm nhiên liệu sạch vào bình nhiên liệu để dội tráng sạch bình.
5. Đóng van xả.

   Lưu ý: Khi bạn đổ thêm nhiên liệu vào bình, hãy kiểm tra van xả xem có bị rò rỉ không.

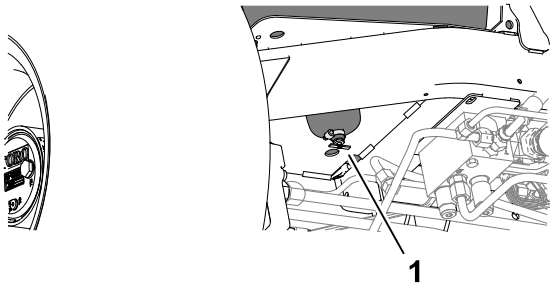

G425122

Kiểm tra Đường dẫn Nhiên liệu và Kết nối

1. Kiểm tra đường dẫn nhiên liệu xem có bị xuống cấp, hư hỏng hoặc kết nối bị lỏng hay không.
2. Thay bất kỳ kẹp hoặc ống mềm nào bị xuống cấp.

   Lưu ý: Mồi hệ thống nhiên liệu nếu bạn thay bất kỳ đường dẫn nhiên liệu nào.

Làm sạch Màn Ống Nạp Nhiên liệu

Tháo Ống nạp nhiên liệu

Ống nạp nhiên liệu nằm bên trong bình nhiên liệu và được trang bị một màn để giúp ngăn các mảnh vụn lọt vào hệ thống nhiên liệu. Tháo ống nạp nhiên liệu và làm sạch màn theo yêu cầu.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Tháo 5 vít (2) siết chặt nắp cảm biến nhiên liệu (1) vào bình nhiên liệu(3), và tháo nắp.

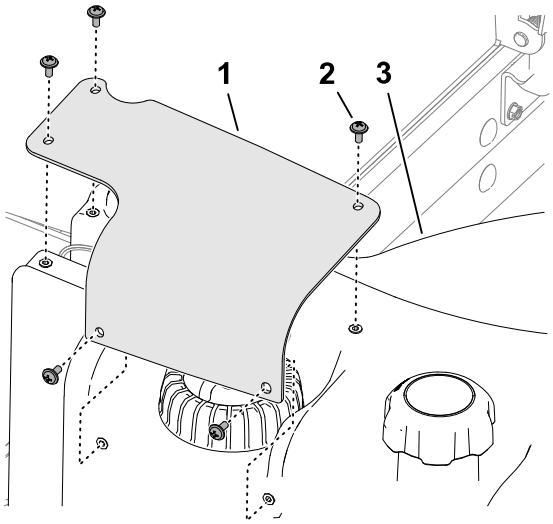

G415055

3. Tháo đầu nối 2 ổ cắm của bộ dây của cảm biến nhiên liệu (2) ra khỏi đầu nối 2 chốt của bộ dây an toàn của máy (1).

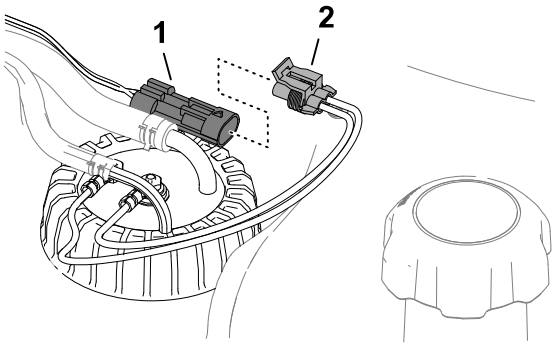

G415056

4. Di chuyển các kẹp (2) để siết chặt ống mềm (1) vào ống nối (3) của cảm biến nhiên liệu bên trong và tháo ống mềm ra khỏi ống nối.

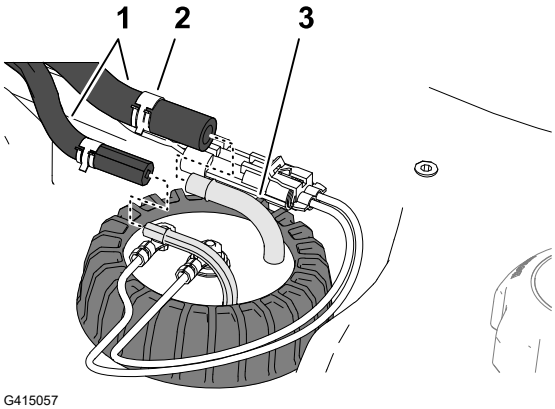

G415057

Làm sạch Màn Ống Nạp Nhiên liệu (tiếp tục)

5. Nới lỏng nắp cảm biến nhiên liệu ①.
6. Cẩn thận nâng cảm biến nhiên liệu ra khỏi bình.

   Lưu ý: Không bẻ cong ống nạp, ống hồi lưu hoặc tay đòn của phần đệm.

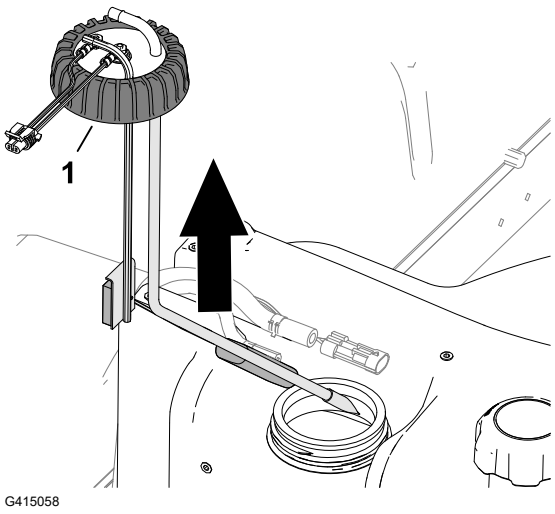

Làm sạch và Lắp Ống Nạp Nhiên liệu

1. Làm sạch màn ở cuối ống nạp nhiên liệu.

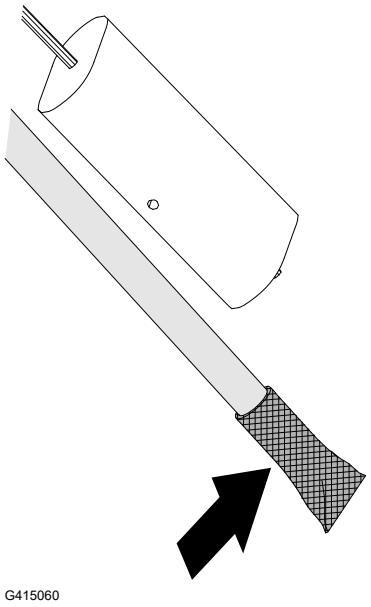

2. Lắp ráp cẩn thận ống nạp nhiên liệu và thả nổi vào bình nhiên liệu.
3. Căn chỉnh ống nối cho ống nạp và ống hồi lưu bên trong.
4. Siết chặt nắp cảm biến nhiên liệu ① vào bình nhiên liệu.

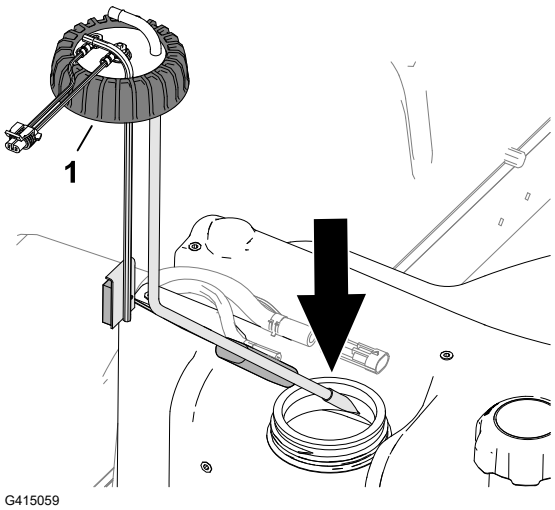

Làm sạch Màn Ống Nạp Nhiên liệu (tiếp tục)

5. Lắp ống mềm ① vào ống nối ③ của cảm biến nhiên liệu và siết định ống mềm vào ống nối bằng kẹp ②.

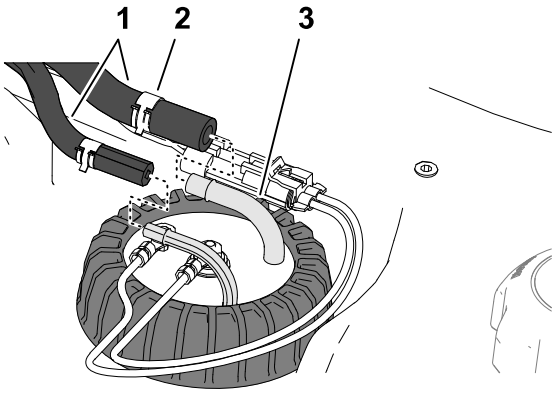

G415057

6. Cắm đầu nối bộ dây của cảm biến nhiên liệu ② vào đầu nối của bộ dây an toàn của máy ① .

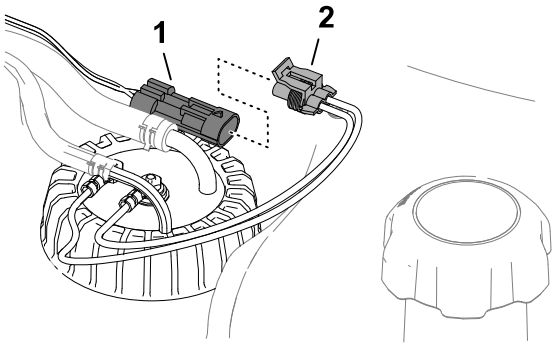

G415056

7. Lắp nắp nắp cảm biến nhiên liệu ① vào bình nhiên liệu ③ bằng 5 vít ②.

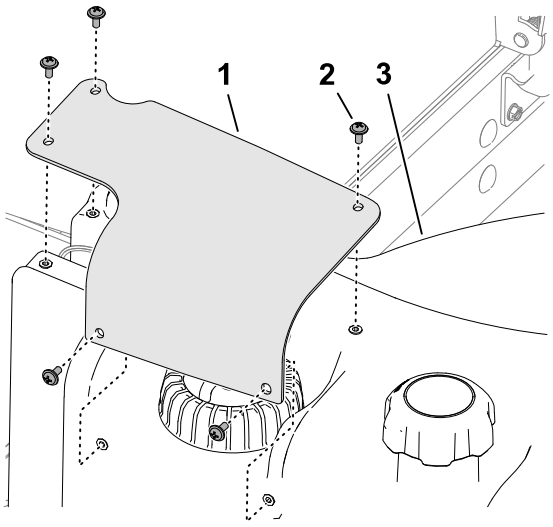

G415055

Mồi hệ thống nhiên liệu

Mồi hệ thống nhiên liệu sau các trường hợp sau:

- Thay bộ lọc nhiên liệu.
- Xả bình tách nước sau mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày.
- Hết nhiên liệu.
- Thay ống mềm nhiên liệu hoặc mở hệ thống nhiên liệu vì bất kỳ lý do gì.

Mồi hệ thống nhiên liệu (tiếp tục)

Để mồi hệ thống nhiên liệu, hãy thực hiện các bước sau:

QUAN TRỌNG

Không sử dụng mô-tơ khởi động động cơ để quay động cơ nhằm mồi hệ thống nhiên liệu.

1. Đảm bảo nhiên liệu có ở trong bình nhiên liệu.
2. Thực hiện các bước sau để mồi bộ lọc và đường dẫn vào bơm áp suất cao nhằm tránh gây mài mòn hoặc hư hỏng máy bơm:
   A. Xoay chìa khóa điện đến vị trí BẬT trong 15 đến 20 giây.
   B. Xoay chìa khóa điện đến vị trí TẮT trong 30 đến 40 giây.
      Lưu ý: Điều này cho phép ECU ngắt nguồn.
   C. Xoay chìa khóa đến vị trí BẬT trong 15 đến 20 giây.
   D. Kiểm tra rò rỉ xung quanh bộ lọc và ống mềm.
   E. Khởi động động cơ và kiểm tra rò rỉ.

Bảo trì hệ thống điện

Kiểm tra cáp điện

Kiểm tra dây cáp điện xem có bị hư hỏng, mài mòn, ống nối bị lỏng, xuống cấp do thời tiết và hóa chất không.

Lưu ý: Thực hiện tất cả các sửa chữa cần thiết trước khi vận hành.

Ngắt kết nối Ắc quy

NGUY HIỂM

Chất điện phân trong ắc quy có chứa axit sulfuric, chất này sẽ gây tử vong nếu ăn phải và gây bỏng nghiêm trọng.

- **Không được uống chất điện phân và tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo.**
- **Đeo kính bảo hộ và găng tay cao su.**
- **Nạp đầy ắc quy ở nơi luôn có sẵn nước sạch để rửa sạch da.**

Ngắt kết nối Ắc quy (tiếp tục)

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Tháo nắp ① ra khỏi khay ắc quy ④ bằng cách nhấn vào các cạnh của nắp ắc quy.
4. Ngắt kết nối cáp âm của ắc quy ②.
5. Trượt nắp cách điện ③ ra khỏi kẹp cáp dương của ắc quy và ngắt kết nối cáp dương của ắc quy.

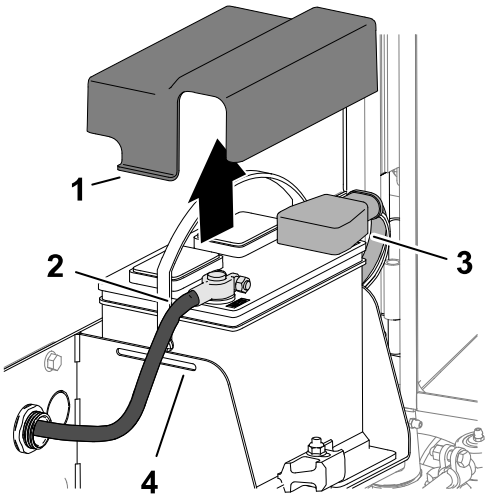

G416225

Kết nối Ắc quy

1. Lắp cáp dương của ắc quy (màu đỏ) ③ vào cọc dương (+) của ắc quy.
2. Lắp cáp âm của ắc quy (màu đen) ② vào cọc âm (-) của ắc quy.
3. Tra một lớp mỡ Grafo 112X (phủ ngoài), Số Bộ phận Toro 505-47 lên các cọc pin và kẹp cáp ắc quy.
4. Trượt ngăn cao su qua kẹp cáp dương của ắc quy.
5. Lắp nắp lên trên ắc quy, lắp các mấu ① của nắp vào các khe ④ trên khay ắc quy.
6. Đóng và chốt mui xe.

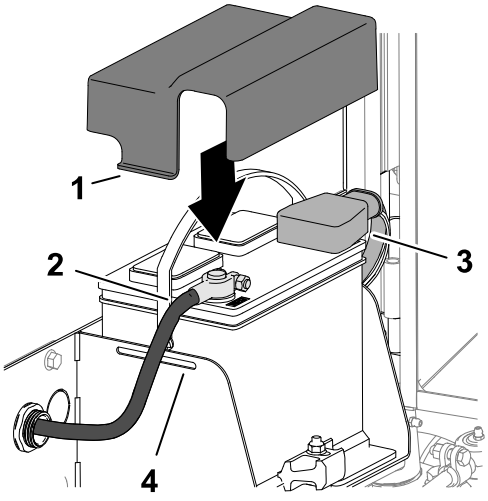

G416226

Sạc Ắc quy

1. Ngắt kết nối ắc quy.
2. Kết nối bộ sạc ắc quy 3 đến 4 A với các cọc ắc quy.
3. Sạc ắc quy với tốc độ 3 đến 4 A trong 4 đến 8 giờ.
4. Khi ắc quy đã được sạc, hãy ngắt kết nối bộ sạc khỏi ổ cắm điện và các cọc ắc quy.
5. Kết nối ắc quy.

Bảo dưỡng Ắc quy

Lưu ý: Giữ các cực và toàn bộ vỏ ắc quy sạch sẽ vì ắc quy bẩn sẽ phóng điện chậm.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Kiểm tra tình trạng của ắc quy.

   Lưu ý: Thay ắc quy bị ăn mòn hoặc bị hỏng.
4. Ngắt kết nối cáp ắc quy và tháo ắc quy ra khỏi máy.
5. Làm sạch toàn bộ vỏ ắc quy bằng dung dịch natri bicacbonat (soda bicacbonat) và nước.
6. Rửa sạch vỏ bằng nước sạch.
7. Lắp ráp ắc quy vào máy và kết nối cáp ắc quy.
8. Đóng và chốt mui xe.

Thay cầu chì trong khối nắp cầu chì 12 V

Khối cầu chì ① ở dưới ghế.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở chốt và nghiêng ghế.
3. Thay cầu chì hở bằng cùng loại cầu chì và định mức cường độ dòng điện.
4. Đóng và chốt ghế.

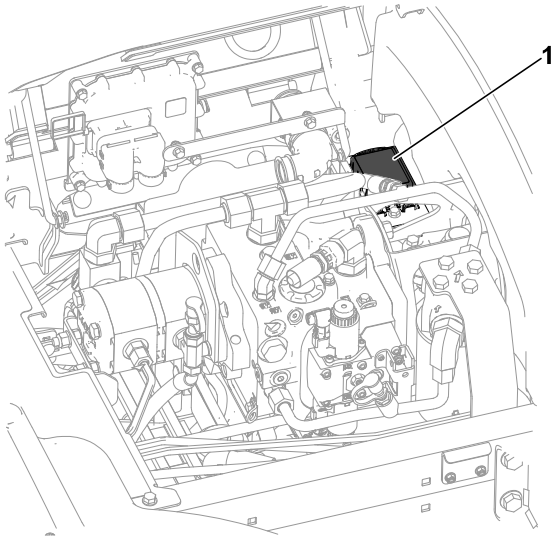

Thay cầu chì TEC

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở chốt và mở mui xe.
3. Ở phía trước bên trái của động cơ, tháo nắp bộ giữ cầu chì nội tuyến (1).
4. Thay cầu chì hở bằng cầu chì có cùng loại và định mức cường độ dòng điện.
5. Lắp nắp vào bộ giữ cầu chì nội tuyến.
6. Đóng và chốt mui xe.

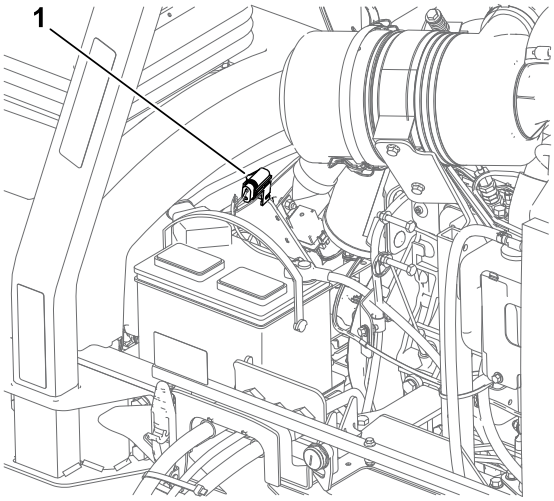

G439126

Bảo trì hệ thống truyền động

Kiểm tra Áp suất Lốp

⚠ CẢNH BÁO ⚠

Áp suất thấp của lốp làm giảm độ ổn định của máy trên mặt dốc. Điều này có thể gây lật xe, có thể dẫn đến tử vong hoặc gây thương tích nghiêm trọng.

Không bơm lốp xe non hơi.

Lưu ý: Duy trì áp suất được khuyến nghị trong tất cả các lốp xe để đảm bảo chất lượng mặt cắt tốt và hiệu suất máy phù hợp.

1. Đo áp suất khí trong mỗi lốp. Áp suất khí chính xác ở lốp là 0,83 đến 1,03 bar.
2. Nếu cần, hãy thêm không khí để loại bỏ không khí ra khỏi lốp xe cho đến khi bạn đo được từ 83 đến 103 kPa (12 đến 15 psi).

Tạo mô-men xoắn cho Đai ốc Vấu ở Bánh xe.

Tạo mô-men xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe từ **94 đến 122 N·m (70 đến 90 ft-lb)** theo mô hình cắt chéo.

⚠ CẢNH BÁO ⚠

Không duy trì mô-men xoắn phù hợp của đai ốc bánh xe có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

Duy trì mô-men xoắn phù hợp của đai ốc bánh xe.

Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục

1. Tạo mô-men xoắn cho đai ốc của trụ trục phía trước lên từ **407 đến 542 N·m (300 đến 400 ft-lb)**.
2. Siết đai ốc moay ơ sau từ **366 đến 447 N·m (270 đến 330 ft-lb).**

Kiểm tra Căn chỉnh Bánh Sau

1. Xoay tay lái để định vị bánh sau hướng thẳng về phía trước.
2. Chuẩn bị máy để bảo trì.
3. Ở độ cao trục, đo khoảng cách từ tâm đến tâm ở phía trước và phía sau của lốp lái.

   Lưu ý: Điều chỉnh độ chụm của bánh sau là chính xác nếu chênh lệch giữa số đo bánh trước và số đo bánh sau là 6 mm trở xuống.

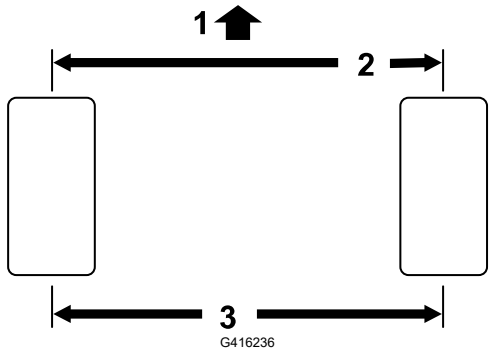

(1) Phía trước của bộ kéo
(2) 6 mm hoặc nhỏ hơn so với phía sau của lốp
(3) Khoảng cách từ tâm đến tâm

4. Nếu số đo lớn hơn 6 mm (1/4 inch), hãy điều chỉnh độ chụm của bánh sau.

Điều chỉnh Độ chụm của Bánh sau

1. Nới lỏng đai ốc hãm ① trên mỗi đầu trụ thanh giằng ②.

   Lưu ý: Đầu của trụ thanh giằng có rãnh bên ngoài là ren bên trái.
2. Sử dụng rãnh đặt kìm ③ để xoay trụ thanh giằng.
3. Ở độ cao trục, đo khoảng cách từ tâm đến tâm ở phía trước và phía sau của lốp lái.

   Lưu ý: Điều chỉnh độ chụm của bánh sau là chính xác nếu chênh lệch giữa số đo bánh trước và số đo bánh sau là 6 mm trở xuống.
4. Lặp lại các bước 1 và 2 theo yêu cầu.
5. Siết chặt đai ốc hãm.

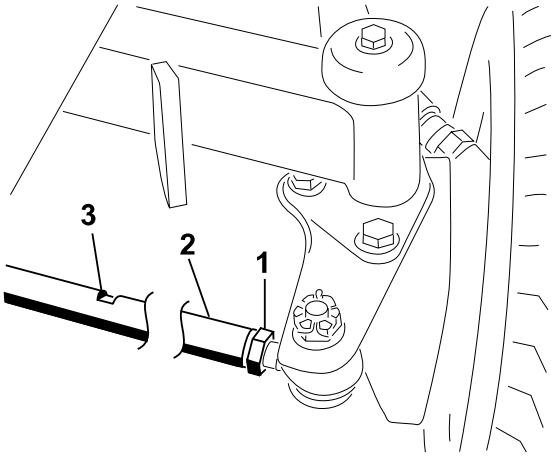

G416237

Bảo trì Hệ thống Làm mát

Thông số kỹ thuật của chất làm mát

Bình chứa dung dịch làm mát được đổ đầy tại nhà máy với dung dịch 50/50 nước và dung dịch mát gốc ethylene glycol có thời hạn sử dụng lâu dài.

QUAN TRỌNG

Chỉ sử dụng dung dịch làm mát có bán trên thị trường đáp ứng các thông số kỹ thuật được liệt kê trong Bảng Tiêu chuẩn dung dịch làm mát có Thời hạn Sử dụng Lâu dài.

Không sử dụng dung dịch làm mát theo công nghệ axit vô cơ (IAT) thông thường (màu xanh lá) trong máy của bạn. Không trộn dung dịch làm mát thông thường với dung dịch làm mát có thời hạn sử dụng lâu dài.

Thông số kỹ thuật của chất làm mát (tiếp tục)

Bảng Loại dung dịch làm mát

Loại chất làm mát Ethylene-Glycol	Loại chất chống ăn mòn
Chất chống đông có thời hạn sử dụng lâu dài	Công nghệ axit hữu cơ (OAT)

QUAN TRỌNG

Không dựa vào màu sắc của dung dịch làm mát để xác định sự khác biệt giữa dung dịch làm mát theo công nghệ axit vô cơ (IAT) thông thường (màu xanh lá cây) và dung dịch làm mát có thời hạn sử dụng lâu dài.

Các nhà sản xuất dung dịch làm mát có thể nhuộm dung dịch làm mát có thời hạn sử dụng lâu dài bằng một trong các màu sau: đỏ, hồng, cam, vàng, xanh lam, xanh mòng két, tím và xanh lá cây. Sử dụng dung dịch làm mát đáp ứng các thông số kỹ thuật trong Bảng Tiêu chuẩn Dung dịch làm mát có Thời hạn Sử dụng Lâu dài.

Tiêu chuẩn Dung dịch làm mát có Thời hạn Sử dụng Lâu dài

ATSM Quốc tế	SAE quốc tế
D3306 và D4985	J1034, J814 và 1941

QUAN TRỌNG

Nồng độ dung dịch làm mát phải là hỗn hợp 50/50 dung dịch làm mát với nước.

- **Ưu tiên:** Khi trộn dung dịch làm mát từ chất cô đặc, hãy trộn với nước cất.
- **Lựa chọn ưu tiên:** Nếu không có nước cất, hãy sử dụng dung dịch làm mát trộn sẵn thay vì chất cô đặc.
- **Yêu cầu tối thiểu:** Nếu không có sẵn nước cất và dung dịch làm mát trộn sẵn, hãy pha dung dịch làm mát cô đặc với nước sạch có thể uống được.

Công suất hệ thống làm mát

Khoảng 9,5 L (10,0 US qt)

Kiểm tra Mức dung dịch làm mát

⚠ THẬN TRỌNG ⚠

Nếu động cơ đang chạy, chất làm mát nóng, có áp suất có thể thoát ra, điều này có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc vừa phải.

- **Không mở nắp bộ tản nhiệt khi động cơ đang chạy.**
- **Dùng giẻ lau khi mở nắp bộ tản nhiệt và mở nắp từ từ để hơi nước thoát ra ngoài.**

---

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình giãn nở.

   Lưu ý: Mức chất làm mát là chính xác nếu nằm giữa vạch thêm ① và vạch đầy ② trên mặt bên của bình.
4. Nếu mức chất làm mát thấp, hãy tháo nắp bình giãn nở ③ và đổ thêm chất làm mát quy định cho đến khi mức ở vạch đầy.

   Lưu ý: Không đổ tràn chất làm mát ra khỏi bình giãn nở.
5. Lắp nắp bình giãn nở.
6. Đóng và chốt mui xe.

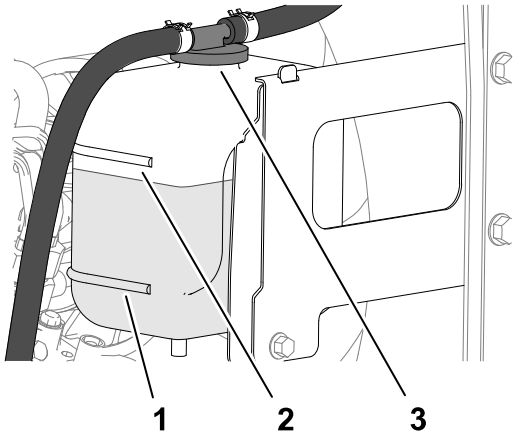

Kiểm tra các ống mềm của hệ thống làm mát

Kiểm tra ống mềm của hệ thống làm mát xem có bị rò rỉ, gấp khúc, giá đỡ gắn bị lỏng, hao mòn, đầu nối bị lỏng, xuống cấp do thời tiết và hóa chất không.

Lưu ý: Thực hiện tất cả các sửa chữa cần thiết trước khi vận hành.

Làm sạch Hệ thống Làm mát Động cơ

1. Chuẩn bị máy để bảo trì
2. Mở chốt và mở mui xe.
3. Làm sạch kỹ tất cả các mảnh vụn ra khỏi khu vực động cơ.
4. Đóng và chốt mui xe.

Làm sạch Hệ thống Làm mát Động cơ (tiếp tục)

5. Mở chốt ① màn phía sau ② và xoay mở.
6. Làm sạch kỹ màn bằng khí nén.

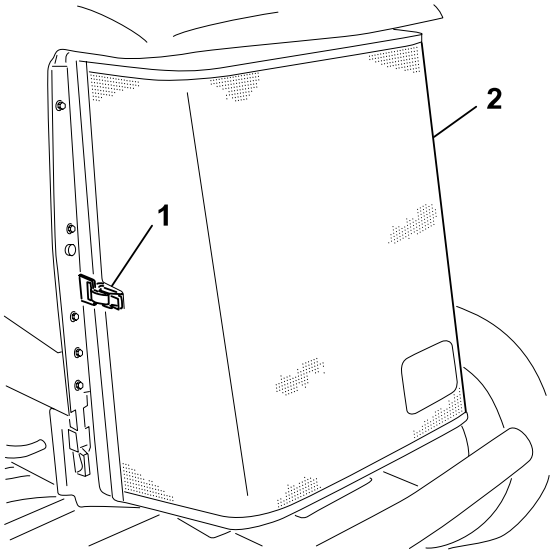

G416241

7. Xoay 2 chốt của bộ làm mát dầu ② vào trong và nghiêng bộ làm mát dầu ①.

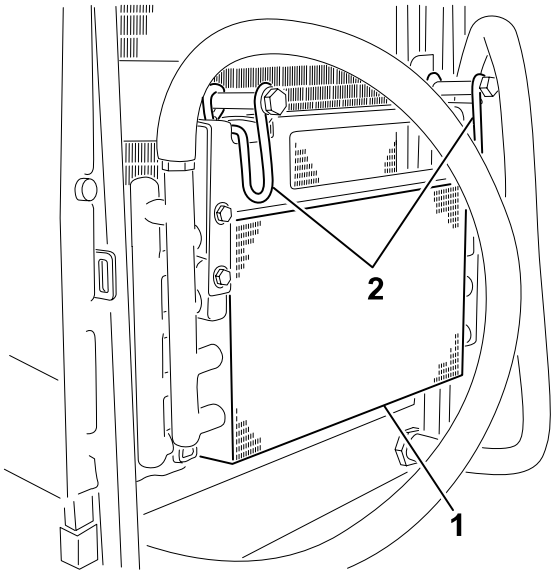

G416245

8. Làm sạch kỹ cả hai mặt của bộ làm mát dầu và bộ tản nhiệt ① bằng khí nén.
9. Nâng bộ làm mát dầu và siết chặt bằng 2 chốt.
10. Đóng và chốt màn.

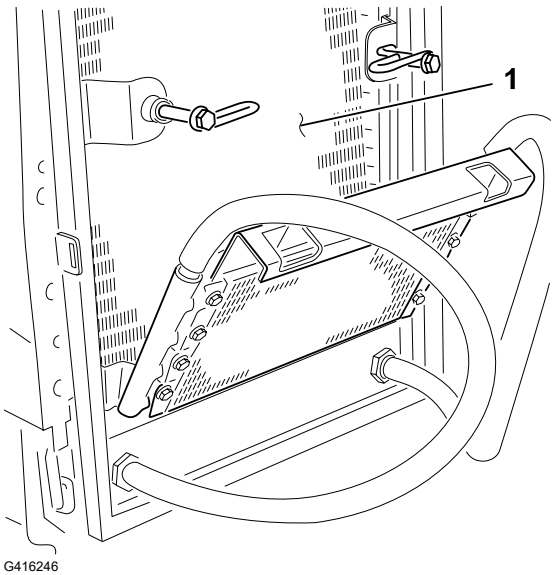

G416246

Bảo trì dây đai

Căng Dây đai Máy dao điện

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Mở mui xe.
3. Kiểm tra tình trạng của dây đai máy dao điện.

   Lưu ý: Thay dây đai bị mòn hoặc bị hỏng.
4. Kiểm tra độ căng của dây đai máy dao điện bằng cách ấn vào giữa các ròng rọc.

   Lưu ý: Với lực 45 N (10 lb), dây đai sẽ bị lệch 10 mm (3/8 inch).
5. Nếu độ lệch không chính xác, hãy hoàn tất quy trình sau để căng dây đai:
   A. Nới lỏng các bu lông gắn (1) máy dao điện (2).
   B. Tăng hoặc giảm độ căng của dây đai máy dao điện và siết chặt các bu lông gắn lắp.
   C. Kiểm tra lại độ lệch dây đai để đảm bảo độ căng là chính xác.
6. Đóng và chốt mui xe.

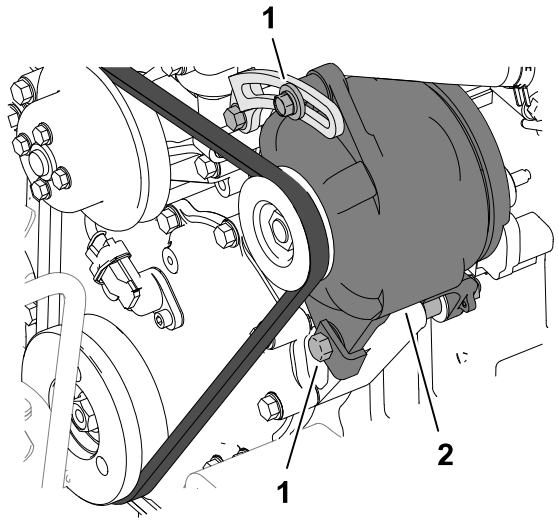

G425418

Bảo trì hệ thống thủy lực

Thông số kỹ thuật của Chất lỏng Thủy lực

Bình chứa được đổ đầy tại nhà máy bằng chất lỏng thủy lực chất lượng cao. Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực trước khi bạn khởi động động cơ lần đầu tiên và sau đó là hàng ngày.

Chất lỏng thủy lực được khuyến nghị: Chất lỏng Thủy lực có Thời hạn Sử dụng Lâu dài Toro PX; có sẵn trong thùng 19 L (5 US gallon) hoặc tang 208 L (55 US gallon).

Lưu ý: Máy sử dụng chất lỏng thay thế được khuyến nghị sẽ yêu cầu thay đổi chất lỏng và bộ lọc ít thường xuyên hơn.

Chất lỏng thủy lực thay thế: Nếu không có sẵn Chất lỏng Thủy lực Toro PX có Thời hạn Sử dụng Lâu dài , bạn có thể sử dụng một chất lỏng thủy lực thông thường khác chứa dầu mỏ, có thông số kỹ thuật nằm trong phạm vi được quy định cho tất cả các tính chất vật liệu sau đây và đáp ứng các tiêu chuẩn công nghiệp. Không sử dụng chất lỏng tổng hợp. Tham khảo ý kiến của nhà phân phối chất bôi trơn của bạn để xác định sản phẩm ưng ý.

Thông số kỹ thuật của Chất lỏng Thủy lực (tiếp tục)

Lưu ý: Toro không chịu trách nhiệm về thiệt hại do thay thế không đúng cách, vì vậy chỉ sử dụng sản phẩm từ các nhà sản xuất uy tín và luôn hỗ trợ để đảm bảo cho khuyến nghị của họ.

Chất lỏng Thủy lực Chống mài mòn có Chỉ số Độ nhớt Cao/Điểm Đông tụ Thấp, ISO VG 46

Tính chất Vật liệu:	
Độ nhớt, ASTM D445	cSt @ 40 °C từ 44 đến 48
Chỉ số Độ nhớt ASTM D2270	140 trở lên
Điểm Đông tụ, ASTM D97	-37 °C đến -45 °C
Thông số kỹ thuật Công nghiệp:	Eaton Vickers 694 (I-286-S, M-2950-S/ 35VQ25 hoặc M-2952-S)

Lưu ý: Nhiều chất lỏng thủy lực gần như không màu nên rất khó phát hiện rò rỉ. Phụ gia nhuộm có màu đỏ dành cho chất lỏng thủy lực được đóng trong các chai 20 ml. Một chai đủ dùng cho 15 đến 22 L chất lỏng thủy lực. Đặt hàng Bộ phận số 44-2500 từ nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.

QUAN TRỌNG

Chất lỏng Thủy lực Phân hủy sinh học Tổng hợp Cao cấp Toro là chất lỏng phân hủy sinh học tổng hợp duy nhất được Toro phê duyệt. Chất lỏng này tương thích với các chất đàn hồi được sử dụng trong hệ thống thủy lực Toro và phù hợp với nhiều điều kiện nhiệt độ khác nhau. Chất lỏng này tương thích với các loại dầu khoáng thông thường, nhưng để đạt được khả năng phân hủy sinh học và hiệu suất tối đa, hệ thống thủy lực cần phải được dội sạch hoàn toàn bằng chất lỏng thông thường. Dầu được cung cấp trong tang 19 L (5 US gallon) hoặc 208 L (55 US gallon) từ nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.

Dung tích bình thủy lực

34 L (9 US gallon)

Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực

Bình chứa được đổ đầy tại nhà máy bằng chất lỏng thủy lực chất lượng cao. Thời điểm tốt nhất để kiểm tra dầu thủy lực là khi chất lỏng nguội. Máy phải ở cấu hình vận chuyển của nó.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Làm sạch khu vực xung quanh cổ bình nạp và nắp bình thủy lực
3. Tháo que thăm ra khỏi cổ bình nạp và lau bằng giẻ sạch.
4. Lắp que thăm vào cổ bình nạp; sau đó tháo ra và kiểm tra mức chất lỏng.

Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực (tiếp tục)

Lưu ý: Mức chất lỏng phải nằm trong phạm vi hoạt động trên que thăm.

QUAN TRỌNG

Không đổ quá đầy bình.

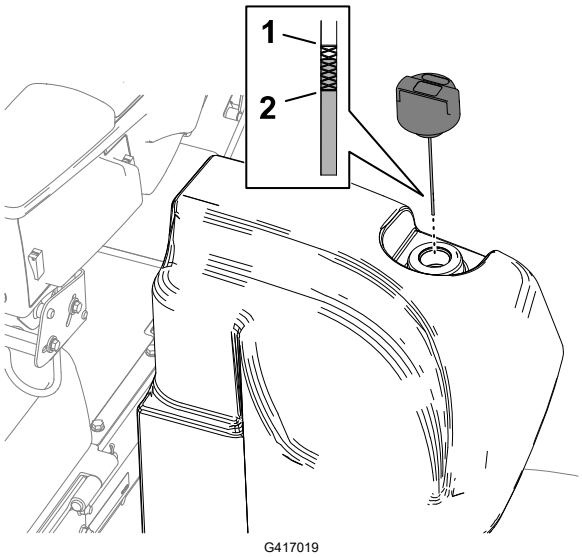

(1) Vạch Đầy (que thăm)

(2) Vạch Thêm (que thăm)

5. Nếu mức thấp, đổ thêm lượng chất lỏng phù hợp theo quy định để nâng mức đến vạch đầy.
6. Lắp que thăm vào cổ bình nạp.

Kiểm tra đường dẫn và ống mềm thủy lực

Kiểm tra đường dẫn và ống mềm thủy lực xem có bị rò rỉ, gấp khúc, giá đỡ gắn bị lỏng, hao mòn, đầu nối bị lỏng, xuống cấp do thời tiết và hóa chất không.

Lưu ý: Thực hiện tất cả các sửa chữa cần thiết trước khi vận hành.

Thay Bộ lọc Thủy lực

QUAN TRỌNG

Sử dụng bất kỳ bộ lọc nào khác có thể làm mất hiệu lực bảo hành đối với một số bộ phận.

Thay Bộ lọc Thủy lực (tiếp tục)

Thay Bộ lọc Hồi lưu

Hệ thống thủy lực được trang bị chỉ báo dịch vụ bộ lọc hồi lưu ①. Bạn xem chỉ báo dịch vụ bộ lọc qua lỗ trên tấm sàn. Với động cơ đang chạy ở nhiệt độ vận hành, hãy kiểm tra màu sắc của chỉ báo như sau:

- Màu xanh lá cây cho biết dòng chất lỏng thủy lực bình thường qua bộ lọc.
- Tham chiếu cho biết bộ lọc bị hạn chế. Thay bộ lọc hồi lưu.

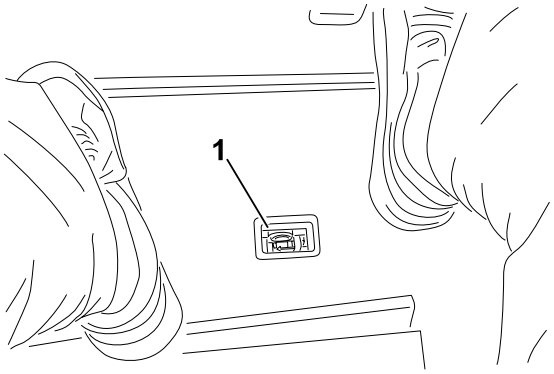

G417021

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Ở phía trước của máy, căn chỉnh đĩa dầu ở dưới bộ lọc hồi lưu ①.
3. Tháo bộ lọc.
4. Lau sạch khu vực gắn bộ lọc của đầu bộ lọc ② .
5. Phủ một lớp mỏng chất lỏng thủy lực quy định lên miếng đệm của bộ lọc hồi lưu mới.
6. Dùng tay vặn bộ lọc theo đường ren lên đầu lọc cho đến khi miếng đệm tiếp xúc với bề mặt gắn, sau đó xoay bộ lọc thêm 1/2 vòng.

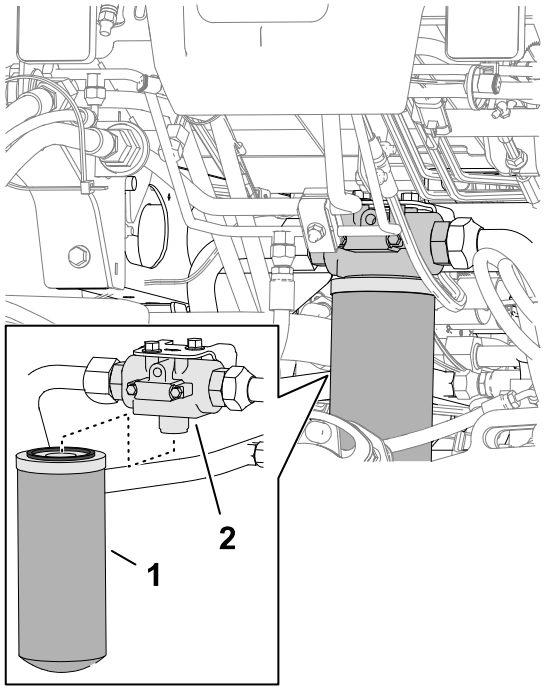

G417022

Thay Bộ lọc Nạp

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Nghiêng ghế.

Thay Bộ lọc Thủy lực (tiếp tục)

3. Ở bên trái của máy, căn chỉnh đĩa dầu dưới bộ lọc nạp (2).
4. Tháo bộ lọc.
5. Lau sạch khu vực gắn bộ lọc của đầu bộ lọc (1).
6. Phủ một lớp mỏng chất lỏng thủy lực quy định lên miếng đệm của bộ lọc nạp mới.
7. Dùng tay vặn bộ lọc theo đường ren lên đầu lọc cho đến khi miếng đệm tiếp xúc với bề mặt gắn, sau đó xoay bộ lọc thêm 1/2 vòng.
8. Hạ và chốt ghế.

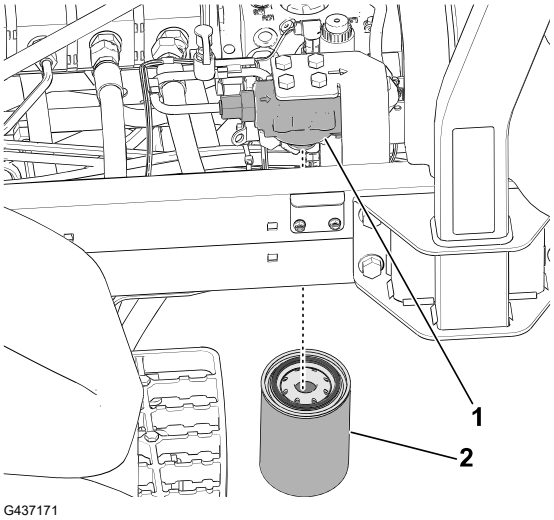

Kiểm tra Rò rỉ

1. Khởi động động cơ và chạy trong 2 phút để lọc hết không khí ra khỏi hệ thống thủy lực.
2. Tắt động cơ, rút chìa khóa và kiểm tra rò rỉ ở bộ lọc hồi lưu và nạp.

   Lưu ý: Sửa chữa tất cả các rò rỉ thủy lực.

Thay Chất lỏng Thủy lực

Nếu chất lỏng bị nhiễm bẩn, vui lòng liên hệ với Nhà phân phối Toro của bạn vì hệ thống phải được dội sạch. Chất lỏng bị nhiễm bẩn trông có màu trắng đục hoặc đen khi so sánh với chất lỏng sạch.

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Đặt chảo xả lớn ở dưới cổ góp trên đáy của bình thủy lực.

Thay Chất lỏng Thủy lực (tiếp tục)

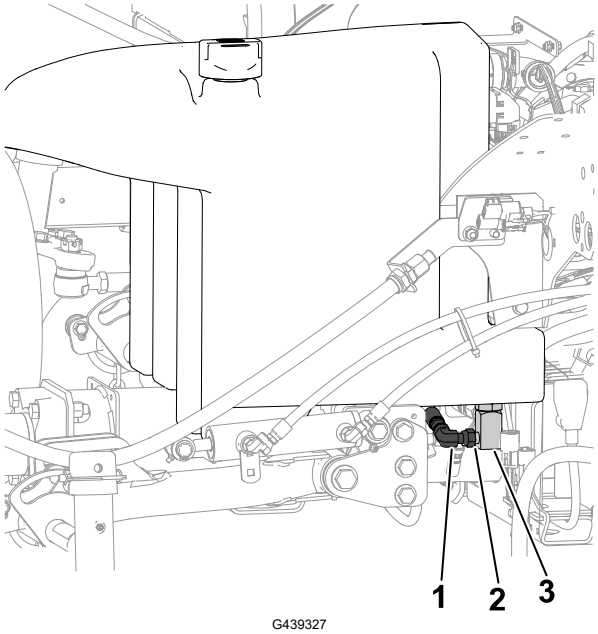

G439327

(1) Cổ góp

(2) Nới lỏng ống nối ở đây

(3) Ống nối 90°

3. Ngắt kết nối ống nối 90° khỏi cổ góp và để bình xả hết.
4. Khi chất lỏng thủy lực ngừng xả ra khỏi bình, hãy kết nối ống nối 90° với cổ góp.
5. Đổ đầy bình bằng chất lỏng thủy lực quy định.

QUAN TRỌNG

Chỉ sử dụng chất lỏng thủy lực quy định. Các chất lỏng khác có thể gây hư hỏng hệ thống.

6. Lắp nắp bình.
7. Khởi động động cơ và sử dụng tất cả các nút điều khiển thủy lực để phân phối chất lỏng thủy lực trong toàn hệ thống.
8. Kiểm tra rò rỉ chất lỏng thủy lực.
9. Kiểm tra mức độ.

Bảo trì Dao xoắn

Kiểm tra Điểm tiếp xúc của Guồng xoắn với Dao bụng

Kiểm tra điểm tiếp xúc của guồng xoắn với dao bụng ngay cả khi chất lượng mặt cắt đã được chấp nhận trước đó.

Lưu ý: Phải có tiếp xúc nhẹ trên toàn bộ chiều dài của guồng xoắn và dao bụng.

Mài bột đáMài rà ngược Dao xoắn

⚠ CẢNH BÁO ⚠

Tiếp xúc với dao xoắn hoặc các bộ phận đang chuyển động khác có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- **Không để ngón tay, bàn tay và quần áo của bạn lại gần dao xoắn và các bộ phận đang chuyển động khác.**
- **Không bao giờ cố gắng xoay dao xoắn bằng tay hoặc chân khi động cơ đang chạy.**

Lưu ý: Các hướng dẫn và quy trình bổ sung về mài rà ngược có sẵn trong Thông tin Cơ bản về Máy cắt cỏ Guồng xoắn Toro (với các hướng dẫn về mài sắc), Mẫu 09168SL.

Chuẩn bị Máy

1. Chuẩn bị máy để bảo trì.
2. Tắt PTO.
3. Thực hiện điều chỉnh ban đầu của guồng xoắn với dao bụng phù hợp với mài bột đámài rà ngược trên tất cả các dao xoắn sẽ được mài ngược; tham khảo *Hướng dẫn Vận hành* dao xoắn.
4. Mở khóa và nâng ghế để lộ cổ góp máy cắt cỏ.

Mài bột đáMài rà ngược Dao xoắn (tiếp tục)

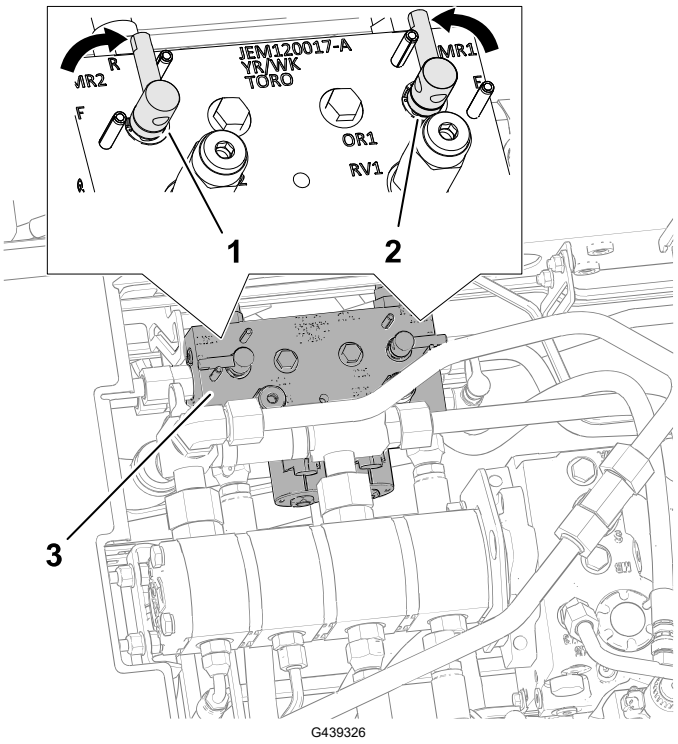

G439326

1. Cần mài rà ngược (vị trí mài rà ngược — dao xoắn phía trước)
2. Cần mài rà ngược (vị trí mài rà ngược — dao xoắn phía sau)
3. Cổ góp máy cắt cỏ

5. Di chuyển cần mài rà ngược đến vị trí R (mài rà ngược).

   Lưu ý: Chọn cần mài rà ngược phía trước, phía sau hoặc cả hai để điều khiển dao xoắn nào cần mài rà ngược. Khi mài bột đámài rà ngược, các dao xoắn phía trước hoạt động cùng nhau, và các dao xoắn phía sau hoạt động cùng nhau.

Mài bột đá Guồng xoắn và Dao bụng

⚠ CẢNH BÁO ⚠

Thay đổi tốc độ động cơ trong khi mài bột đá có thể khiến dao xoắn ngừng hoạt động, điều này có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

- **Không bao giờ thay đổi tốc độ động cơ khi đang mài bột đá.**
- **Mài rà ngược chỉ ở tốc độ động cơ dừng.**

---

1. Khởi động động cơ và chạy ở tốc độ dừng chậm.
2. Bật PTO và di chuyển điều khiển Hạ/Nâng Cắt cỏ về phía trước để bắt đầu thao tác mài rà ngược trên các guồng xoắn quy định.
3. Phủ bột nhào mài bằng bàn chải cán dài.

Mài bột đáMài rà ngược Dao xoắn (tiếp tục)

NGUY HIỂM

Việc tiếp xúc với dao xoắn khi chúng đang di chuyển sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

Để tránh gây chấn thương cá nhân, hãy chắc chắn bạn đã dọn dẹp các dao xoắn trước khi tiếp tục công việc.

QUAN TRỌNG

Không bao giờ sử dụng bàn chải cán ngắn.

4. Nếu guồng xoắn bị dừng hoặc trở nên thất thường trong khi mài bột đámài rà ngược, hãy chọn cài đặt tốc độ guồng xoắn cao hơn cho đến khi tốc độ ổn định, sau đó đưa tốc độ guồng xoắn về tốc độ mong muốn của bạn.
5. Nếu bạn cần điều chỉnh các dao xoắn trong khi mài bột đámài rà ngược, hãy thực hiện các bước sau:
   A. Di chuyển điều khiển Nâng/Hạ Cắt cỏ về phía sau và tắt PTO.
   B. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
   C. Điều chỉnh dao xoắn.
   D. Lặp lại các bước từ 1 đến 3.
6. Lặp lại bước 3 đối với các dao xoắn khác mà bạn muốn mài rà ngược.

Kết thúc Mài bột đáMài rà ngược

1. Di chuyển cần Nâng/Hạ Cắt cỏ về phía sau và tắt PTO.
2. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
3. Di chuyển các cần mài rà ngược đến vị trí (cắt cỏ) F.

QUAN TRỌNG

Nếu bạn không thay đổi cần mài bột đámài rà ngược về vị trí F (cắt cỏ) sau khi mài bột đámài rà ngược, các dao xoắn sẽ không hoạt động bình thường.

Mài bột đáMài rà ngược Dao xoắn (tiếp tục)

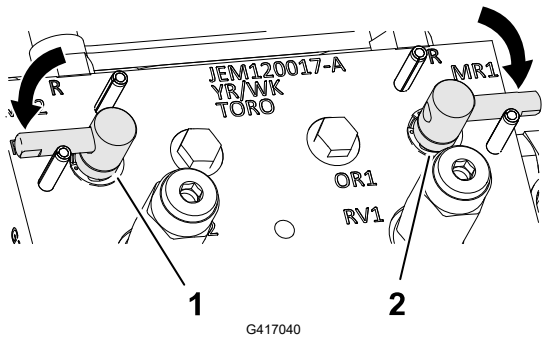

G417040

1. Cần mài rà ngược (vị trí cắt cỏ—dao xoắn phía trước)
2. Cần mài rà ngược (vị trí cắt cỏ—dao xoắn phía sau)

4. Hạ và chốt ghế của người vận hành.
5. Rửa tất cả bột nhào mài trên các dao xoắn.
6. Để có mép cắt tốt hơn, hãy chạy một đường giữa trên mặt trước của dao bụng sau khi mài.

   Lưu ý: Thao tác này sẽ loại bỏ bất kỳ đường gờ hoặc mép gồ ghề nào có thể tích tụ trên mép cắt.

Bảo trì Khung gầm

Kiểm tra Dây đai An toàn

1. Kiểm tra dây đai an toàn xem có bị mòn, bị đứt và bị hư hỏng khác không. Thay (các) dây đai an toàn nếu bất kỳ bộ phận nào không hoạt động bình thường.
2. Làm sạch dây đai an toàn khi cần thiết.

Làm sạch

Rửa Máy

Rửa máy chỉ bằng nước hoặc bằng chất tẩy rửa nhẹ, nếu cần. Bạn có thể sử dụng giẻ khi rửa máy.

Rửa Máy (tiếp tục)

QUAN TRỌNG

- **Không sử dụng nước lợ hoặc nước tuần hoàn để làm sạch máy.**
- **Không sử dụng thiết bị rửa chạy điện để rửa máy. Thiết bị rửa chạy điện có thể làm hỏng hệ thống điện, làm lỏng nhãn mác quan trọng, hoặc rửa trôi dầu mỡ cần thiết tại các điểm ma sát. Tránh sử dụng quá nhiều nước gần bảng điều khiển, động cơ và ắc quy.**
- **Không rửa máy khi động cơ đang chạy. Rửa máy khi động cơ đang chạy có thể dẫn đến làm hỏng động cơ bên trong.**

An toàn Cất giữ

- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy làm như sau:
  - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
  - Tắt và hạ dao xoắn.
  - Gài phanh tay.
  - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
  - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
  - Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.

Cất giữ Máy

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng, hạ dao xoắn, gài phanh tay, tắt động cơ và rút chìa khóa.
2. Làm sạch kỹ máy kéo, dao xoắn và động cơ.
3. Kiểm tra áp suất lốp.
4. Kiểm tra tất cả các chốt hãm có bị lỏng không; siết chặt khi cần thiết.
5. Tra mỡ hoặc dầu cho tất cả các núm tra mỡ và điểm trục. Lau sạch bất kỳ chất bôi trơn dư thừa nào.
6. Đánh nhám nhẹ và đánh lại sơn trên các khu vực đã sơn bị trầy xước, bị chẻ hoặc rỉ sét. Sửa chữa mọi vết lõm trên thân kim loại.
7. Bảo dưỡng ắc quy và cáp như sau:
   A. Tháo các cực ắc quy ra khỏi các cọc ắc quy.
   B. Làm sạch ắc quy, cực và cọc ắc quy bằng bàn chải sắt và dung dịch natri bicacbonat.
   C. Bọc các đầu cáp và cọc ắc quy bằng mỡ bôi ngoài Grafo 112X (Số Bộ phận Toro 505-47) hoặc mỡ khoáng để tránh bị ăn mòn.
   D. Sạc ắc quy từ từ 60 ngày một lần, trong 24 giờ để ngăn chặn quá trình sulfat hóa dây dẫn của ắc quy.
8. Chuẩn bị động cơ như sau:
   A. Xả dầu động cơ ra khỏi đĩa hứng dầu và lắp nút xả.

B. Tháo và loại bỏ bộ lọc dầu. Lắp bộ lọc dầu mới.

C. Đổ đầy dầu mô-tơ quy định vào động cơ.

D. Khởi động động cơ và chạy ở tốc độ dừng trong khoảng 2 phút.

E. Tắt động cơ và rút chìa khóa.

F. Dội sạch bình nhiên liệu bằng nhiên liệu sạch, mới.

G. Siết chặt tất cả các đầu nối của hệ thống nhiên liệu.

H. Vệ sinh kỹ lưỡng và bảo dưỡng cụm bộ lọc khí.

I. Bịt kín cửa nạp bộ lọc khí và cửa xả bằng băng dính chống chịu được thời tiết.

J. Kiểm tra lớp bảo vệ chất chống đông và thêm dung dịch 50/50 nước và chất chống đông ethylene glycol nếu cần đối với nhiệt độ tối thiểu theo dự kiến trong khu vực của bạn.

Cất giữ Ắc quy

Nếu bạn sẽ cất giữ máy trong hơn 30 ngày, hãy tháo ắc quy và sạc đầy. Cất giữ trên kệ hoặc trên máy. Ngắt kết nối các dây cáp nếu được cất giữ trên máy. Cất giữ ắc quy ở nơi thoáng mát để tránh sạc ắc quy nhanh xuống cấp. Để ngăn ắc quy bị đóng băng, hãy đảm bảo ắc quy đã được sạc đầy. Trọng lượng riêng của ắc quy đã sạc đầy là 1,265 đến 1,299.

Thông tin Cảnh báo theo Dự luật 65 của California

Cảnh báo này là gì?

Bạn có thể thấy một sản phẩm được bán có nhãn cảnh báo như sau:

⚠ **CẢNH BÁO:** Ung thư và Tác hại đến Hệ sinh sản—www.p65Warnings.ca.gov.

Dự luật 65 là gì?

Dự luật 65 áp dụng cho bất kỳ công ty nào hoạt động ở California, bán sản phẩm ở California, hoặc sản xuất các sản phẩm có thể được bán hoặc đưa vào California. Dự luật yêu cầu Thống đốc California duy trì và xuất bản danh sách hóa chất được biết là gây ung thư, dị tật bẩm sinh và/hoặc các tác hại đến hệ sinh sản khác. Danh sách được cập nhật hàng năm và bao gồm hàng trăm loại hóa chất được tìm thấy trong nhiều vật dụng hàng ngày. Mục đích của Dự luật 65 là thông báo cho công chúng về việc phơi nhiễm với những hóa chất này.

Dự luật 65 không cấm bán các sản phẩm có chứa những hóa chất này nhưng thay vào đó, yêu cầu phải có cảnh báo trên bất kỳ sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc tài liệu nào có sản phẩm. Hơn nữa, cảnh báo theo Dự luật 65 không có nghĩa là sản phẩm vi phạm bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu về an toàn sản phẩm nào. Trên thực tế, chính quyền California đã làm rõ rằng cảnh báo theo Dự luật 65 “không giống như quyết định của cơ quan quản lý về việc sản phẩm là ‘an toàn’ hay ‘không an toàn’.□? Nhiều hóa chất trong số này đã được sử dụng trong các sản phẩm hàng ngày trong nhiều năm mà không ghi nhận tác hại nào. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập https://oag.ca.gov/prop65/faqs-view-all.

Cảnh báo theo Dự luật 65 có nghĩa là công ty đã (1) đánh giá mức độ phơi nhiễm và kết luận rằng mức độ phơi nhiễm vượt quá “mức rủi ro không đáng kể□?; hoặc (2) chọn đưa ra cảnh báo dựa trên hiểu biết của mình về sự hiện diện của một loại hóa chất nằm trong danh sách cấm mà không cố gắng đánh giá mức độ phơi nhiễm.

Luật này có áp dụng ở mọi nơi không?

Cảnh báo theo Dự luật 65 chỉ được yêu cầu theo luật của California. Những cảnh báo này được nhìn thấy ở khắp California trong nhiều môi trường khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nhà hàng, cửa hàng tạp hóa, khách sạn, trường học và bệnh viện và trên nhiều loại sản phẩm. Ngoài ra, một số nhà bán lẻ đặt hàng trực tuyến và qua thư đưa ra các cảnh báo theo Dự luật 65 trên trang web hoặc trong danh mục của họ.

Cảnh báo của California so với giới hạn của liên bang như thế nào?

Các tiêu chuẩn của Dự luật 65 thường nghiêm ngặt hơn các tiêu chuẩn của liên bang và quốc tế. Có nhiều chất khác nhau yêu cầu phải có cảnh báo theo Dự luật 65 ở mức thấp hơn nhiều so với giới hạn hành động của liên bang. Ví dụ: tiêu chuẩn của Dự luật 65 đối với cảnh báo về chì là 0,5 µg/ngày, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn của liên bang và quốc tế.

Tại sao tất cả các sản phẩm tương tự không có cảnh báo?

- Các sản phẩm được bán ở California yêu cầu phải ghi nhãn theo Dự luật 65 trong khi các sản phẩm tương tự được bán ở những nơi khác thì không.
- Công ty liên quan đến vụ kiện theo Dự luật 65 nhằm đạt được cách giải quyết có thể được yêu cầu sử dụng cảnh báo theo Dự luật 65 cho các sản phẩm của mình, nhưng các công ty khác sản xuất các sản phẩm tương tự có thể không có yêu cầu đó.
- Việc thực thi Dự luật 65 không nhất quán.
- Các công ty có thể chọn không đưa ra cảnh báo vì họ kết luận rằng họ không bắt buộc phải thực hiện theo Dự luật 65; thiếu cảnh báo về sản phẩm không có nghĩa là sản phẩm đó không có các hóa chất được liệt kê ở các mức độ tương tự.

Tại sao Toro lại đưa cảnh báo này vào?

Toro đã chọn cung cấp cho người tiêu dùng càng nhiều thông tin càng tốt để họ có thể đưa ra quyết định sáng suốt về sản phẩm họ mua và sử dụng. Toro đưa ra cảnh báo trong một số trường hợp nhất định dựa trên kiến thức của mình về sự hiện diện của một hoặc nhiều hóa chất được liệt kê mà không đánh giá mức độ phơi nhiễm, vì không phải tất cả các hóa chất được liệt kê đều cung cấp các yêu cầu về giới hạn phơi nhiễm. Mặc dù mức độ phơi nhiễm của các sản phẩm Toro có thể không đáng kể hoặc nằm trong phạm vi “rủi ro không đáng kể□?, Toro đã hết sức thận trọng khi chọn đưa ra các cảnh báo theo Dự luật 65. Hơn nữa, nếu Toro không đưa ra những cảnh báo này, Toro có thể bị Tiểu bang California hoặc các bên tư nhân đang tìm cách thực thi Dự luật 65 kiện và phải chịu các hình phạt đáng kể.

Lưu ý:

Lưu ý:

TORO